

HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG



**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
của dự án **THUÊ ĐẤT BÃI BỒI NUÔI**  
**NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU,**  
**SÒ GIỐNG**

Thị xã Duyên Hải, tháng 8 năm 2024

HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG



**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án THUÊ ĐẤT BÃI BÒI**  
**NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM,**  
**NGHÊU, SÒ GIỒNG**

CHỦ DỰ ÁN  
HỢP TÁC XÃ  
PHƯƠNG ĐÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



*Dặng Xuân Thảo*



*Lữ Chi Thiện*

Thị xã Duyên Hải, tháng 8 năm 2024

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
1. Xuất xứ của dự án .....	1
1.1. Thông tin chung về dự án.....	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư .....	2
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan .....	2
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) .....	3
2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM .....	3
2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.....	6
2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM .....	6
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường .....	6
3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	6
3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	7
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường .....	9
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM.....	10
5.1. Thông tin về dự án .....	10
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	11
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án .....	12
5.3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng... 12	
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	16
5.4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng.....	16
5.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành .....	17

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của đơn vị thi công .....	20
Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	22
1.1. Thông tin về dự án .....	22
1.1.1. Tên dự án.....	22
1.1.2. Thông tin về chủ dự án .....	22
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án .....	22
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.....	25
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	26
1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.....	28
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án .....	29
1.2.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án .....	29
Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án .....	29
1.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	30
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án .....	30
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành.....	31
1.5. Biện pháp tổ chức thi công.....	33
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	34
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án.....	34
1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án.....	34
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	34
Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	36
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	36
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	36
2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.....	41
2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội .....	41
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.....	43

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....	43
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học.....	47
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.....	48
2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn xây dựng.....	48
2.3.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành.....	48
2.3.3. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án .. .....	49
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.....	49
<b>Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>50</b>
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng.....	50
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	62
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	82
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo .....	83
<b>Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>86</b>
4.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công.....	86
4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường.....	91
<b>Chương 5: KẾT QUẢ THAM VẤN .....</b>	<b>92</b>
5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	92
5.2. Tham vấn bằng văn bản theo quy định.....	92
5.3. Kết quả tham vấn cộng đồng.....	92
<b>KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....</b>	<b>93</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>95</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Diễn giải</b>
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	CTRXD	Chất thải rắn xây dựng
18	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
19	BTCT	Bê tông cốt thép
20	WHO	World Health Organization

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo.....	8
Bảng 2: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường .....	12
Bảng 3: Tọa độ vị trí thực hiện dự án .....	24
Bảng 4: Quy mô Dự án .....	29
Bảng 5: Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.....	29
Bảng 6: Tiến độ thực hiện Dự án .....	34
Bảng 7: Nhiệt độ trung bình tháng ( $^{\circ}\text{C}$ ) .....	37
Bảng 8: Số giờ nắng trung bình tháng (giờ).....	38
Bảng 9: Lượng mưa trung bình tháng (mm) .....	38
Bảng 10: Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%) .....	39
Bảng 11: Dữ liệu kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước biển ven bờ ....	43
Bảng 12: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu .....	44
Bảng 13: Dự báo tải lượng khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển .....	52
Bảng 14: Nồng độ các chất ô nhiễm trong khói hàn sử dụng que hàn 3,2 mm ..	54
Bảng 15: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt .....	63
Bảng 16: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt .....	63
Bảng 17: Thành phần ô nhiễm trong khói thải.....	65
Bảng 18: Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy .....	66
Bảng 19: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt.....	67
Bảng 20: Thành phần và khối lượng CTNH.....	69
Bảng 21: Mức ồn phát sinh của các phương tiện giao thông.....	70
Bảng 22: Độ ồn của các phương tiện giao thông hoạt động tại dự án .....	71
Bảng 23: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án .....	82
Bảng 24: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM.....	84

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án .....	23
Hình 2: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án (tt) .....	24
Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024 .....	25
Hình 3: Sơ đồ các điểm góc giới hạn khu đất dự kiến thực hiện Dự án .....	25
Hình 4: Hiện trạng xung quanh khu vực dự án .....	27
Hình 5: 02 Chòi canh thuộc dự án .....	27
Hình 6: Quy trình nuôi nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống .....	32
Hình 7: Sơ đồ vị trí địa lý thị xã Duyên Hải .....	36
Hình 8: Hình ảnh công tác lấy mẫu quan trắc hiện trạng môi trường .....	45
Hình 9: Chất thải trôi dạt vào khu vực đất bãi bồi .....	68
Hình 10: Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại .....	75
Hình 11: Hầm tự hoại được xây dựng tại chòi canh 1 .....	77
Hình 12: Biển cảnh báo nguy hiểm ngoài khu vực biển .....	81

## MỞ ĐẦU

### 1. Xuất xứ của dự án

#### 1.1. Thông tin chung về dự án

Tỉnh Trà Vinh, với vị trí nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, có hệ sinh thái nước mặn đa dạng, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản phát triển. Diện tích đất cồn và bãi bồi ven biển của tỉnh Trà Vinh rất lớn (khoảng 15.000ha), thích hợp cho nghề nuôi nghêu, sò theo hình thức nuôi thả tự nhiên. Toàn tỉnh Trà Vinh hiện có 7 hợp tác xã nuôi nghêu với tổng diện tích khoảng 1.000 ha, tập trung chủ yếu ở 2 huyện Châu Thành, Cầu Ngang và thị xã Duyên Hải, sản lượng thu hoạch 4.000 - 6.000 tấn/năm. Sản phẩm nghêu Trà Vinh cùng với sản phẩm nghêu của một số tỉnh khác của Việt Nam hiện đã có mặt và chinh phục gần 60 thị trường trên thế giới. Tính đến hết tháng 9/2023 xuất khẩu nhóm mặt hàng các sản phẩm nhuyễn thể có vỏ (nghêu, ốc, hào, điệp...) của Việt Nam đạt 98 triệu USD. Trong đó, nghêu là sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất với gần 60 triệu USD.

Theo kế hoạch Chiến lược phát triển thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt, địa phương xác định đây là một trong những đối tượng nuôi chủ lực mang lại giá trị kinh tế khá lớn cho người dân ở vùng ven biển, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, đặc biệt là dân nghèo thiếu đất sản xuất. Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030, tổng diện tích nuôi nghêu toàn tỉnh đạt 3.300ha. Ngày 25 tháng 10 năm 2023, UBND tỉnh Trà Vinh đã có văn bản số 4788/UBND-CNXD về việc cho phép sử dụng tên địa danh “Trà Vinh” để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm nghêu của tỉnh Trà Vinh và Ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh xác nhận bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN “Nghêu Trà Vinh”. Đồng thời Đã tiến hành nộp Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu ngày 25/12/2023 với Cục sở hữu trí tuệ.

Nắm bắt được những lợi thế, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, Hợp tác xã Phương Đông đã đầu tư Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1044/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 11/6/2024.

Bên cạnh đó, Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống có sử dụng khu vực biển (với diện tích 206.336,3 m<sup>2</sup>). Theo quy định tại tiểu mục 8 mục II phục lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc nhóm II; theo quy định tại

điểm b khoản 1 điều 30 Luật bảo vệ môi trường, Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

*(cấu trúc và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống được thực hiện theo mẫu số 04 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

### ***1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư***

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
- Địa chỉ liên lạc: Số 52A đường Lê Lợi, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Email: travinh@chinhphu.vn
- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1044/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

### ***1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan***

- Dự án phù hợp với mục tiêu “Phát triển nuôi trồng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long bền vững, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, nước biển dâng; nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất dựa trên việc tổ chức sản xuất phù hợp, đầu tư đồng bộ và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào toàn chuỗi giá trị sản phẩm; đưa nuôi trồng thủy sản trở thành lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long” được nêu tại Quyết định số 3550/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

- Dự án phù hợp với với quan điểm, mục tiêu, định hướng, chủ trương của Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững

kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 quy định vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, trong đó quy hoạch vùng phát triển nuôi trồng thủy sản: Tôm thẻ, tôm sú, cua biển, nghêu...tại các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

- Dự án phù hợp với Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.

- Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

- Dự án phù hợp với Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ.

## **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)**

### ***2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM***

#### ***a) Văn bản pháp lý***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày

18/01/2024;

- Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 21/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25/6/2015, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;

- Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/01/2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013;

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, thông qua ngày 13/11/2008, có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua;

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;
- Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
- Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (*Meretric lyrata*);

***b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn***

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;
- Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;
- QCVN 02-37:2021/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giống động vật thân mềm

## ***2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án***

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1044/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.
- Biên bản ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu.
- Công văn số 1207/SKHĐT-TTXX ngày 24/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phúc đáp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống.
- Biên bản ngày 10/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc khảo sát thực địa khu đất bãi bồi ven biển để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

## ***2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM***

- Đề xuất dự án đầu tư ngày 27/5/2024 của Hợp tác xã Phương Đông.
- Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường khu vực thực hiện Dự án.

## **3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

### ***3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường***

- Hợp tác xã Phương Đông (đơn vị chủ dự án) đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt theo đúng quy định.
- Quá trình tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của

Dự án được tóm tắt như sau:

+ Bước 1: Nghiên cứu Báo cáo đề xuất dự án đầu tư Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống, phối hợp cùng Chủ dự án nghiên cứu và đánh giá môi trường sơ bộ tại khu vực dự kiến thực hiện Dự án

+ Bước 2: Nghiên cứu về các điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực Dự án và khảo sát thực tế tại khu vực Dự án.

+ Bước 3: Thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án và vùng xung quanh.

+ Bước 4: Căn cứ trên kết quả khảo sát, đo đạc, ... thực hiện đánh giá, dự báo các tác động tiêu cực tới môi trường theo các giai đoạn thực hiện dự án.

+ Bước 5: Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án. Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án.

+ Bước 6: Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng (theo 03 hình thức theo đúng quy định)

+ Bước 7: Hoàn thiện báo cáo ĐTM của Dự án.

+ Bước 8: Trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định báo cáo ĐTM.

+ Bước 9: Hoàn chỉnh nội dung báo cáo theo biên bản Hội đồng thẩm định ĐTM.

### ***3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường***

- Đơn vị tư vấn lập báo cáo: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện

+ Địa chỉ: Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

+ Văn phòng đại diện: Số 99C/2, đường Đồng Khởi, khóm 8, phường 6, thành phố Trà Vinh

+ Điện thoại: 0972 029 302      Email: [cty.tuthien2018@gmail.com](mailto:cty.tuthien2018@gmail.com)

- Đơn vị thực hiện lấy và thử nghiệm mẫu:

+ Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú


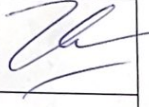
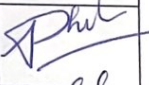
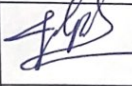

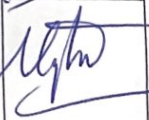
+ Địa chỉ: số 156 đường Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, mã số VIMCERTS 292.

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Danh sách các thành viên trực tiếp tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống bao gồm:

*Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo*

Stt	Họ và tên	Học vị/Chức vụ	Chuyên ngành	Nội dung thực hiện	Chữ ký
<b>A. Hợp tác xã Phương Đông (gọi tắt là Chủ dự án)</b>					
1	Đặng Xuân Thảo	Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc	-	- Cung cấp số liệu, tài liệu liên quan Dự án; - Duyệt nội dung báo cáo ĐTM;	
<b>B. Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (Đơn vị tư vấn)</b>					
<b>I Chủ trì lập báo cáo ĐTM</b>					
1	Từ Chí Thiện	Thạc sĩ - Giám đốc	Khoa học môi trường	Kiểm soát nội dung Báo cáo	
<b>II Lập báo cáo</b>					
1	Nguyễn Hồng Phúc	Kỹ sư - Nhân viên	Kỹ thuật môi trường	Xây dựng chuyên đề của Báo cáo	
2	Phạm Chí Linh	Thạc sĩ - Nhân viên	Quản lý tài nguyên và môi trường		
3	Châu Thị Thúy	Kỹ sư - Nhân viên			
4	Nguyễn Hoàng Nhu	Cử nhân - Nhân viên	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		

*Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, 2024*

#### **4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường**

- Phương pháp thống kê: Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại khu vực thực hiện Dự án. Phương pháp được áp dụng nhằm cung cấp số liệu cho công tác đánh giá như:

+ Đánh giá hiện trạng môi trường (các thành phần môi trường, tài nguyên sinh vật) khu vực thực hiện Dự án và khu vực lân cận.

+ Thống kê được các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội xung quanh Dự án có khả năng bị tác động bởi quá trình thực hiện Dự án.

- Phương pháp đánh giá nhanh: Dùng để xác định nhanh tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, mức độ gây ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của Dự án. Việc tính toán tải lượng chất ô nhiễm dựa trên hệ số ô nhiễm, cụ thể như:

+ Đối với môi trường không khí sử dụng hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa kỳ (USEPA).

+ Đối với tiếng ồn, độ rung sử dụng hệ số ô nhiễm của Ủy ban BVMT U.S và Cục đường bộ Hoa Kỳ tính toán mức độ ồn, rung của phương tiện, máy móc thiết bị thi công theo khoảng cách.

- Phương pháp nhận diện tác động: Phương pháp này được áp dụng thông qua các bước cụ thể sau đây: mô tả các thành phần môi trường; xác định các hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến môi trường; xác định đầy đủ các dòng chất thải có liên quan, vấn đề môi trường và các yếu tố môi trường nhạy cảm để phục vụ cho việc đánh giá chi tiết.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này nhằm đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng nước thải, tải lượng ô nhiễm,... Trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường liên quan của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường, cũng như các nghiên cứu liên quan trong Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra, khảo sát: Mục đích của phương pháp là xác định hiện trạng khu vực thực hiện Dự án, nhằm làm cơ sở cho việc đo đạc, lấy mẫu phân tích, cũng như làm cơ sở cho việc đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm, chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường.

Các phương pháp nêu trên được sử dụng từ Chương 1 đến Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra xã hội học (tham vấn cộng đồng): Sử dụng khi làm việc với lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư xã Trường Long Hòa, thị xã

Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nhằm:

+ Cung cấp cho cộng đồng các thông tin cần thiết để hiểu rõ về Dự án, những tác động tiêu cực của việc thực hiện và những biện pháp giảm thiểu tương ứng;

+ Thông báo tới cộng đồng những lợi ích khi Dự án được thực hiện;

+ Tiếp thu ý kiến phản hồi của những cá nhân, tổ chức có khả năng bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương nơi thực hiện Dự án;

+ Điều chỉnh nội dung của báo cáo ĐTM trên cơ sở đóng góp và ý kiến của cộng đồng, cơ quan, tổ chức về Dự án, để quá trình triển khai thực hiện Dự án phù hợp với thực tế tại địa phương, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường và đến cộng đồng.

Kết quả phương pháp này được sử dụng tại chương 5 của báo cáo.

## **5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM**

### **5.1. Thông tin về dự án**

#### *a) Thông tin chung*

- Tên dự án: **DỰ ÁN THUÊ ĐẤT BÃI BỒI NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU, SÒ GIỐNG**

- Địa điểm thực hiện: Ấp Nhà máy xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Chủ dự án: **HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG**

- Địa chỉ trụ sở: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

#### *b) Phạm vi, quy mô, công suất*

##### *b.1) Phạm vi và quy mô dự án*

Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống có tổng diện tích là 557.125,8 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Diện tích trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) có tổng diện tích là 350.789,5 m<sup>2</sup> (tương đương khoảng 35,08 ha)

- Diện tích ngoài đường triều kiệt (khu vực biển) có tổng diện tích là 206.336,3 m<sup>2</sup> (tương đương khoảng 20,63 ha)

##### *b.2) Công suất hoạt động của Dự án*

Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống có

công suất hoạt động tối đa là 720 tấn/vụ nuôi (trung bình 01 vụ nuôi trong khoảng 12 tháng).

*c) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án*

*c.1) Các hạng mục công trình của dự án*

Các hạng mục công trình của Dự án bao gồm: Khu vực thả nuôi nghêu, sò; Chòi canh; Bãi neo đậu phương tiện của dự án và khu vực văn phòng điều hành dự án.

*c.2) Các hoạt động của dự án*

- Hoạt động xây dựng chòi canh
- Hoạt động thả nuôi nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống

*d) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường*

- Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, khu vực thực hiện của dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống **không** sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ... Do đó, dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Như vậy, tại khu vực thực hiện Dự án và xung quanh khu vực dự án đều không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định hiện hành.

***5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường***

Quá trình triển khai xây dựng cũng như hoạt động của Dự án có phát sinh một số tác động đến chất lượng các thành phần môi trường, các đối tượng xung quanh dự án, cụ thể như sau:

**Bảng 2: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

TT	Hạng mục công trình và hoạt động phát sinh chất thải	Các tác động đến môi trường	
		Nguồn tác động liên quan chất thải	Nguồn tác động không liên quan chất thải
<b>A</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng (hạng mục 02 chòi canh)</i></b>		
1	Vận chuyển vật liệu xây dựng	- Bụi, khí thải - CTR xây dựng thông thường	- Tiếng ồn, độ rung - Sự cố, rủi ro
2	Thi công xây dựng các hạng mục công trình	- Chất thải nguy hại - Nước thải xây dựng	+ Tai nạn lao động + Tai nạn giao thông
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- Nước thải sinh hoạt - CTR sinh hoạt	- An ninh trật tự khu vực
4	Quá trình bảo trì, sửa chữa thiết bị, máy móc	- Chất thải nguy hại	-
<b>B</b>	<b><i>Giai đoạn vận hành</i></b>		
1	Hoạt động nuôi và thu hoạch nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống	- Chất thải rắn thông thường	- Sự cố môi trường - Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động
2	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt - CTR sinh hoạt - CTNH (phát sinh từ khu vực văn Phòng)	- An ninh trật tự
3	Yếu tố vi khí hậu	- Chất thải rắn do sóng đánh dạt vào - Nước mưa chảy tràn	-

*Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024*

### ***5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án***

#### ***5.3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng***

##### *a) Nước thải, khí thải*

##### *a.1) Nước thải*

- Nước thải xây dựng: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: nước thải chứa thành phần ô nhiễm chính là chất rắn lơ lửng (TSS), hầu như không chứa các chất ô nhiễm nhóm hữu cơ, dinh dưỡng, .... các tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,32 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: nước thải chứa thành phần các chất ô nhiễm cao, cần

được xử lý triệt để. Tuy nhiên, lưu lượng nước thải phát sinh rất thấp, trong thời gian ngắn, nên đơn vị thi công đủ khả năng quản lý và xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Thời gian thi công xây dựng vào tháng 6/2024, với lưu lượng mưa và thời gian mưa rất thấp.

*a.2) Khí thải*

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình của dự án, bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ: Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng; Phương tiện cơ giới thi công xây dựng (bốc xúc vật liệu xây dựng, đào nền móng, ...) và các loại thiết bị gia nhiệt như máy hàn, máy cắt, ...

- Thành phần: Khí thải phát sinh với hệ số ô nhiễm rất thấp; Số lượng phương tiện hoạt động rất ít và tần suất không liên tục, ... nên thải lượng khí thải phát sinh từ nguồn này được dự báo là rất thấp và không gây tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

*b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

*b.1) Chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng phát sinh ước tính khoảng 100 kg (tương đương khoảng 0,1 tấn).

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh ước tính khoảng 02 kg/ngày.

*b.2) Chất thải nguy hại (CTNH)*

- Trong giai đoạn xây dựng dự án, chỉ phát sinh từ hoạt động sử dụng máy hàn với thành phần chủ yếu là que hàn thải (mã CTNH: 07 04 01) và xỉ hàn (mã CTNH: 07 04 02).

- Khối lượng CTNH phát sinh rất thấp: Ước tính khoảng 0,5 kg/toàn giai đoạn xây dựng

*c) Các tác động khác*

- An ninh trật tự: xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương. Ngoài ra, đời sống sinh hoạt của công nhân dễ phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Tai nạn giao thông: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển VLXD ra vào khu vực dự án làm tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường.

- Tai nạn lao động: Trong quá trình vận chuyển VLXD từ phương tiện

vận chuyển vào khu vực thi công, có thể phát sinh sự cố đổ ngã, ... từ đó gây ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe công nhân xây dựng.

- Yếu tố môi trường nhạy cảm: Trong phạm vi khu vực dự kiến thực hiện Dự án và xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường (theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### ***5.3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành***

#### *a) Nước thải, khí thải*

##### *a.1) Nước thải sinh hoạt*

- Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chài canh,...): Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 0,768 m<sup>3</sup>/ngày

- Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu, sò): Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày

##### *a.2) Khí thải*

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường bộ; Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường thủy

- Khí thải phát sinh từ nguồn này với hệ số ô nhiễm rất thấp, phát sinh trong khoảng không gian rất lớn, ... nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

#### *b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

##### *b.1) Chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chài canh,...): phát sinh tối đa 4,8 kg/ngày

+ Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu, sò): phát sinh tối đa 40 kg/ngày

- Vỏ nghêu, sò (hao hụt trong quá trình nuôi): ước tính khoảng 300 kg/tháng.

- Chất thải rắn trôi dạt vào khu vực Dự án: ước tính phát sinh tối đa khoảng 05 kg/ngày.

*b.2) Chất thải nguy hại (CTNH)*

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, sửa chữa phương tiện đường thủy; Phát sinh từ khu vực văn phòng và phát sinh từ hoạt động sửa chữa hệ thống chiếu sáng.

- Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang thải; Chất hấp thụ, giẻ lau, bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; Pin, ắc quy thải

- Khối lượng: ước tính khoảng 18 kg/năm

*c) Tiếng ồn, độ rung*

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án và các phương tiện tuần tra khu nuôi.

- Độ ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông thông dụng như xe mô tô và xe ô tô (loại 4 chỗ, 7 chỗ) có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

*d) Các tác động khác*

Trong giai đoạn vận hành của Dự án, có khả năng phát sinh các sự cố môi trường và rủi ro như sau:

- Sự cố nghêu, sò chết hàng loạt: Trong trường hợp xảy ra sự cố phát sinh chất thải rắn với khối lượng rất lớn. Với đặc thù khu nuôi là vùng biển, nên rất khó khăn trong công tác thu gom chất thải và kiểm soát phạm vi tác động. Khối lượng chất thải phát sinh:

+ Trường hợp 1: Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian đầu vụ nuôi (trong khoảng 01 – 02 tháng sau khi thả giống), tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 9 tấn.

+ Trường hợp 2: Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian cuối vụ nuôi (trong khoảng 01 – 02 tháng chuẩn bị thu hoạch), tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 216 tấn.

- Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại): phát sinh sự cố hư hỏng như sụt lún, vỡ hầm, sự cố quá tải, từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

- Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu:

+ Phát sinh va chạm giữa phương tiện của dự án và các phương tiện di chuyển trong khu vực.

+ Phát sinh sự cố do kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, không mặc áo phao, ... dẫn đến sự cố lật tàu/ghe và sự số đuối nước.

+ Vào khoảng thời gian thu hoạch, gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường thủy.

+ Ngoài ra, khi phát sinh sự cố va chạm giữa các phương tiện sẽ kéo theo phát sinh sự cố tràn dầu.

- An ninh trật tự: Phát sinh xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ lao động, phát sinh các tệ nạn xã hội. Phát sinh tai nạn giao thông trên các tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu là tuyến Quốc lộ 53).

#### ***5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án***

##### ***5.4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng***

###### ***a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải***

###### ***a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải***

- Nước thải xây dựng: Tự ngấm xuống bãi cát, không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng. Hiện trạng đã bố trí 01 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt (thể tích hầm ước tính khoảng 9 m<sup>3</sup>; dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m)

###### ***a.2) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi***

- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.
- Đối với cát xây dựng: có dụng cụ che kín (vải bạc); Đối với xi măng: được tập kết về khu vực công trường phù hợp với nhu cầu và sử dụng trong ngày.
- Phương tiện vận chuyển VLXD: Phải có dụng cụ che kín thùng xe (vải bạc), đảm bảo không phát sinh bụi và vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

###### ***b) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại***

###### ***b.1) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn***

thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít). Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (*trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa*). Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Một phần được thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng; phần còn lại được cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng dự án.

***b.2) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại***

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp (0,5kg/toàn giai đoạn xây dựng), đã được đơn vị thi công thu gom, xử lý và không tồn đọng tại khu vực thực hiện Dự án.

***c) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác***

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với công nhân ngoài địa phương phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại công trường.

- Có kế hoạch vận chuyển các loại VLXD từ đơn vị cung cấp đến công trường như: Khối lượng VLXD cần sử dụng trong ngày, số chuyến hoạt động trong ngày, tải trọng phương tiện vận chuyển, ...

- Phương tiện vận chuyển VLXD phải đảm bảo hoạt động đúng tải trọng quy định.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

***5.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành***

***a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải***

***a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt***

- Xây dựng hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm, bố trí tại khu vực văn phòng và 02 chòi canh

- Biện pháp xử lý bùn dư: Định kỳ thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, khuyến khích lao động sinh hoạt, nghỉ giữa ca tại gia đình, quán ăn, hạn chế tập trung sinh hoạt tại khu vực Dự án.

***a.2) Nước mưa chảy tràn***

- Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời.

- Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.

a.3) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi

- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi.

- Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại khu vực văn phòng.

b) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

b.1) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 06 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín. Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa). Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn thông thường: Thực hiện thu gom, đóng bao và tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa).

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

b.2) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Khu vực lưu chứa: với diện tích khoảng 1m<sup>2</sup>, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án.

- Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít

- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*c.1) Đối với tiếng ồn*

- Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).
- Đảm bảo thời gian hoạt động trong ngày, hạn chế hoạt động vào thời gian nghỉ trưa, giờ cao điểm.

*c.2) Sự cố nghêu, sò chết hàng loạt*

- Phương án phòng ngừa phát sinh sự cố: thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (*Meretric lyrata*), Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản về hướng dẫn, quản lý nuôi trồng thủy sản bền vững.

- Phương án ứng phó và khắc phục sự cố:
  - + Tiến hành báo cáo tới các cơ quan chức năng như Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, .
  - + Thực hiện xác định nguyên nhân sự cố: Phối hợp với đơn vị đủ chức năng để lấy và phân tích mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường.
  - + Thực hiện thu hoạch nhanh chóng, kịp thời đối với nghêu, sò đạt kích cỡ thương phẩm.
  - + Thực hiện thu gom, tiêu hủy vỏ nghêu, sò theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, ...

*c.3) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)*

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014
- Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải.
- Thực hiện theo dõi hiện trạng sử dụng của các hầm tự hoại, khi phát hiện các dấu hiệu bất thường như rạn nứt, rò rỉ nước thải qua thành/vách bể, ... thực hiện nhanh chóng các biện pháp khắc phục.

*c.4) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu*

- Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, ...
- Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án.
- Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, ... trên mỗi phương tiện, bố trí biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển.
- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chài canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển.
- Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện.
- Đối với hoạt động thu hoạch:
  - + Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, ... đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên.
  - + Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng.
  - Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự số đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ... để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục sự cố.
  - Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).

*c.5) An ninh trật tự*

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.
- Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, ...) cho lao động thời vụ.
- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

**5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của đơn vị thi công**

**5.5.1. Giai đoạn xây dựng**

- Tại thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống, đã hoàn thành giai đoạn xây dựng.
- Do đó, chủ dự án không đề xuất thực hiện chương trình quan trắc, giám

sát môi trường trong giai đoạn này

### **5.5.2. Giai đoạn vận hành**

#### **a) Giám sát chất lượng nước biển ven bờ**

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, Độ muối, DO, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> (tính theo N), Dầu mỡ khoáng, Fe và tổng Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển.

#### **b) Giám sát chất lượng trầm tích**

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: TT)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: As, Cu, Pb, Cr, Fe, As
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột Trầm tích nước mặn, nước lợ

## **Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

### **1.1. Thông tin về dự án**

#### **1.1.1. Tên dự án**

**THUÊ ĐẤT BÃI BỒI NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU, SÒ GIỐNG** (gọi tắt là Dự án)

#### **1.1.2. Thông tin về chủ dự án**

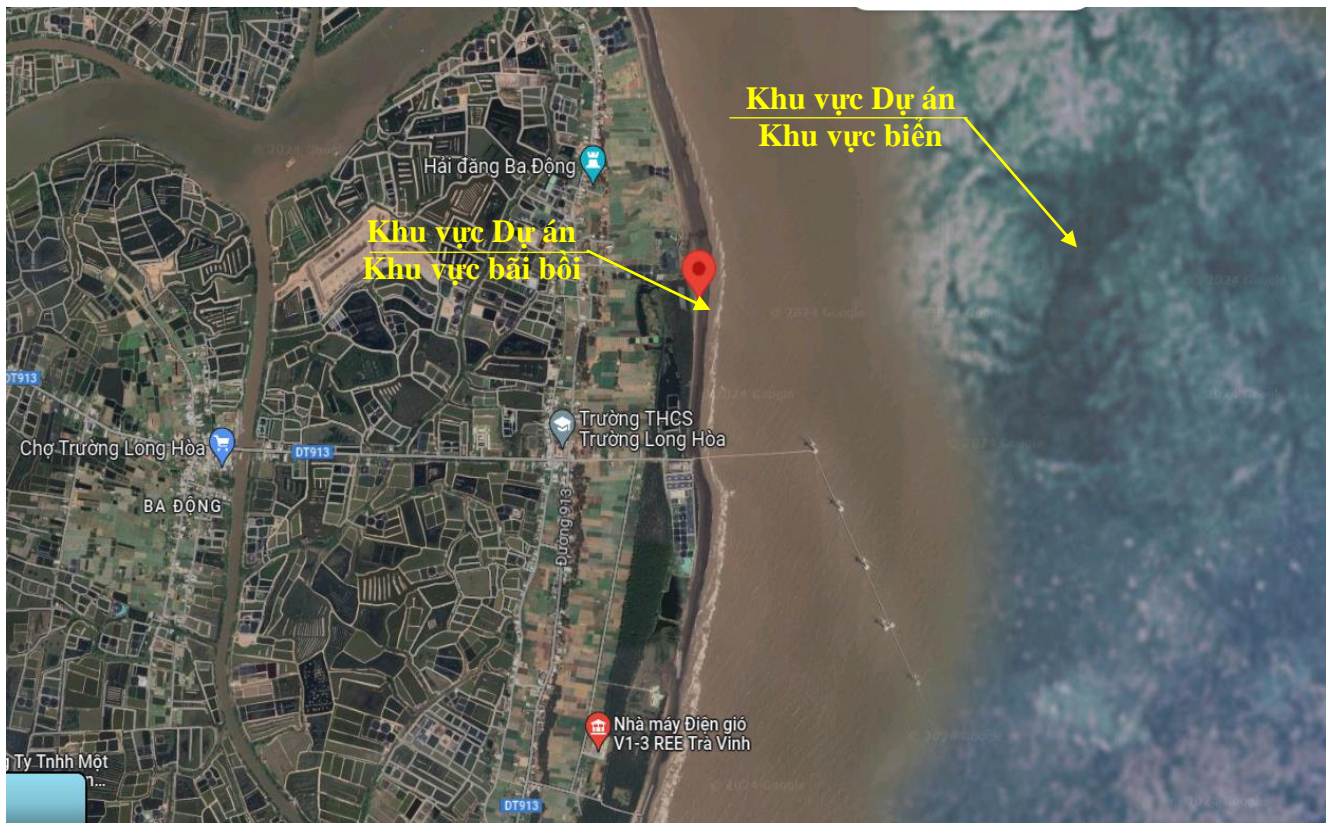
- Tên chủ dự án: **HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG** (gọi tắt là Chủ dự án)
- Địa chỉ trụ sở: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Xuân Thảo. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc
- Điện thoại: 0382 984 436
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 2100350435, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2016, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/4/2024
- Tiến độ thực hiện dự án:
  - + Tiến hành các thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư: từ tháng 3 đến tháng 5/2024
  - + Tiến hành xây dựng cơ bản: Tháng 6/2024
  - + Tiến hành các thủ tục môi trường: Tháng 7 - 10/2024
  - + Đưa dự án đi vào hoạt động: Tháng 10/2024

#### **1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án**

- Địa điểm dự kiến thực hiện Dự án: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bao gồm khu vực đất bãi bồi và khu vực biển. Tứ cận tiếp giáp của các khu vực cụ thể như sau:
  - + Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) (ký hiệu: Khu A2):
    - Phía Đông giáp Luồng tàu vào Vàm Láng Nước (còn Vượt)
    - Phía Nam giáp Khu vực lắp đặt turbine gió trên biển thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã nông nghiệp – thủy sản Trường Long Hòa
    - Phía Tây giáp rừng phòng hộ
    - Phía Bắc giáp khu vực Hợp tác xã Phương Đông (khu nuôi nghêu hiện hữu)

- + Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biên) (ký hiệu: Khu E):
  - Phía Đông giáp Luồng tàu vào Vàm Láng Nước (cồn Vượt)
  - Phía Nam giáp Khu vực lắp đặt turbine gió trên biển thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh, khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã nông nghiệp – thủy sản Trường Long Hòa
  - Phía Tây giáp khu vực Hợp tác xã Phương Đông (khu nuôi nghêu hiện hữu)
  - Phía Bắc giáp Vàm Láng Nước (cồn Vượt)

Vị trí khu đất dự kiến thực hiện dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống được thể hiện khái quát trong các sơ đồ sau:



Hình 1: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án



Hình 2: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án (tt)

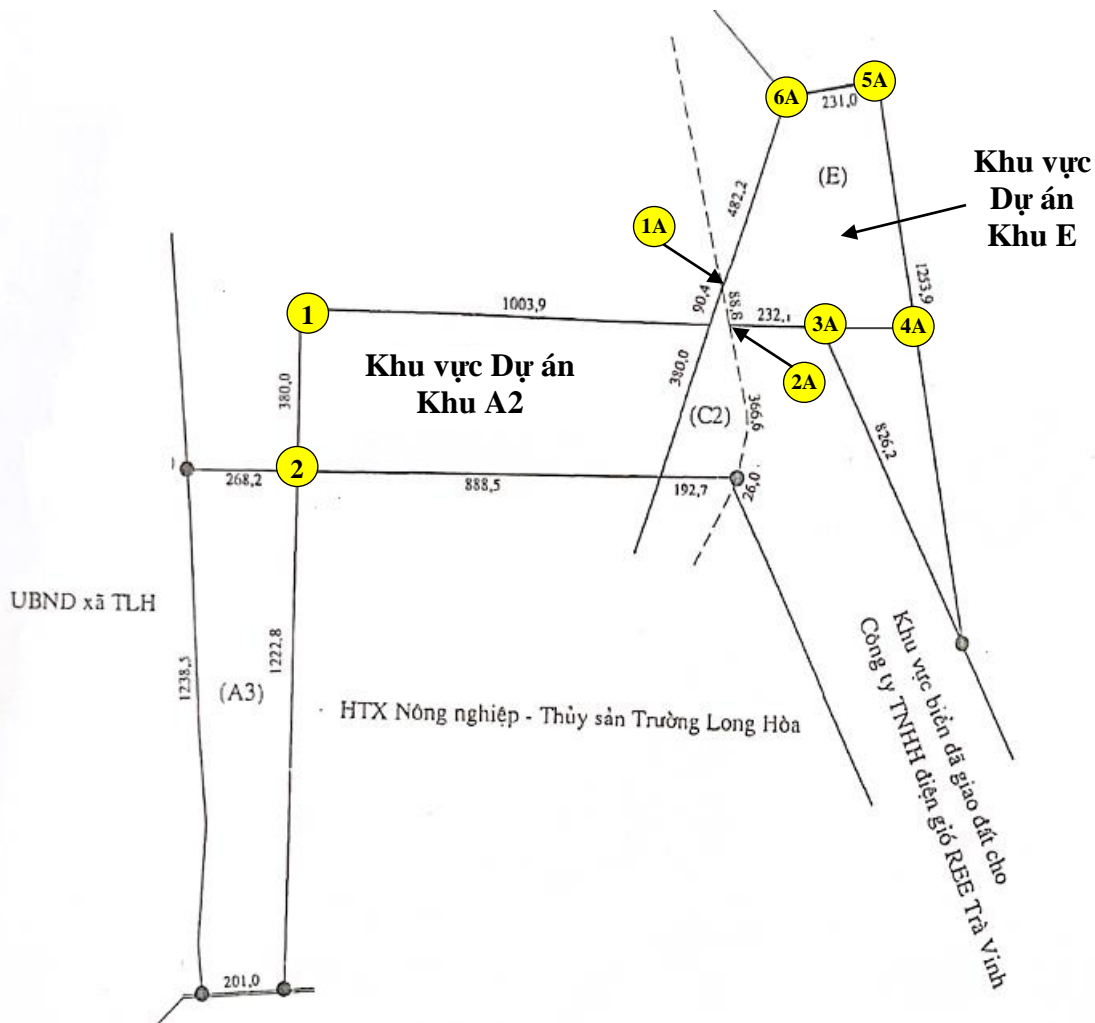
Vị trí khu vực thực hiện dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ (Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu 3 độ) như sau:

Bảng 3: Tọa độ vị trí thực hiện dự án

Điểm góc giới hạn	Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^{\circ}30'$ , múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
<b>A. Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi)</b>		
1	1071 667	618 656
2	1071 287	618 652
<b>B. Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biển)</b>		
1A	1071 738	619 688
2A	1071 652	619 708
3A	1071 650	619 941
4A	1071 645	620 169

Điểm góc giới hạn	Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến 105°30', múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
5A	1072 238	620 066
6A	1072 196	619 839

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024



Hình 3: Sơ đồ các điểm góc giới hạn khu đất dự kiến thực hiện Dự án

#### 1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

Khu vực thực hiện Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống bao gồm khu vực đất bãi bồi và khu vực biển, trong đó:

- Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi): Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải, diện tích đất bãi bồi thực hiện Dự án thuộc Đất nuôi trồng thủy sản; Tại thời điểm lập báo cáo, Chủ dự án đang thực hiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất.

- Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biển): Theo Phương án phân

bỏ và khoan đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải, diện tích khu vực biển thực hiện Dự án thuộc Đất mặt nước ven biển. Tại thời điểm lập báo cáo khu vực này do Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý, Chủ dự án đang thực hiện các thủ tục xin thuê khu vực biển.

Tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí thực hiện Dự án tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1044/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 11/6/2024.

***1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường***

- Khu vực thực hiện Dự án nằm hoàn toàn trong vùng đất bãi bồi, khu vực biển, nên hoàn toàn không tiếp giáp với khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Theo kết quả khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án, khu vực xung quanh dự án và theo quy định tại c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thì Dự án không tiếp giáp với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội xung quanh khu vực thực hiện Dự án:

+ Đối với khu vực biển: Dự án tiếp giáp với Luồng tàu vào Vàm Láng Nước (cồn Vượt); tiếp giáp với khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã nông nghiệp – thủy sản Trường Long Hòa, nên trong quá trình hoạt động của Dự án có thể bị tác động bởi các đối tượng này.

Ngoài ra, Dự án nằm trong khu vực Biển Đông, nên trong quá trình hoạt động của Dự án bị tác động trực tiếp của chế độ thủy văn/thủy triều biển Đông.

+ Đối với khu bãi bồi: Dự án tiếp giáp với rừng phòng hộ (*thuộc địa phận ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh*)

Dự án tiếp giáp với khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã nông nghiệp – thủy sản Trường Long Hòa, cách Công ty CP thủy sản Thông Thuận Trà Vinh khoảng 1.200m, nên hoạt động của dự án có thể bị tác động bởi các hoạt động phát thải từ 02 đối tượng này hoặc ngược lại.

Đọc theo khu vực rừng phòng hộ có một vài hộ nuôi tôm theo mô hình

công nghiệp và có hoạt động xả thải, do đó cũng tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động nuôi nghêu của Dự án.



*Hình 4: Hiện trạng xung quanh khu vực dự án*



*Hình 5: 02 Chòi canh thuộc dự án*

**1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án**

**a) Mục tiêu của dự án**

- Tạo nguồn cung cấp nghêu thương phẩm và nghêu giống đạt năng suất, sản lượng cao và an toàn thực phẩm.
- Kiên trì, giữ vững và phát triển mô hình nuôi trồng và khai thác nghêu bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Giải quyết việc làm và góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho lao động địa phương.
- Góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương nói chung và lĩnh vực nuôi trồng thủy sản nói riêng.

**b) Loại hình của dự án**

- Căn cứ theo khoản 3 điều 10 Luật Đầu tư công, dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống thuộc dự án Nhóm C.
- Căn cứ theo tiêu mục 8 mục II phục lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc nhóm II.
- Loại dự án: Đầu tư mới.
- Loại hình của Dự án: Nuôi trồng thủy sản theo hình thức thả nuôi tự nhiên.

**c) Quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án**

- Quy mô của dự án: Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống có tổng diện tích là 557.125,8 m<sup>2</sup>, trong đó:
  - + Diện tích trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) có tổng diện tích là 350.789,5 m<sup>2</sup> (tương đương khoảng 35,08 ha)
  - + Diện tích ngoài đường triều kiệt (khu vực biển) có tổng diện tích là 206.336,3 m<sup>2</sup> (tương đương khoảng 20,63 ha)

Quy mô, diện tích các khu vực đất bãi bồi và khu vực biển thuộc Dự án được thống kê trong bảng sau:

**Bảng 4: Quy mô Dự án**

STT	Ký hiệu khu đất/khu vực biển	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng quản lý
<b>A</b>	<b>Khu đất bãi bồi</b>		
1	Khu A2	350.789,5	- Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý - Chủ dự án đang thực hiện các thủ tục xin thuê
<b>B</b>	<b>Khu vực biển</b>		
1	Khu E	206.336,3	- Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý - Chủ dự án đang thực hiện các thủ tục xin thuê khu vực biển.
<b>Tổng cộng</b>		<b>557.128,8</b>	

*Nguồn: Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 10/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường*

- Công suất hoạt động của Dự án: Công suất tối đa là 720 tấn/vụ nuôi (trung bình 01 vụ nuôi trong khoảng 12 tháng).

- Công nghệ sản xuất của Dự án: Nuôi trồng thủy sản (nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống) theo hình thức thả nuôi tự nhiên, không cung cấp thức ăn và hóa chất.

## **1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

### **1.2.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống được liệt kê trong bảng sau:

**Bảng 5: Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

STT	Các hạng mục công trình	Quy mô (m <sup>2</sup> )	Các hoạt động	Chất thải phát sinh
1	Diện tích thả giống	400.000	Nuôi nghêu, sò	Chất thải rắn thông thường
2	Diện tích dự trữ nghêu di chuyển	106.925,8		
3	Diện tích khu neo đậu phương tiện	50.000	Di chuyển xung quanh khu vực dự án, nhằm	Sự cố tràn dầu

STT	Các hạng mục công trình	Quy mô (m <sup>2</sup> )	Các hoạt động	Chất thải phát sinh
			quản lý khu vực nuôi	
4	Chòi canh	200	Khu vực sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt
5	Khu vực văn phòng	200	- Khu vực văn phòng điều hành Dự án - Khu vực sinh hoạt của công nhân viên	- Chất thải rắn thông thường - CTNH

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

### 1.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường được đầu tư xây dựng tại Dự án bao gồm:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại khu vực chòi canh và văn phòng, bao gồm:
  - + 01 hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại văn phòng
  - + 02 hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại khu vực chòi canh (01 hàm/chòi)
- Công trình thu gom CTR sinh hoạt: Thùng chứa rác (loại thùng nhựa 12 lít, có nắp đậy) bố trí tại khu vực chòi canh và văn phòng.
- Công trình thu gom và lưu chứa CTNH: Bố trí 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít, có nắp đậy.
- Công trình ứng phó sự cố: Phao cứu sinh, áo phao, ... bố trí tại các phương tiện và tại chòi canh.

### 1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

#### 1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu

- Nhu cầu về con giống: Nghêu, sò giống cung cấp cho 01 vụ nuôi ước tính khoảng: 60.000.000 con/vụ
- Nhu cầu về nhiên liệu: Dự án sử dụng dầu DO để vận hành các phương tiện tuần tra, quản lý bãi nuôi, ... với định mức tiêu thụ tối đa khoảng 50 lít/tháng.

### **1.3.2. Nhu cầu về sử dụng thức ăn, hóa chất**

Hoạt động nuôi nghêu, sò tại Dự án hoàn toàn không sử dụng thức ăn và hóa chất.

### **1.3.3. Nhu cầu về sử dụng điện**

- Hoạt động nuôi nghêu, sò tại Dự án hoàn toàn không sử dụng điện năng.

- Nhu cầu sử dụng điện năng chủ yếu tại khu vực 02 chòi canh và văn phòng, với nhu cầu sử dụng khoảng 300 Kwh/tháng

(Định mức sử dụng điện theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng)

### **1.3.4. Nhu cầu về sử dụng nước**

- Mục đích sử dụng: Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên tại 02 chòi canh và văn phòng

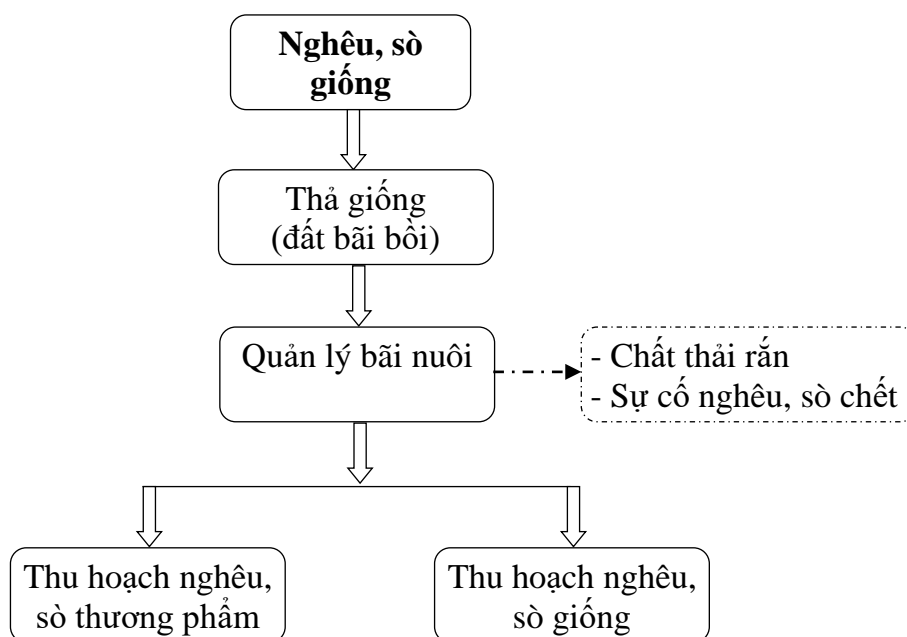
- Lưu lượng nước tiêu thụ: nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của Dự án được tính theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, cụ thể như sau: Áp dụng định mức sử dụng tối đa 80 lít/người/ngày và với 12 công nhân viên làm việc tại Dự án, thì nhu cầu sử dụng nước tối đa khoảng 0,96 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Riêng đối với lao động thời vụ (làm việc trong khoảng thời gian thu hoạch), Chủ dự án không bố trí khu vực sinh hoạt nên hầu như không sử dụng nước tại khu vực Dự án.

- Nguồn cung cấp: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn tỉnh Trà Vinh

### **1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

- Quy trình nuôi nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống của Dự án được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 6: Quy trình nuôi nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống

**\* Thuyết minh quy trình**

- Nghêu, sò giống: Chọn con giống có kích cỡ đồng đều, màu sắc sáng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, không lẫn tạp vật, không bị nhiễm bệnh, có mùi tanh tự nhiên. Trường hợp chuyển giống nghêu ở nơi khác về nuôi, đóng bao khoảng 10kg/bao, dùng bao bì thấm nước, nên chuyển vào sáng sớm hay chiều mát, tránh mưa (đảm bảo thời gian vận chuyển từ lúc thu đến lúc thả giống không quá 16giờ).

- Thả giống: Trước khi xuống giống cần phải thuần hóa nhiệt độ cho con giống thích nghi dần với nhiệt độ bên ngoài từ 15-20 phút.

+ Các yếu tố môi trường cơ bản: Nhiệt độ: 28 - 32<sup>0</sup>C; Độ mặn: 15 -25 ‰; Hàm lượng oxy hòa tan: 4 - 6mg/l; pH: 7 - 8.

+ Thời vụ thả nuôi: Có thể thả nuôi quanh năm và phụ thuộc vào nguồn giống. Khuyến cáo thời gian thả giống tốt nhất nên tập trung vào tháng 8 - 12 dương lịch để tránh thời tiết nắng nóng, gây thiệt hại cho nghêu.

+ Cách thả giống: Con giống được rải đều trên mặt bãi. Thả giống lúc thủy triều đang lên và lúc triều chưa rút cạn, triều xuống thả ở chỗ nước sâu 10cm để nghêu có thể vùi mình ngay sau khi thả, không thả giống lúc phơi bãi.

- Chăm sóc và quản lý: Sau khi thả giống 15 ngày, chờ thủy triều xuống tiến hành kiểm tra tỷ lệ vùi cát của nghêu, trên cơ sở đó xác định tỷ lệ sống để có kế hoạch thả giống bổ sung cho phù hợp.

+ Thường xuyên theo dõi biến động mặt bãi cũng như lượng phù sa bồi

lắng để có hướng khắc phục kịp thời.

+ Kiểm tra các môi nguy có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển của nghêu nuôi như: Nhiệt độ, độ mặn, ảnh hưởng của sóng, gió,...

+ Tiến hành san lấp các chỗ trũng đọng nước trên mặt bãi để tránh hiện tượng nhiệt độ tăng cao cục bộ.

+ Theo dõi dịch hại: Khi triều xuống thường xuyên kiểm tra và thu gom, bắt ốc xanh.

+ Trong quá trình nuôi, nghêu có khuynh hướng di chuyển ra ngoài và chúng thường tập trung ở khu vực phía dưới của hướng dòng chảy, cho nên thường xuyên theo dõi khi mật độ nghêu tập trung thì phải cào và rải đều trở lại. Việc cào vén, san thưa được thực hiện lúc thủy triều xuống và công việc phải hoàn thành trước khi phơi bãi. Việc cào vén san thưa phải hạn chế, chỉ thực hiện khi cần thiết, không thực hiện lúc bãi khô và nhiệt độ cao.

- Thu hoạch: Tùy theo nhu cầu của khách hàng, thị trường, ... thực hiện thu hoạch nghêu thương phẩm hoặc nghêu con làm giống, cụ thể như sau:

+ Nghêu thương phẩm: Cỡ thu tốt nhất 50 - 60 con/kg. Nghêu có chất lượng thịt tốt nhất vào tháng 4 - 7 (dương lịch), cần thu nghêu thịt vào lúc triều rút, lúc này chúng đã ăn no, thải các vật thừa trong vỏ, chỉ giữ lại nước nên thịt nghêu rất sạch, ngược lại thu lúc triều lên nghêu thường ngậm cát, chất lượng thịt giảm khi chế biến.

+ Nghêu con làm giống: Kêu đạt kích cỡ 2.000 – 2.500 con/kg.

- Nuôi nghêu theo hình thức thả nuôi tự nhiên và không cung cấp thức ăn, hóa chất trong quá trình nuôi, nên không phát sinh các loại chất thải (rắn, lỏng, ...) trong quá trình nuôi.

- Tuy nhiên, trong trường hợp phát sinh sự cố nghêu chết đồng loạt, sẽ phát sinh chất thải rắn với khối lượng lớn và có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

### **1.5. Biện pháp tổ chức thi công**

- Đặc điểm đặc trưng của giai đoạn xây dựng dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống là không đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quá trình nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống.

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án chỉ đầu tư xây dựng 02 chòi canh (với tổng diện tích khoảng 200 m<sup>2</sup>). Do đó, khối lượng công việc trong giai đoạn này rất ít và được thực hiện trong thời gian ngắn.

- Bên cạnh đó, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án, đảm bảo thời gian thả nuôi vụ đầu nằm trong khoảng tháng 8 - 12 dương lịch, ... tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng Dự án.

**1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

**1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án**

- Tiến độ thực hiện dự án: Thời gian thực hiện Dự án dự kiến trong khoảng 08 tháng (từ tháng 3/2024 đến hết tháng 10/2024), cụ thể như sau:

*Bảng 6: Tiến độ thực hiện Dự án*

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian								
		3/2024	4/2024	5/2024	6/2024	7/2024	8/2024	9/2024	10/2024	11/2024
1	Thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư	---	-----▶							
2	Xây dựng cơ bản				-----▶					
3	Thủ tục môi trường					-----▶				
4	Dự án đi vào hoạt động								-----▶	

- Thời hạn hoạt động của Dự án: 05 năm (được tính từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

**1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án**

Vốn đầu tư của Dự án: 5.056.500.000 đồng (bằng chữ: Năm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 2.056.500.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), chiếm 40,67 % trên tổng vốn đầu tư.

- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 3.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ, đồng), chiếm 59,33 % trên tổng vốn đầu tư.

**1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

- Giai đoạn xây dựng: Chủ dự án đã thuê đơn vị thi công xây dựng 02 chòi canh, với số lượng nhân công khoảng 10 người.

- Giai đoạn vận hành: Tùy theo từng giai đoạn phát triển của vật nuôi, chủ dự án bố trí nhân công phù hợp với thực tế, qua đó góp phần giảm chi phí

đầu tư và giảm phát thải ra môi trường, cụ thể như sau:

+ Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chài canh,...): 12 người

+ Bộ phận lao động thời vụ (thu hoạch nghêu, sò): 200 người (làm việc theo ca, 04h/ca và trung bình 10 ngày/tháng)

## Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

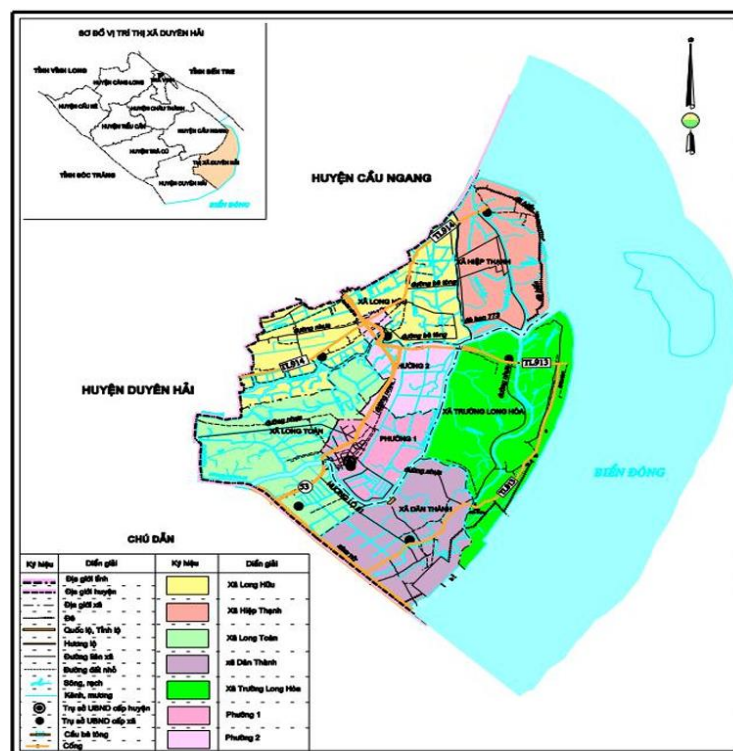
#### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

##### a) Vị trí địa lý

Thị xã Duyên Hải được thành lập theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải. Thị xã nằm về phía Nam của tỉnh Trà Vinh, giữa cửa Cung Hầu và Kênh đào Trà Vinh, có địa giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp với Biển Đông;
- Phía Tây và Nam giáp với huyện Duyên Hải;
- Phía Bắc giáp huyện Cầu Ngang.

Thị xã có tổng diện tích tự nhiên là 19.340,39 ha, có 07 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 02 phường và 05 xã (phường 1, phường 2, xã Dân Thành, xã Hiệp Thạnh, xã Long Toàn, xã Long Hữu, xã Trường Long Hòa). Là địa phương có vị trí tiếp giáp trực tiếp với Biển Đông và cửa sông Tiền nên thị xã có tiềm năng, lợi thế rất lớn cho giao thông đường thủy, có đủ điều kiện để phát triển trở thành một điểm trung chuyển đường thủy quốc tế.



Hình 7: Sơ đồ vị trí địa lý thị xã Duyên Hải

*b) Địa hình*

- Thị xã Duyên Hải có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng ven biển với những giồng cát hình cánh cung chạy dài theo hướng song song với bờ biển. Những giồng cát chủ yếu như: giồng Long Hữu, giồng Long Toàn, giồng Hiệp Thạnh - Trường Long Hòa và rải rác ven bờ biển.

- Nhìn chung địa hình thị xã khá thấp và tương đối bằng phẳng với cao trình bình quân phổ biến từ 0,4m - 1,2m. Tuy nhiên, do hệ thống sông rạch chằng chịt và sự phân cắt bởi những giồng cát làm cho địa hình mang tính đa dạng và phức tạp.

*c) Khí hậu*

- Nhiệt độ: Nhiệt độ 06 tháng đầu năm 2023 biến động nhẹ, tăng dần về các tháng cuối năm và dự báo nhiệt độ trung bình năm 2023 tăng so với các năm 2020, 2021 và 2022. Số liệu quan trắc tại Trạm Càng Long cho thấy nhiệt độ trung bình thấp nhất 25,2°C vào tháng 01/2021 và cao nhất là 29,7°C vào tháng 5/2020. Sự phân chia 04 mùa trong năm không rõ chủ yếu là mùa mưa và nắng.

*Bảng 7: Nhiệt độ trung bình tháng (°C)*

<b>Năm</b> <b>Tháng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
1	26,2	<b>25,2</b>	26,3	26,2
2	26,6	25,4	27,4	26,4
3	27,8	27,7	28	26,8
4	29	28,4	28,4	29,2
5	<b>29,7</b>	28,5	27,8	28,8
6	27,9	27,9	28,2	28,2
7	27,7	27,2	27	27,3
8	27,9	27,7	27,2	28,4
9	27,7	27	27,2	27,2
10	26,6	27,1	26,9	27,5
11	27,4	27,3	26,8	27,8
12	26,5	26,4	26,3	-
<b>Trung bình năm</b>	<b>27,58</b>	<b>27,15</b>	<b>27,29</b>	<b>27,62</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

- Số giờ nắng: Diễn biến qua các năm, số giờ nắng trong tháng có sự biến động giữa các năm và từ năm 2021 có xu hướng tăng dần. Ngoài ra, các tháng 3 và 4 trong năm đều có số giờ nắng cao nhất.

*Bảng 8: Số giờ nắng trung bình tháng (giờ)*

<b>Năm</b> <b>Tháng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
1	280,2	194,4	245,6	160,0
2	267,1	215,5	237,9	198,2
3	<b>282,6</b>	277,7	277,1	274,8
4	266,3	224,2	236,4	242,3
5	240,3	198,7	152,1	186,0
6	163,7	199,2	223,4	174,7
7	183,4	149,7	150,9	130,0
8	175,9	185,4	174	213,1
9	174,4	149	142,3	126,6
10	<b>126,4</b>	156,5	139,7	169,3
11	201	158,6	155,6	188,0
12	177,1	198	204,2	-
<b>Trung bình năm</b>	<b>211,53</b>	<b>192,24</b>	<b>194,93</b>	<b>187,55</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

- **Lượng mưa:** Lượng mưa trung bình các tháng phân hóa mạnh theo thời gian, chủ yếu tập trung vào mùa mưa (tháng 5 đến tháng 10). Mưa trái mùa thường xuyên xuất hiện với lượng mưa trung bình từ 0,8 - 102,8 mm trong các tháng mùa khô (tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau).

*Bảng 9: Lượng mưa trung bình tháng (mm)*

<b>Năm</b> <b>Tháng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
1	0,8	1,8	1,1	31,8
2	-	0	9,5	9,9
3	-	0	24,7	-
4	30,4	102,8	90,8	33,5

<b>Năm</b> <b>Tháng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
5	125,5	204	193,9	194,4
6	231	245,6	132	152,9
7	302	237,8	267,7	289,5
8	108,7	192,8	303,2	91,5
9	140,7	180,2	248,5	276,2
10	268	162,7	271,7	250,7
11	116,5	302,7	277,9	144,3
12	31,7	3,8	12,7	-
<b>Trung bình năm</b>	<b>135,53</b>	<b>136,18</b>	<b>152,81</b>	<b>147,47</b>

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm trung bình của các năm dao động ở mức 74 - 90%.

*Bảng 10: Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%)*

<b>Năm</b> <b>Tháng</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>
1	77	82	88	82
2	74	82	80	81
3	77	79	80	78
4	77	83	82	81
5	81	87	88	86
6	88	88	86	88
7	86	89	89	89
8	86	88	88	87
9	84	90	88	90
10	90	89	88	89
11	85	87	89	83
12	84	83	83	-
<b>Trung bình năm</b>	<b>82,42</b>	<b>85,58</b>	<b>85,75</b>	<b>84,91</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

*d) Thủy văn*

Do nằm sát biển nên thị xã Duyên Hải chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ triều biển Đông với chế độ bán nhật triều (nước lên - xuống 2 lần/ngày), biên độ triều khá cao và có lưu lượng chảy mạnh thông qua hệ thống sông, rạch, kênh chằng chịt như sông Thâu Râu, sông Ba Động, sông Long Toàn, kênh Tắt,... chi phối toàn bộ lượng nước cho hệ thống sông rạch trên địa bàn các xã. Đây là các sông chính chảy theo hướng từ Đông - Tây phân bố nguồn nước trên toàn thị xã.

*e) Tài nguyên biển*

- Khai thác hải sản: Thị xã có chiều dài bờ biển 24 km với cửa sông lớn là Cung Hầu, đủ điều kiện cho các loại tàu có công suất lớn neo đậu, ra vào thuận tiện; cho phép hoạt động khai thác hải sản diễn ra quanh năm với sản lượng ổn định. Diện tích ngư trường khai thác lên tới 45.536 hải lý vuông với nhiều bãi cá, tôm, mực tự nhiên; trữ lượng thủy hải sản có khả năng khai thác từ 65.000 - 70.000 tấn/năm, với nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao như cá ngừ, cá hồng, cá thu, cá chim, mực, tôm,... tạo tiềm năng lớn cho việc phát triển ngành khai thác, chế biến hải sản của địa phương.

- Nuôi trồng thủy sản: Với diện tích đất có khả năng đưa vào nuôi trồng thủy sản lớn (đất mặn - lợ ven biển cửa sông, đất bãi bồi ven biển) nếu được quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, thì hoàn toàn có thể khai thác, phát huy các tiềm năng để phát triển mạnh lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi trồng các loại thủy hải sản nước mặn - lợ có hiệu quả kinh tế cao như tôm, cua, nghêu, sò huyết,...

*f) Tài nguyên rừng*

- Thị xã có 2.211,35 ha đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất. Rừng trên địa bàn thị xã là rừng ngập mặn hình thành ở vùng ven biển và cửa sông, thuộc vùng sinh thái trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long, có giá trị nhiều mặt về phòng hộ cũng như về kinh tế.

- Rừng giúp cải thiện môi trường đất, nước trong các khu nuôi thủy sản thông qua việc trồng rừng trên các bờ liếp/bờ xáng sẽ góp phần làm giảm quá trình phèn hóa và rửa trôi trên mặt liếp/bờ, giảm biên độ nhiệt giữa ngày và đêm, hạn chế cường độ bức xạ của ánh nắng mặt trời. Ngoài ra, rừng còn có tác dụng bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thủy hải sản với vai trò vừa là nguồn cung cấp thức ăn vừa là nơi cư trú, dung dưỡng của các loài thủy hải sản sống trong vùng ngập mặn và ven biển.

*(nguồn: Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024,*

thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)

### **2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án**

Đặc trưng của loại hình nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống hoàn toàn không phát sinh nước thải. Nên trong quá trình hoạt động của dự án không gây các tác động tiêu cực, sức ép đến chất lượng môi trường nước biển ven bờ khu vực thực hiện dự án.

### **2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội**

#### **a) Điều kiện kinh tế**

- Tổng giá trị sản xuất ước đạt: 5.541 tỷ đồng, ước đạt 53,11% so Kế hoạch năm 2024, giảm 9,81% so cùng kỳ, trong đó:

+ Khu vực I ước đạt: 1.553 tỷ đồng, đạt 42,57% KH, giảm 29,34% so cùng kỳ.

+ Khu vực II ước đạt: 1.655 tỷ đồng, đạt 51,72% KH, giảm 11,97 % so cùng kỳ.

+ Khu vực III ước đạt: 2.333 tỷ đồng, đạt 65,08% KH, tăng 12,93% so cùng kỳ.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản chiếm 28,02%, công nghiệp - xây dựng chiếm 29,87% và thương mại - dịch vụ chiếm 42,15%. Cơ cấu sản xuất lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm 7,75% so cùng kỳ (từ 35,77% xuống còn 28%), lĩnh vực công nghiệp - xây dựng giảm 0,73% so cùng kỳ (từ 30,60% xuống còn 29,87%), lĩnh vực thương mại dịch vụ tăng 8,52% (từ 33,63 tăng lên 42,15%) so với cùng kỳ.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt: 877 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư doanh nghiệp 190 tỷ đồng; vốn đầu tư nhà nước 207 tỷ đồng; vốn đầu tư trong dân 480 tỷ đồng) đạt 53,47% kế hoạch.

#### **b) Điều kiện xã hội**

##### **b.1) Lao động, việc làm**

- Dân số thị xã Duyên Hải có khoảng 49.069 người (Trong đó: Nữ 24.408 người; nam 24.661 người; dân số thành thị 16.652 người và nông thôn là 32.417 người). Mật độ dân số trung bình khoảng 254 người/km<sup>2</sup>. Sự phân bố dân cư trên địa bàn không đồng đều, chủ yếu tập trung tại trung tâm thị xã, trung tâm hành chính của các xã, phường và dọc các tuyến giao thông thủy, bộ.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, đưa 27/20 lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 135% kế hoạch; đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp và kết nối giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo, kết quả đạt khá.

*b.2) Về tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia*

- Tổng kinh phí 2024: 5,173 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2,682 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2,491 tỷ đồng.

+ Tổng số dư chuyển nguồn sang năm 2024: 2,044 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1,104 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 0,940 tỷ đồng.

+ Kinh phí giao trong năm 2024: 3,128 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1,578 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1,550 tỷ đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024: đã giải ngân được 0,126 tỷ đồng, đơn vị, địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện.

*b.3) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*

- Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội lồng ghép vốn ngân sách nhà nước xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, ưu tiên các xã đăng ký xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Nhìn chung, đời sống vật chất - tinh thần của Nhân dân được nâng lên, cảnh quan môi trường có nhiều khởi sắc theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp, an ninh trật tự được đảm bảo, hệ thống chính trị được củng cố theo hướng trong sạch, vững mạnh.

- Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch 7.891 hộ/9.377 hộ nông thôn đạt 84,15%, so kế hoạch đạt 101,75% (kế hoạch 82,7%).

- Hoàn thiện và bổ sung hồ sơ xét công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu; xã Hiệp Thạnh xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao qua kiểm tra đạt 18/19 tiêu chí (tiêu chí 2.4 về đường trục chính nội đồng chưa đạt), xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phường 1, Phường 2 xây dựng phường đô thị văn minh. Đến nay (Phường 1 đạt 52/52 tiêu chí, tổ chức họp triển khai chuẩn bị hồ sơ cho công tác công nhận phường đô thị văn minh; Phường 2 đạt 49/52 tiêu chí, còn 03 tiêu chí chưa đạt).

- Vận động 12 cơ sở đăng ký 14 sản phẩm tham gia chương trình OCOP đang hỗ trợ xây dựng hồ sơ (ước 6 tháng xây dựng 08 sản phẩm đạt 266,6%)

(nguồn: Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 10/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024)

## **2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án**

### **2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

#### *a) Dữ liệu về hiện trạng môi trường*

- Nguồn dữ liệu: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh đợt tháng 3/2024

- Thành phần môi trường: nước biển ven bờ, với 02 vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

+ Khu du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải (ký hiệu: B<sub>1</sub>)

+ Khu vực Cảng biển, thị xã Duyên Hải (ký hiệu: B<sub>7</sub>)

*Bảng 11: Dữ liệu kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước biển ven bờ*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT
			B <sub>1</sub>	B <sub>7</sub>	
1	pH	-	7,22	7,11	6,5-8,5
2	Độ đục	NTU	81	178	-
3	Độ muối	‰	39,5	41,8	-
4	DO	mg/L	6,26	6,59	≥ 5
5	TSS	mg/L	33,3	<b>148,1</b>	50
6	Sulfua (tính theo S <sup>2-</sup> )	mg/L	0,05	0,05	-
7	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	0,085	KPH	0,1
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo P)	mg/L	0,02	0,03	0,2
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,5	KPH	5,0
10	As	mg/L	0,0017	0,0032	0,02
11	Hg	mg/L	<0,00024	<0,00024	0,0005
12	Fe	mg/L	0,28	<b>1,21</b>	0,5
13	Cr	mg/L	<0,015	0,03	0,1
14	Zn	mg/L	<0,09	<0,09	0,1
15	Cd	mg/L	<0,00075	<0,00075	0,005

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT
			B <sub>1</sub>	B <sub>7</sub>	
16	Cu	mg/L	<0,03	<0,03	0,02
17	Phenol	mg/L	<0,0009	<0,0009	0,03
18	Hóa chất bảo vệ thực vật (DDT <sub>s</sub> )	µg/L	<0,09	<0,09	1,0
19	Coliform	MPN/100mL	2,3.10 <sup>1</sup>	2,4.10 <sup>2</sup>	1.000

(nguồn: Báo cáo số 95/BC-TTKT ngày 12/06/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Theo dữ liệu kết quả quan trắc cho thấy, nước biển ven bờ tại 02 vị trí quan trắc nói riêng và khu vực thị xã Duyên Hải nói chung có chất lượng khá tốt, đa số các thông số quan trắc đều đạt QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển. Riêng một vài thông số vượt nhẹ so với quy chuẩn như: TSS, Fe tại vị trí B<sub>7</sub>

*b) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường*

Nhằm có cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án và hiện trạng các thành phần môi trường tiếp nhận nguồn thải phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Hợp tác xã Phương Đông đã phối hợp với đơn vị tư vấn và đơn vị có chức năng thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường. Công tác thực hiện, vị trí và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

*Bảng 12: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu*

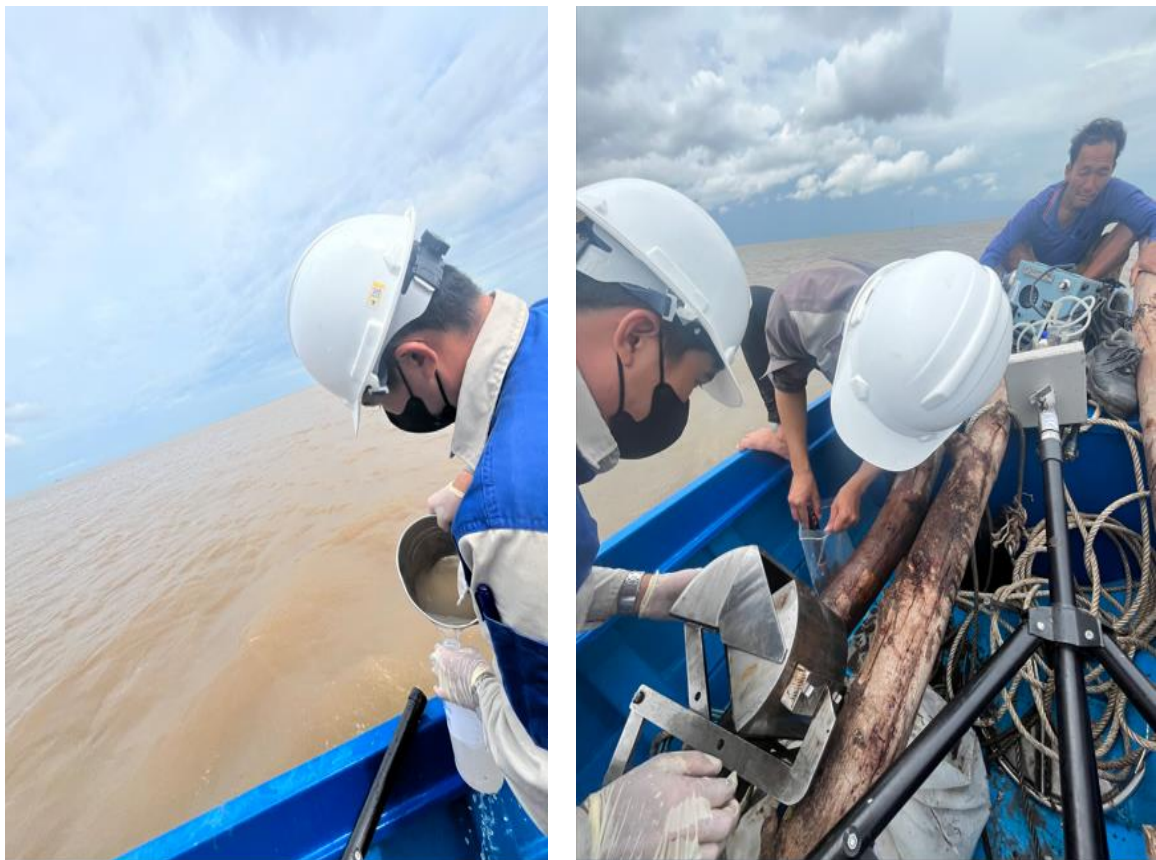
STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Ngày lấy mẫu	Toạ độ lấy mẫu	
				X	Y
<b>A</b>	<b>Không khí xung quanh</b>				
1	Bờ biển cách dự án khoảng 2km	Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO	17/7/2024	1072 121	618 083
<b>B</b>	<b>Nước biển ven bờ</b>				
1	01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: NB.01)	pH, DO, TSS, Coliform, Amoni, Phosphate, Fe, dầu mỡ khoáng	17/7/2024	1072 027	618 472
2	01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB.02)		17/7/2024	1072 067	618 975

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Ngày lấy mẫu	Toạ độ lấy mẫu	
				X	Y
C	Trầm tích				
1	01 vị trí ngoài đường triều kiệt	As, Pb, Cu, Cr, Fe, Hg	17/7/2024	1072 093	619 019

**Đơn vị thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu:**

- Công ty Cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú
- + Địa chỉ liên lạc: 156 Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- + Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.



Hình 8: Hình ảnh công tác lấy mẫu quan trắc hiện trạng môi trường

- Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu hiện trạng môi trường được thể hiện trong các bảng sau:

*b.1) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường nước biển ven bờ*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và 2)
			NB.01	NB.01	
1	pH	-	7,36	7,32	<b>6,5 ÷ 8,5</b>
2	DO	mg/L	6,12	6,32	<b>≥ 5</b>
3	TSS	mg/L	17,4	18	<b>50</b>
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N	mg/L	<b>2,47</b>	<b>2,26</b>	<b>0,1</b>
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/L	0,06	0,07	<b>0,2</b>
6	Fe	mg/L	<b>5,82</b>	<b>31,02</b>	<b>0,5</b>
7	Coliform	MPN/100mL	KPH	KPH	<b>1.000</b>
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	<1	<b>5,0</b>

*Ghi chú:* QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ, nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước, áp dụng so sánh đối với các thông số pH, DO, TSS và Coliform

Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ, nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển, áp dụng so sánh đối với các thông số quan trắc như NH<sub>4</sub><sup>+</sup>- N, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>-P, Fe và Tổng dầu, mỡ khoáng

Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước biển tại các vị trí quan trắc có chất lượng khá tốt, đa số các thông số quan trắc đều đạt QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và 2). Riêng các thông số NH<sub>4</sub><sup>+</sup>- N và Fe vượt so với giới hạn cho phép.

*b.2) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí xung quanh*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	50,2	<b>70<sup>(*)</sup></b>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	120	<b>300</b>
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	45	<b>200</b>

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
4	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	41	<b>350</b>
5	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	< 9.000	<b>30.000</b>

*Ghi chú:* Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (giá trị trung bình 1 giờ).

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

Theo kết quả quan trắc cho thấy, không khí xung quanh khu vực thực hiện Dự án có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT

*b.3) Kết quả quan trắc trầm tích*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43:2017/BTNMT
				Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Hg	mg/kg	KPH	<b>0,7</b>
2	Cu	mg/kg	<1,9	<b>108</b>
3	Cr	mg/kg	KPH	<b>160</b>
4	Pb	mg/kg	KPH	<b>112</b>
5	Fe	mg/kg	21,532	-
6	Asen	mg/kg	KPH	<b>41,6</b>

*Ghi chú:* QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột trầm tích nước mặn, nước lợ.

Mẫu trầm tích tại vị trí quan trắc có chất lượng tốt, 06/06 thông số quan trắc đều đạt QCVN 43:2017/BTNMT (Cột trầm tích nước mặn, nước lợ), hầu hết các thông số quan trắc đều có giá trị là không phát hiện (KPH).

**2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học**

*a) Dữ liệu hiện trạng đa dạng sinh học*

- Động vật phù du: Thành phần loài động vật phù du được tìm thấy khoảng 48 giống loài phân bố theo các ngành Prorozoa; bộ Cladocera 75 loài trong đó ngành Arthropoda có số lượng nhiều nhất.

- Động vật đáy: Thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) vùng cửa sông và ven biển Trà Vinh kém phong phú, chỉ tìm thấy 73 loài.

- Giáp xác: Đã xác định được 109 loài có ý nghĩa sinh thái và kinh tế thuộc 06 họ và 30 loài bao gồm: Họ tôm He hay tôm biển (Penaeidae) xác định được 18 loài; Họ tôm Càng (Palaemonidae) xác định được 1 loài; Họ tôm Lân (Alpheidae) có 1 loài; Họ tôm Tít (Squillidae) có 1 loài; Họ Mui, Ruốc (Sergestidae) xác định được 6 loài; Nhóm cua xác định được 3 loài trong họ cua Bơi (Portunidae). Trong đó cua Xanh (Scyllaserrate) và ghẹ Xanh (Portunus pelagicus), ghẹ Ba Châm (Portunussanguinoletus); nhóm Còng (Grapsidae): rất phong phú về số lượng.

- Nhuyễn thể: Đã xác định được 70 loài, trong đó, lớp chân bụng 30 loài, chân đầu 10 loài, hai mảnh vỏ 40 loài. Trong các loài 2 mảnh vỏ nghêu (Meretrix lyrata) và Sò Huyết (Anadara granosa) là hai đối tượng có giá trị kinh tế và có số lượng lớn.

- Khu hệ cá biển/lợ: Theo các kết quả nghiên cứu, hệ cá biển/lợ được xác định có tổng cộng 211 loài cá thuộc 58 họ.

(nguồn: Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, được ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 07/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

### ***2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án***

#### ***2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn xây dựng***

- Khối lượng công việc trong giai đoạn xây dựng rất nhỏ, thời gian thi công ngắn, ... nên không phát sinh các tác động tiêu cực đến chất lượng các thành phần môi trường.

- Khu vực thực hiện dự án không tiếp giáp với khu dân cư, các công trình trọng điểm của địa phương, .... nên hoàn toàn không gây tác động đến các đối tượng này.

#### ***2.3.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành***

- Trong giai đoạn vận hành dự án có phát sinh chất thải từ 02 nguồn chính là: (1) chất thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án; (2) chất thải phát sinh từ quá trình nuôi nghêu, sò, tuy nhiên đây là nguồn thải không liên tục, chỉ phát sinh khi phát sinh sự cố nghêu, sò chết đồng loạt.

- Như vậy, trong giai đoạn vận hành có phát thải ra môi trường, từ đó có khả năng gây ảnh hưởng đến các đối tượng như:

- + Môi trường tiếp nhận nước thải sinh hoạt
- + Công trình thu gom CTR sinh hoạt tại địa phương
- + Hoạt động nuôi trồng thủy sản lân cận khu vực dự án

### **2.3.3. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

- Tại khu vực thực hiện dự án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, khu vực thực hiện của dự án **không** sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ... Do đó, dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án**

Khu vực thực hiện Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống bao gồm đất bãi bồi và khu vực biển và hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với quy hoạch sử dụng đất, ... cụ thể như sau:

- Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.

- Phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

- Phù hợp với Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ.

### **Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng**

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án không thực hiện xây dựng các hạng mục công trình, hạ tầng tại khu nuôi nghêu, sò, ... nên không phát sinh chất thải và các tác động môi trường từ nguồn này.

- Trong giai đoạn này, dự án chỉ triển khai thi công xây dựng 02 chòi canh, với quy mô xây dựng khoảng 200 m<sup>2</sup>.

- Ngoài ra, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo đúng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1044/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng (thời gian xây dựng đã được thực hiện và hoàn thành trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc).

- Do đó, đơn vị tư vấn chỉ thực hiện thống kê lại các tác động môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện, cụ thể như sau:

#### **3.1.1. Đánh giá các tác động**

##### **a) Các tác động môi trường liên quan đến chất thải**

##### **a.1) Tác động do nước thải**

##### **a.1.1) Nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu từ các nguồn chính sau:

- Nước thải phát sinh từ quá trình tưới nền công trình, rửa vật liệu xây dựng ... phần lớn nước thải phát sinh từ nguồn này ngấm xuống bãi cát.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ thi công. Nước thải phát sinh từ nguồn này rất thấp ... phần lớn nước thải phát sinh từ nguồn này tự thấm xuống bãi cát.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ nguồn này ước tính khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày

Về quy mô tác động: Lưu lượng nước thải xây dựng phát sinh rất thấp, không liên tục, nước thải chứa thành phần ô nhiễm chính là chất rắn lơ lửng

(TSS), hầu như không chứa các chất ô nhiễm nhóm hữu cơ, dinh dưỡng, .... các tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

Về đối tượng tác động: Môi trường đất cát tại khu vực công trường

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc)

a.1.2) Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân xây dựng.

- Quy mô nguồn thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng Dự án được tính theo công thức sau:  $NT_{sh} = (N_{dm} \times n) \times 80\%$

Trong đó:

+  $NT_{sh}$ : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+  $N_{dm}$ : Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc tại công trường với thời gian tối đa 08h/ngày nên định mức nước sinh hoạt lấy 40 lít/người/ngày.

+  $n$ : Số công nhân xây dựng tập trung tại khu vực thi công tối đa là 10 người.

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

- Như vậy lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này ước tính khoảng 0,32 m<sup>3</sup>/ngày.

Về quy mô tác động: Nhìn chung, các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường. Nếu nguồn thải này không được kiểm soát và xử lý tốt trước khi xả thải ra môi trường sẽ gây tác động nhất định đến chất lượng các thành phần môi trường tiếp nhận nước thải.

Tuy nhiên, lưu lượng nước thải phát sinh rất thấp, trong thời gian ngắn, nên đơn vị thi công đủ khả năng quản lý và xử lý. Từ đó, giảm thiểu tối đa các tác động môi trường.

Về không gian tác động: Khu vực thi công dự án và khu vực xung quanh Dự án.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai

đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc).

*a.1.3) Nước mưa chảy tràn*

- Thời gian thi công xây dựng vào tháng 6/2024, với lưu lượng mưa và thời gian mưa rất thấp.

- Do đó, không phát sinh các tác động môi trường do nước mưa chảy tràn cuốn trôi các loại vật liệu xây dựng hoặc chất thải trong phạm vi thi công Dự án ra khu vực xung quanh.

*a.2) Tác động do bụi, khí thải*

Trong quá trình thi công xây dựng các công trình của dự án, các nguồn phát sinh bụi, khí thải tập trung chủ yếu từ 02 nhóm chính sau:

- *Nhóm 1:* Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng từ đơn vị cung ứng đến khu vực công trường (loại xe tải có tải trọng 3 tấn)

- *Nhóm 2:* Phương tiện cơ giới thi công xây dựng (bóc xúc vật liệu xây dựng) và các loại thiết bị gia nhiệt như máy hàn, máy cắt, ...

Thải lượng của các nguồn phát sinh khí thải và quy mô, đối tượng bị tác động bởi các nguồn thải này cụ thể như sau:

*\* Tác động do bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng bằng đường bộ*

- Quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ phát sinh ra bụi và một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm: bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, THC.

- Trong một ngày có tối đa khoảng 04 lượt phương tiện ra vào khu vực thi công (trong đó: 02 lượt vận chuyển có tải và 02 lượt vận chuyển không tải). Vậy tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ nguồn này được dự báo và thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 13: Dự báo tải lượng khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển*

STT	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (xe/ngày)	Tải lượng ô nhiễm (g/km.ngày)
1	Bụi	Chạy có tải	1,190	2	2,38
		Chạy không tải	0,611	2	1,22
2	SO <sub>2</sub>	Chạy có tải	0,786	2	1,57
		Chạy không tải	0,582	2	1,16
3	NO <sub>x</sub>	Chạy có tải	2,960	2	5,92

STT	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (xe/ngày)	Tải lượng ô nhiễm (g/km.ngày)
		Chạy không tải	1,620	2	3,24
4	CO	Chạy có tải	1,780	2	3,56
		Chạy không tải	0,913	2	1,83
5	VOC	Chạy có tải	1,270	2	2,54
		Chạy không tải	0,511	2	1,02

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, năm 2024

\* Ghi chú: Hệ số ô nhiễm tham khảo theo WHO, Rapid inventory technique in environmental control, năm 1993

Về không gian tác động: Trong khu vực thi công xây dựng và tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu trên các tuyến đường như: Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí).

Về quy mô tác động: Theo số liệu tại bảng trên cho thấy: Khí thải phát sinh với hệ số ô nhiễm rất thấp; Số lượng phương tiện hoạt động rất ít và tần suất không liên tục, ... nên tải lượng khí thải phát sinh từ nguồn này được dự báo là rất thấp và không gây tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

\* Tác động do bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện cơ giới thi công xây dựng (bốc xúc vật liệu xây dựng) và các loại thiết bị gia nhiệt

Tải lượng phát sinh bụi được tính toán theo công thức sau:

**Tải lượng bụi phát sinh (kg/ngày) = hệ số phát sinh (kg/tấn) x khối lượng vật liệu được bốc xúc (tấn/ngày) (1)**

Trong đó: Theo tài liệu Air Chief, 1995 của Cục môi trường Mỹ, hệ số phát tán bụi tính trên tấn vật liệu xây dựng (đất) được tính theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times \frac{(U/2,2)^{1,3}}{(M/2)^{1,4}} (Kg/tấn)$$

Trong đó:

- E: hệ số phát tán bụi tính trên tấn vật liệu xây dựng (đất)
- k: hệ số không thứ nguyên cho kích thước bụi (k = 0,74 cho các hạt bụi có kích thước < 30µm)
- U: tốc độ gió (lấy U = 2,5 m/s).
- M: độ ẩm của vật liệu (tính theo độ ẩm của đất M = 7,8 %)

Thay thế các giá trị vào công thức ta được:

$$E = 0,74 \times 0,0016 \times \frac{\left(\frac{2,5}{2,2}\right)^{1,3}}{\left(\frac{0,078}{2}\right)^{1,4}} = 0,131 \text{ kg/tấn}$$

Với tổng khối lượng vật liệu được tập kết và sử dụng tại dự án là 35 tấn (tương đương 1,75 tấn/ngày, với thời gian thi công 20 ngày), thay thế các giá trị vào công thức (1) ta được: *Tải lượng bụi phát sinh* =  $0,131 \times 1,75 = 0,23 \text{ kg/ngày}$ .

*Về quy mô tác động:* Bụi phát sinh từ nguồn này với tải lượng rất thấp, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

*Về phạm vi tác động và đối tượng bị tác động (không gian tác động):* Chỉ tập trung tại khu vực thi công dự án. Xung quanh khu vực thi công xây dựng không tiếp giáp với nhà dân, do đó không gây tác động hoặc ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

*Về thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc)

*\* Khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng máy hàn*

- Giai đoạn xây dựng Dự án có sử dụng que hàn có đường kính 3,2mm. Tính toán cho đối tượng chịu tác động trực tiếp nhất là công nhân hàn, khoảng không gian bao quanh 1 công nhân hàn khoảng  $2 \text{ m}^3$  (1m x 1m x 2m).

- Khi hàn liên tục thì tốc độ sử dụng que hàn của 1 thợ hàn là 25 que/giờ, 2 bó que hàn/ngày làm việc 8 giờ.

- Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm từ quá trình hàn của 1 công nhân hàn tính toán và trình bày trong bảng sau.

*Bảng 14: Nồng độ các chất ô nhiễm trong khói hàn sử dụng que hàn 3,2 mm*

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (mg/1 que hàn)	Tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 03:2019/BYT (mg/m <sup>3</sup> ) (ca)
Khói hàn	508	0,1	173,7	5
CO	15	$3 \times 10^{-3}$	5,2	20
NO <sub>x</sub>	20	$4 \times 10^{-3}$	6,95	5

*Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường Không khí, NXB Khoa học và Kỹ Thuật, 2003*

**\* Ghi chú:**

- Tải lượng (kg/ngày) = hệ số ô nhiễm (mg/que hàn) x số lượng que hàn/giờ x số giờ x  $10^6$  (mg/kg);

- Nồng độ ( $\text{mg}/\text{m}^3$ ) = tải lượng (kg/ngày) x  $10^6$  (mg/kg)/Thể tích tác động ( $\text{m}^3$ )/Số giờ làm việc (giờ/ngày).

*Về phạm vi tác động và đối tượng bị tác động (không gian tác động):*  
Theo số liệu tính toán cho thấy: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải tương đối cao so với giới hạn cho phép quy định tại QCVN 03:2019/BYT, nên đối tượng trực tiếp bị tác động là công nhân sử dụng máy hàn. Tuy nhiên, phạm vi tác động rất hẹp, thời gian thi công rất ngắn, ... nên mức độ tác động được đánh giá là trung bình.

Tùy thuộc vào kích cỡ của các hạt này, mà thời gian tồn tại của chúng trong không khí và khả năng thâm nhập vào sâu trong cơ thể con người là khác nhau, cụ thể như:

- Các hạt có kích cỡ trên 100 micromet không tồn tại lâu trong không khí thường sẽ rơi xuống xung quanh vùng hàn ngay sau khi phát sinh.

- Các hạt có kích cỡ từ 30 micromet đến 100 micromet, tồn tại không lâu trong không khí, con người có thể hít phải, nhưng nó sẽ bị lọc và giữ lại bởi màng nhày ở mũi.

- Các hạt có kích cỡ từ 5 đến 30 micromet, dễ dàng thoát qua được hệ thống lọc tại mũi và vào được khí quản, tuy nhiên chúng sẽ bị giữ lại bởi các hệ thống lọc của cơ thể tại đây.

- Các hạt có kích cỡ dưới 5 micromet tồn tại lâu trong không khí và có thể xâm nhập được đến các túi khí nằm tại phổi. Tại đây, sẽ khó loại bỏ chúng ra khỏi cơ thể, việc loại bỏ bằng các cơ chế sinh học tự nhiên chỉ diễn ra từ từ

*Về thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động trong khoảng thời gian sử dụng máy hàn (trong khoảng 02 ngày làm việc)

**a.3) Tác động do chất thải rắn xây dựng**

- Hiện trạng khu vực thực hiện xây dựng chòi canh là đất bãi bồi, đất trống, không có công trình xây dựng và thảm thực vật. Do đó, không thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng và phát quang thảm thực vật, ... nên không phát sinh chất thải từ nguồn này.

- Theo số liệu tham khảo tại Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng năm 2008 và số liệu tham khảo từ các công

trình xây dựng tương tự, khối lượng CTRXD phát sinh tại công trường ước tính khoảng 0,5 kg/m<sup>2</sup>.

Với tổng diện tích xây dựng là 200 m<sup>2</sup>, thì khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh ước tính khoảng 100 kg (tương đương 0,1 tấn).

Thành phần chủ yếu bao gồm: các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như gạch vụn, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển; bao bì chứa vật liệu xây dựng; các loại vật liệu bằng kim loại như sắt, thép vụn.

Về quy mô tác động: Các loại chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng với khối lượng thấp, có khả năng thu hồi và tái sử dụng cao. Do đó, các tác động đến môi trường là không đáng kể.

Về phạm vi tác động và đối tượng bị tác động: Trong khu vực thi công xây dựng, gây mất cảnh quan và cản trở quá trình thi công tại công trường.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc)

#### ***a.4) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt CTRSH)***

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, dự kiến tối đa là 10 người.

- *Quy mô nguồn thải:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W (\text{người}) * 0,2 (\text{kg/người.ngày})$$

Trong đó:

+ M<sub>CTRSH</sub>: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: Số công nhân xây dựng 10 người

+ Định mức phát sinh CTRSH: Căn cứ theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình 08 giờ/ngày (01 ca/ngày), nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,2 kg/người-ngày.

+ Như vậy khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này là 2 kg/ngày

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần chủ yếu là bao bì chứa thức ăn (hộp giấy, hộp nhựa, chai nhựa, túi nilong, ...), thành phần chất hữu cơ rất thấp (chủ yếu là thức ăn thừa).

***Về không gian tác động:*** Chất thải phát sinh với khối lượng rất thấp, thời gian phát sinh ngắn nên phạm vi tác động chủ yếu tại khu vực sinh hoạt của công nhân.

***Về thời gian tác động:*** Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc)

***a.5) Tác động do chất thải nguy hại***

- Trong giai đoạn xây dựng dự án, chỉ phát sinh từ hoạt động sử dụng máy hàn với thành phần chủ yếu là que hàn thải (mã CTNH: 07 04 01) và xỉ hàn (mã CTNH: 07 04 02).

- Khối lượng CTNH phát sinh rất thấp: Ước tính khoảng 0,5 kg/toàn giai đoạn xây dựng

***Về quy mô tác động:*** Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

Tuy nhiên, khối lượng CTNH phát sinh với khối lượng rất thấp, thành phần chỉ bao gồm 02 loại chất thải dạng rắn, nên đơn vị thi công đủ khả năng quản lý và xử lý. Tác động từ nguồn thải này được đánh giá là không đáng kể.

***Về phạm vi tác động và đối tượng bị tác động:*** Trong khu vực thi công xây dựng.

***Về thời gian tác động:*** Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (trong tháng 6/2024, với thời gian thi công khoảng 30 ngày làm việc)

***b) Các tác động môi trường không liên quan đến chất thải***

***b.1) Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư***

Khu vực đất bãi bồi dự kiến thực hiện Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống có hiện trạng đất trống, không có công trình xây dựng, nhà ở, nên trong giai đoạn này không thực hiện công tác di dân, tái định cư, do đó sẽ không phát sinh tác động từ vấn đề này.

***b.2) Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung***

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng và phương tiện đi lại của công nhân xây dựng.

- Tuy nhiên, các phương tiện được sử dụng có tải trọng nhỏ (khoảng 3 tấn đối với phương tiện đường bộ), tần suất hoạt động rất thấp, không thường xuyên, ... nên các tác động do tiếng ồn là không đáng kể.

### ***b.3) An ninh trật tự, tai nạn giao thông và lao động***

- An ninh trật tự: xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương. Ngoài ra, đời sống sinh hoạt của công nhân dễ phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Tai nạn giao thông: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển VLXD ra vào khu vực dự án làm tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông trên các tuyến đường trong khu vực.

- Tai nạn lao động: Hoạt động xây dựng dự án sử dụng phương tiện cơ giới với số lượng rất ít, nên không phát sinh tai nạn lao động từ nguồn này. Tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển VLXD từ phương tiện vận chuyển vào khu vực thi công, có thể phát sinh sự cố đổ ngã, ... từ đó gây ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe công nhân xây dựng.

Nhìn chung, quy mô công trình xây dựng rất nhỏ, thời gian thi công rất ngắn và số lượng công nhân xây dựng tập trung tại công trường tương đối thấp, ... do đó, trong quá trình xây dựng dự án hoàn toàn không phát sinh các sự cố, rủi ro, cũng như các vấn đề về an ninh trật tự.

### ***b.4) Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác***

- Trong giai đoạn này, không thực hiện phát quang thảm thực vật, chất thải phát sinh trong giai đoạn này với thải lượng rất thấp và dự án không tiếp giáp với các công trình di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, ... nên quá trình thi công xây dựng hoàn toàn không gây tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa.

- Yếu tố môi trường nhạy cảm: Trong phạm vi khu vực dự kiến thực hiện Dự án và xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường (theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### ***3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường***

Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường đã được đơn vị thi công xây

dụng áp dụng đều mang tính khả thi cao, đã quản lý, xử lý triệt để các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, cụ thể như sau:

***a) Đối với nước thải***

***a.1) Công trình thu gom, xử lý nước thải xây dựng***

Nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng với lưu lượng rất thấp, phần lớn tự ngấm xuống bãi cát, đơn vị thi công không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.

***a.2) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt***

- Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng phục vụ nhu cầu tiêu/tiểu của công nhân xây dựng.

- Khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng: đây là công trình hiện hữu, do chủ dự án quản lý và sử dụng từ năm 2019 đến nay. Hiện trạng đã bố trí 01 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt (thể tích hầm ước tính khoảng 9 m<sup>3</sup>; dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m)

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, qua đó giảm thiểu được lưu lượng nước thải phát sinh tại khu vực công trường.

- Song song đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể công nhân xây dựng.

- Đơn vị thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường: Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện, đồng thời hỗ trợ bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng của Dự án.

***➔ Đánh giá hiệu quả, tính khả thi của các công trình xử lý nước thải:***

Các biện pháp phù hợp với hiện trạng khu vực dự án, năng lực của đơn vị thi công nên có tính khả thi, hiệu quả cao và đã xử lý triệt để nguồn thải, không phát sinh dấu hiệu ô nhiễm môi trường từ nguồn thải này.

***b.3) Nước mưa chảy tràn***

Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, giảm thiểu nước mưa bị ô nhiễm do mặt bằng rửa trôi:

- Thùng chứa CTRSH có nắp đậy kín, thực hiện thu gom, tập kết CTRSH vào thùng chứa rác công cộng sau mỗi ngày làm việc, nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm do tiếp xúc với chất thải hoặc cuốn trôi chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết vật liệu xây dựng, nhằm giảm thiểu được quá trình rửa trôi gây thất thoát nguyên vật liệu xây dựng và gây ô nhiễm nước mưa chảy tràn qua khu vực này.

***b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại***

***b.1) Chất thải rắn sinh hoạt***

- Công trình thu gom CTRSH: Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít) tại khu vực thi công xây dựng, nhằm thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh.

- Biện pháp xử lý: Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (*trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa*). Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí thu gom chất thải theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của công nhân xây dựng. Nghiêm cấm hành vi vứt rác không đúng nơi quy định hoặc vứt ra khu vực lân cận dự án.

***b.2) Chất thải rắn xây dựng***

- Đối với các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như gạch vụn, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển được thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng.

- Đối với bao bì chứa vật liệu xây dựng và các loại vật liệu bằng kim loại như sắt, thép vụn: thu gom và cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng dự án.

***b.3) Chất thải nguy hại***

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp (0,5kg/toàn giai đoạn xây dựng), đã được đơn vị thi công thu gom, xử lý và không tồn đọng tại khu vực thực hiện Dự án.

→ *Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn:* Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn có hiệu quả xử lý cao, đáp ứng được các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại thời điểm lập báo cáo, chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng đã được xử lý triệt để và không tồn đọng tại khu vực thực hiện Dự án.

***Phạm vi áp dụng:*** Trong khu vực công trường xây dựng dự án.

***Đơn vị thực hiện:*** Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý CTR. Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện trong suốt giai đoạn này.

***c) Đối với bụi, khí thải***

- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng, đặc biệt đối với công nhân thao tác các loại máy móc như hàn, cắt kim loại.
- Đối với cát xây dựng: có dụng cụ che kín (vải bạc); Đối với ximăng: được tập kết về khu vực công trường phù hợp với nhu cầu và sử dụng trong ngày.
- Phương tiện vận chuyển VLXD: Luôn có dụng cụ che kín thùng xe (vải bạc), đảm bảo không phát sinh bụi và vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

➔ ***Hiệu quả của các giải pháp đã được áp dụng:*** Chất lượng môi trường không khí xung quanh Dự án đạt yêu cầu theo quy định tại: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

***Về không gian và thời gian áp dụng:*** Áp dụng tại khu vực thi công trong suốt giai đoạn xây dựng.

***Đơn vị thực hiện:*** Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện.

***d) An ninh trật tự, tai nạn giao thông và lao động***

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với công nhân ngoài địa phương phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại công trường.
- Có kế hoạch vận chuyển các loại VLXD từ đơn vị cung cấp đến công trường như: Khối lượng VLXD cần sử dụng trong ngày, số chuyến hoạt động trong ngày, tải trọng phương tiện vận chuyển, ... từ đó giúp đơn vị thi công kiểm soát được các tác động phát sinh từ nguồn này.
- Phương tiện vận chuyển VLXD đảm bảo hoạt động đúng tải trọng của các tuyến đường di chuyển, hạn chế tối đa các sự cố sạt lún tuyến đường vận chuyển và tai nạn lao động.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong thực hiện

các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

### **3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

##### **a) Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải**

##### **a.1) Tác động do nước thải**

##### **a.1.1) Nước thải sinh hoạt**

\* Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,...)

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 12 nhân viên làm việc tại dự án

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{dm} \times n) \times 100\% = (80 \times 12) \times 80\% = 768 \text{ lít/ngày} = 0,768 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Trong đó:

+  $NT_{sh}$ : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+  $N_{dm}$ : Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người/ngày.

+  $n$ : Số công nhân làm việc tại Dự án là 12 người

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80% lưu lượng nước cấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Đặc điểm cơ bản của NTSH là có hàm lượng các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nito), vi sinh vật,... Các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường.

Hệ số ô nhiễm của các chất gây ô nhiễm có trong NTSH (nước thải chưa xử lý) được tham khảo theo tài liệu “Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí - tập I, Generva, 1993”, cụ thể như sau:

*Bảng 15: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt*

Stt	Chất gây ô nhiễm	Đơn vị tính	Hệ số ô nhiễm
1	BOD <sub>5</sub>	g/người/ngày	45 - 54
2	COD	g/người/ngày	72 - 102
3	SS	g/người/ngày	70 - 145
4	Dầu mỡ	g/người/ngày	10 - 30
5	Amoni	g/người/ngày	3,6 - 7,2
6	Tổng coliforms	MPN/100ml	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>

(Nguồn: WHO, 1993)

Căn cứ theo số lượng công nhân và lưu lượng nguồn thải, có thể dự báo được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn thải như sau:

*Bảng 16: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt*

Stt	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)		Nồng độ (mg/l)		QCVN 14:2008/BTNMT
		Min	Max	Min	Max	
1	BOD <sub>5</sub>	540	648	703,13	843,75	<b>60</b>
2	COD	864	1.224	1.125,00	1.593,75	-
3	TSS	840	1.740	1.093,75	2.265,63	<b>120</b>
4	Dầu mỡ	120	360	156,25	468,75	<b>24</b>
5	Amoni	43,2	86,4	56,25	112,50	<b>12</b>
6	Coliforms (MPN/100ml)	12.10 <sup>6</sup>	12.10 <sup>9</sup>	1,6.10 <sup>7</sup>	1,6.10 <sup>10</sup>	<b>5.000</b>

\* Ghi chú:

- Tải lượng (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x số công nhân (người)

- Nồng độ (mg/lít) = (Tải lượng (g/ngày) x 10<sup>3</sup>)/Lưu lượng (lít/ngày) x 10<sup>3</sup>

- Giá trị tối đa cho phép được tính theo công thức:  $C_{max} = C \times K$  của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, trong đó:

+ C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B);

+ K: Là hệ số tính đối với cơ sở sản xuất < 500 người (K=1,2). Không áp dụng hệ số K cho chỉ tiêu Coliforms.

Theo số liệu tính toán cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý) rất cao và đều vượt giới hạn so với quy định tại

QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2). Do đó, nếu không được xử lý trước khi xả thải ra môi trường sẽ có khả năng gây các tác động xấu đến chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải. Tuy nhiên, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tương đối thấp, ... nên tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

Về không gian và đối tượng bị tác động: Nước thải phát sinh với lưu lượng thấp nên phạm vi và không gian tác động tương đối hẹp.

Đối tượng bị tác động chủ yếu bao gồm: Môi trường đất bãi bồi xung quanh khu vực phát sinh nước thải, nước biển ven bờ tiếp nhận nước thải, mất cảnh quan khu vực dự án và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

\* Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu, sò)

- Nguồn phát sinh: Chỉ phát sinh nước thải từ nhu cầu vệ sinh (tiêu, tiểu) của khoảng 200 lao động làm việc trong khoảng thời gian thu hoạch.

- Quy mô nguồn thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{dm} \times n) \times 100\% = (10 \times 200) \times 80\% = 1.600 \text{ lít/ngày} = 1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Trong đó:

+  $NT_{sh}$ : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+  $N_{dm}$ : Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối đa là 10 lít/người/ngày.

+  $n$ : Số lao động làm việc tại Dự án là 200 người

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80% lưu lượng nước cấp.

Trong giai đoạn thu hoạch, số lượng lao động được sử dụng tương đối lớn. Tuy nhiên, hoạt động thu hoạch nghêu được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn (tối đa 04h/ngày và 10 ngày/tháng), nên hầu như không phát sinh nước thải sinh hoạt hoặc phát sinh với lưu lượng thấp. Do đó, tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

***Như vậy, tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án tối đa khoảng 2,368 m<sup>3</sup>/ngày.***

*a.1.2) Nước mưa chảy tràn*

- Khu vực triển khai thực hiện dự án là đất bãi bồi ven biển và khu vực biển, do đó các tác động từ nước mưa chảy tràn được đánh giá và nhận định là

không phát sinh.

### **a.2) Tác động do bụi, khí thải**

#### **a.2.1) Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường bộ**

- Trong giai đoạn vận hành dự án, các phương tiện giao thông đường bộ ra vào khu vực Dự án với số lượng thấp, chủ yếu là phương tiện của công nhân làm việc tại Dự án.

- Khi hoạt động, động cơ sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu DO sẽ phát sinh ra các chất thải khí như: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hydrocacbon, ...

- Lưu lượng khí thải phát sinh và tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải phụ thuộc vào chế độ vận hành: Lúc khởi động, lúc chạy nhanh, lúc hãm lại, cụ thể như sau:

*Bảng 17: Thành phần ô nhiễm trong khói thải*

Thành phần khí độc hại (%)	Chế độ làm việc của động cơ							
	Chạy chậm		Tăng tốc độ		Ổn định		Giảm tốc độ	
	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen
Khí CO	7,0	Vết	2,5	0,1	1,8	Vết	2,0	Vết
Hydrocarbon	0,5	0,04	0,2	0,02	0,1	0,01	1,0	0,03
NO <sub>x</sub> (ppm)	30	60	1050	850	650	250	20	30
Aldehyde	30	10	20	20	10	10	300	30

(Nguồn: Ô nhiễm không khí, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003)

- Tác động từ các chất ô nhiễm có trong khí thải, phụ thuộc vào nồng độ các chất ô nhiễm mà tác động đến sức khỏe con người, sinh vật, các công trình tài sản, nhất là các công trình ngoài trời, do các khí gặp điều kiện ẩm ướt sẽ tạo nên các axit gây ăn mòn kết cấu công trình, thiết bị máy móc, làm giảm tuổi thọ của các thiết bị.

- Tuy nhiên, các phương tiện ra vào khu vực Dự án với tần suất rất thấp, tải lượng khí thải phát sinh từ nguồn cũng rất thấp, nên hầu như không gây tác động xấu đến môi trường không khí, sức khỏe cộng đồng.

#### **a.2.2) Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường thủy**

- Trong giai đoạn vận hành, Dự án sử dụng 02 phương tiện đường thủy (công suất hoạt động trung bình 90CV) phục vụ công tác tuần tra và quản lý hoạt động nuôi nghêu, sò.

- Phương tiện sử dụng nhiên liệu chủ yếu là dầu diezen nên khí thải phát

sinh là khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu với thành phần chủ yếu bao gồm: Bụi khói, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, ...

- Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy được tham khảo theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO, cụ thể như sau:

*Bảng 18: Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy*

Chất ô nhiễm	Khí thải		
	Kg/U (U = 10.000 km)	g/Km	g/Km/ngày
CO	0,036	0,000036	0,002
VOC	4,1	0,0041	0,0205
NO <sub>x</sub>	90,7	0,0907	0,4535
SO <sub>2</sub>	136*S	0,136*S	0,68
Bụi	6,8	0,0068	0,034

Về quy mô tác động: Khí thải phát sinh từ nguồn này với hệ số ô nhiễm rất thấp, phát sinh trong khoảng không gian rất lớn, ... nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

### **a.3) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt**

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án (lao động thường xuyên và lao động thời vụ)

- *Quy mô nguồn thải:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W \text{ (người)} * M_{ct} \text{ (kg/người.ngày)}$$

Trong đó:

+ M<sub>CTRSH</sub>: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: nhân viên làm việc tại Dự án (12 người thuộc Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên và 200 lao động thời vụ)

+ M<sub>ct</sub>: Định mức phát sinh CTRSH: Theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình từ 04 - 08 giờ/ngày, nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,2 - 0,4 kg/người-ngày.

- Như vậy, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án là 44,8 kg/ngày, cụ thể như sau:

+ Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chài canh,...): phát sinh tối đa 4,8 kg/ngày

+ Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu, sò): phát sinh tối đa 40 kg/ngày

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu, nguồn thải này phát sinh với khối lượng không lớn nhưng không được quản lý và xử lý đúng quy định, sẽ gây các tác động nhất định đến các thành phần môi trường tiếp nhận chất thải.

- Thành phần chất thải rắn sinh hoạt được tham khảo trong bảng sau:

*Bảng 19: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt*

STT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Các chất hữu cơ dễ phân hủy	40 - 60
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35
3	Các chất dễ cháy như giấy, carton	10 - 14
4	Kim loại	1 - 2
5	Các chất khác	3 - 4

*Nguồn: Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn - NXB Xây dựng, năm 2010*

Về không gian tác động: Chất thải rắn có thể theo gió hoặc sóng biển phát tán ra khu vực xung quanh dự án. Do đó, không gian tác động tương đối lớn nếu nguồn thải này không được quản lý triệt để.

Về đối tượng tác động: Môi trường khu đất bãi bồi ven biển, môi trường nước biển ven bờ và có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Dự án và khu vực lân cận dự án. Tuy nhiên, CTRSH phát sinh với khối lượng tương đối thấp, nên mức độ tác động được đánh giá là thấp.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

#### **a.4) Tác động do chất thải rắn thông thường**

##### **a.4.1) Vỏ nghêu, sò (hao hụt trong quá trình nuôi)**

- Trong quá trình nuôi, do bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan (chất lượng môi trường, chất lượng con giống, thiên tai, ...) mà tỷ lệ hao hụt chiếm khoảng 40%, trên tổng số lượng con giống (tính từ thời điểm thả giống đến thu hoạch).

- Tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển, khối lượng vỏ nghêu, sò phát sinh khác nhau và chưa có cơ sở cụ thể để tính toán và xác định được khối lượng chất thải phát sinh từ nguồn này.

- Tham khảo số liệu của các dự án lân cận khu vực thực hiện Dự án, vỏ nghêu, sò (hao hụt trong quá trình nuôi) ước tính khoảng 300 kg/tháng.

Về không gian tác động: Vỏ nghêu, sò có thể bị sóng biển đưa dạt vào khu vực bãi bồi hoặc đưa ra khu vực biển, do đó khó xác định cụ thể phạm vi, không gian tác động của nguồn thải này.

Về đối tượng tác động: Môi trường khu đất bãi bồi ven biển, môi trường nước biển ven bờ và có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Dự án và khu vực lân cận dự án. Tuy nhiên, chất thải phát sinh với khối lượng tương đối thấp, nên mức độ tác động được đánh giá là thấp.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

#### *a.4.2) Chất thải rắn trôi dạt vào khu vực Dự án*

- Tham khảo số liệu của các dự án lân cận khu vực thực hiện Dự án, một số chất thải rắn như túi nilon, chai nhựa, cành cây, ... trôi dạt vào khu vực đất bãi bồi, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi nghêu, sò của Dự án và mất cảnh quan khu vực.

- Khối lượng chất thải: ước tính phát sinh tối đa khoảng 05 kg/ngày.



*Hình 9: Chất thải trôi dạt vào khu vực đất bãi bồi*

**a.5) Tác động do chất thải nguy hại**

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, sửa chữa phương tiện đường thủy; Phát sinh từ khu vực văn phòng và phát sinh từ hoạt động sửa chữa hệ thống chiếu sáng.

- Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh: Các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành được dự báo trong bảng sau:

*Bảng 20: Thành phần và khối lượng CTNH*

Mã chất thải	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	01
18 02 01	Chất hấp thụ, giẻ lau, bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	10
08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	06
16 01 12	Pin, ắc quy thải	Rắn	NH	01
<b>Tổng cộng</b>				<b>18</b>

*Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024*

- *Tính chất nguồn thải:* Tính chất của từng loại chất thải nguy hại cụ thể như sau:

+ Có độc tính (ký hiệu tính chất nguy hại Đ): Gây kích ứng, gây độc cấp tính, ... cho con người ở mức độ thấp. Ngoài ra, khi chất thải tiếp xúc với không khí hay nước sẽ giải phóng ra khí độc hại, gây nguy hiểm đối với con người và ô nhiễm môi trường.

+ Có độc tính sinh thái (ký hiệu tính chất nguy hại ĐS): Chất thải thuộc nhóm này có các thành phần nguy hại nhanh chóng hay từ từ đối với môi trường và hệ sinh thái thông qua tích lũy.

+ Có tính ăn mòn (ký hiệu tính chất nguy hại AM): Thông qua các phản ứng hóa học, chất thải này sẽ gây tác động nghiêm trọng đến các đối tượng, môi trường tiếp xúc chất thải.

Về không gian tác động: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp, tác động chủ yếu trong phạm vi dự án.

Tuy nhiên, khi CTNH được xử lý chung với chất thải rắn thông thường (chủ yếu là CTRSH), thì không gian tác động của chất thải này sẽ khó xác định và kiểm soát. Chất thải sẽ gây ra nhiều tác hại cho những người tiếp xúc trực

tiếp với rác thải, ảnh hưởng tới quá trình phân hủy rác, hòa tan các chất nguy hại vào nước rỉ rác, qua đó gây tác động đến các thành phần môi trường như môi trường đất, môi trường nước dưới đất, ...

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

**b) Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung**

- Trong giai đoạn vận hành, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án (Xe mô tô 2 bánh, xe ô tô 4 chỗ, 7 chỗ) và các phương tiện tuần tra khu nuôi.

Mức ồn phát sinh từ phương tiện giao thông hoạt động trong giai đoạn vận hành Dự án được tham khảo tại bảng sau:

*Bảng 21: Mức ồn phát sinh của các phương tiện giao thông*

STT	Phương tiện	Độ ồn (dBA)	Độ ồn trung bình (dBA)
1	Xe mô tô 2 bánh	60 - 70	65
2	Xe ô tô 4 chỗ, 7 chỗ, ....	60 - 62	61
<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>		<b>Từ 6h - 21h: 70 dBA</b>	
<b>QCVN 24:2016/BYT</b>		<b>Thời gian tiếp xúc: 08 giờ</b>	

*Nguồn: Nguyễn Hải, Âm học và Kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục*

Khi lan truyền trong không khí, sóng âm bị mất dần năng lượng nên mức âm thanh cũng giảm bớt. Có thể dùng công thức sau để tính gần đúng mức giảm tiếng ồn:  $\Delta L = 20 \lg (r_2/r_1)^{1+a}$  (dBA)

Trong đó:

- $r_1$ : Khoảng cách đo tiếng ồn ban đầu (thường = 02 m).
- $r_2$ : Khoảng cách từ điểm tính toán tới nguồn tiếng ồn (m).
- a: Hệ số kể đến khả năng hấp thụ tiếng ồn của mặt đất.

+ a = -0,1 đối với mặt đường nhựa và bê tông.

+ a = 0 đối với mặt đất trống.

+ a = 0,1 đối với mặt đất trồng cỏ.

Theo công thức trên, ta tính được mức ồn tại các vị trí cách nguồn phát sinh tiếng ồn 20m, 50m, 100m, 150m.

**Bảng 22: Độ ồn của các phương tiện giao thông hoạt động tại dự án**

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn(dBA)			
		Khoảng cách 20m	Khoảng cách 50m	Khoảng cách 100m	Khoảng cách 150m
1	Xe mô tô 2 bánh	47,0	39,8	34,4	31,2
2	Xe ô tô 4 chỗ, 7 chỗ, ....	43,0	35,8	30,4	27,2
<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>		<b>70</b>			
<b>QCVN 24:2016/BYT</b>		<b>85</b>			

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

**Ghi chú:**

- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng đối với thời gian tiếp xúc với tiếng ồn 8 giờ);

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

Về không gian tác động: Theo số liệu tại các bảng trên cho thấy, độ ồn phát sinh từ các phương tiện sẽ giảm dần theo khoảng cách xa dần nguồn phát sinh và tại vị trí cách điểm phát sinh từ > 20m - 150m, độ ồn thấp, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, không gian tác động chủ yếu trong phạm vi < 20m, tính từ điểm phát sinh.

Về đối tượng tác động: Số liệu tại bảng trên cho thấy, độ ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông thông dụng như xe mô tô và xe ô tô (loại 4 chỗ, 7 chỗ) có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

**c) Sự cố, rủi ro**

Trong giai đoạn vận hành của Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống, có khả năng phát sinh các sự cố môi trường và rủi ro như sau:

**c.1) Sự cố nghêu, sò chết hàng loạt**

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nghêu, sò chết hàng loạt, sẽ phát sinh

chất thải rắn với khối lượng rất lớn. Với đặc thù khu nuôi là vùng biển, nên rất khó khăn trong công tác thu gom chất thải và kiểm soát phạm vi tác động.

- Khối lượng chất thải phát sinh: Tùy thuộc vào thời điểm xảy ra sự cố, giai đoạn phát triển của nghêu, sò và thời gian xảy ra sự cố, ... mà khối lượng chất thải phát sinh khác nhau.

Nhằm có cơ sở để đề xuất các biện pháp, giải pháp ứng phó, khắc phục sự cố, đơn vị tư vấn dự báo khối lượng chất thải phát sinh trên cơ sở số lượng/khối lượng con giống được thả nuôi, cụ thể như sau:

- **Trường hợp 1:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian đầu vụ nuôi (trong khoảng 01 – 02 tháng sau khi thả giống), tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 9 tấn.

- **Trường hợp 2:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian cuối vụ nuôi (trong khoảng 01 – 02 tháng chuẩn bị thu hoạch), tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 216 tấn.

Nhìn chung, khi phát sinh sự cố nghêu chết hàng loạt, không chỉ dừng lại ở thiệt hại nặng nề về mặt kinh tế, mà còn dẫn đến nhiều hệ lụy khác như ô nhiễm môi trường nước biển, môi trường đất bãi bồi, tác động tiêu cực đến các vùng nuôi lân cận dự án và gây ảnh hưởng đến đời sống của hàng trăm lao động địa phương.

*c.2) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)*

- Trong quá trình xây dựng, nếu 02 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt không được xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật, sẽ phát sinh sự cố hư hỏng như sụt lún, vỡ hầm, ... từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

- Trong quá trình sử dụng, nếu không thực hiện hút bùn định kỳ, gây quá tải cho công trình xử lý và từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

Trong trường hợp phát sinh sự cố, sẽ gây tác động trực tiếp đến chất lượng khu đất bãi bồi, nước biển, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động nuôi nghêu tại Dự án và có khả năng gây ảnh hưởng đến các dự án lân cận.

*c.3) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu*

Trong quá trình sử dụng các phương tiện giao thông thủy, có thể phát sinh các sự cố và rủi ro như sau:

- Phát sinh va chạm giữa phương tiện của dự án và các phương tiện di

chuyên trong khu vực.

- Phát sinh sự cố do kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, không mặc áo phao, ... dẫn đến sự cố lật tàu/ghe và sự số đuối nước.

- Vào khoảng thời gian thu hoạch, gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường thủy.

- Ngoài ra, khi phát sinh sự cố va chạm giữa các phương tiện sẽ kéo theo phát sinh sự cố tràn dầu, từ đó gây ảnh hưởng đến môi trường và đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nuôi nghêu của dự án.

Khi phát sinh sự cố, tai nạn giao thông thủy, tùy theo mức độ nghiêm trọng mà có thể gây thiệt hại, hư hỏng phương tiện giao thông và sức khỏe, tính mạng người điều khiển, người ngồi trên phương tiện.

#### *d) An ninh trật tự và tai nạn giao thông đường bộ*

Triển khai Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống không chỉ mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, mà còn mang lại nhiều tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn vận hành dự án, nhu cầu sử dụng lao động tương đối cao (vào đợt thu hoạch sử dụng tối đa khoảng 200 lao động thời vụ), từ đó có khả năng phát sinh một số vấn đề về an ninh, trật tự trong khu vực như:

- Phát sinh xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ lao động, phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông trên các tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu là tuyến Quốc lộ 53).

#### *e) Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt động của Dự án*

- Về điều kiện môi trường: Nghêu là những loài biến nhiệt, máu lạnh, ăn lọc, không có khả năng chủ động kiếm mồi và chọn lọc thức ăn. Các yếu tố môi trường bên ngoài là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động trao đổi chất, đào bới, hô hấp, khả năng sử dụng thức ăn của nghêu. Trong các yếu tố môi trường, thì nhiệt độ và độ muối là những yếu tố quan trọng quyết định đến sự phân bố, sinh trưởng, sống sót của nghêu.

Theo Tổng cục Thủy sản, kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường và theo dõi sức khỏe nhuyễn thể nuôi hàng năm tại một số vùng trọng điểm cho thấy hiện tượng nhuyễn thể chết hàng loạt thường xảy ra vào thời điểm tháng 12 năm

trước đến tháng 4 năm sau do độ mặn tăng cao, kết hợp với nhiễm thứ cấp các yếu tố vi sinh như Vibrio, vi khuẩn nội bào Rickettsia hay ký sinh trùng gây bệnh, nhiệt độ biến động giữa ngày và đêm lớn, thời gian phơi bãi kéo dài.

- Về điều kiện thức ăn: Nghêu là loài ăn lọc, thành phần thức ăn tự nhiên của nghêu là mùn bã và các mảnh vụn hữu cơ lơ lửng trong nước chiếm khoảng 75 - 90%, thực vật phù du chiếm tỷ lệ thấp khoảng 10 - 25% về số lượng cũng như tần số bắt gặp, chủ yếu là tảo silic (tảo khuê) gặp khoảng 44 loài tảo, chiếm 93,18% thuộc ngành Bacillariophyta và các loài còn lại thuộc các ngành Pyrrophyta và Cyanophyta. Trong quá trình nuôi, hoàn toàn không sử dụng thức ăn và hóa chất, do đó giai đoạn vận hành dự án hoàn toàn không phát sinh các tác động xấu đến đa dạng sinh học.

- Ngoài ra, hoạt động nuôi nghêu của Dự án không những có giá trị về kinh tế, mà còn mang lại nhiều yếu tố tích cực về bảo vệ nguồn lợi, bảo tồn và đa dạng sinh học; bảo đảm phát triển bền vững, ổn định hệ sinh thái vùng bãi triều ven biển thị xã Duyên Hải nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung.

### **3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

#### **a) Đối với công trình xử lý nước thải**

##### **a.1) Nước thải sinh hoạt**

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, khuyến khích lao động sinh hoạt, nghỉ giữa ca tại gia đình, quán ăn, hạn chế tập trung sinh hoạt tại khu vực Dự án, qua đó góp phần giảm thiểu tối đa phát thải tại khu vực Dự án.

- Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm tự hoại bố trí tại chòi canh và văn phòng.

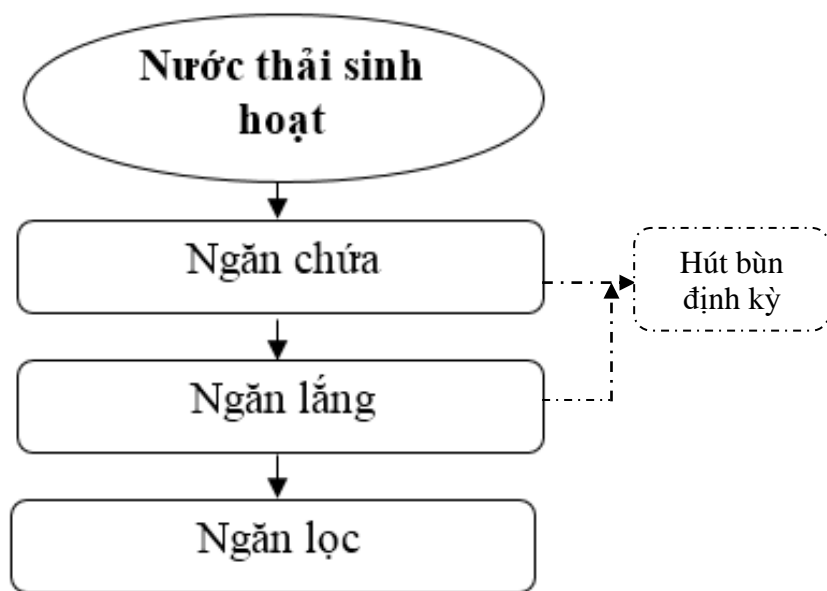
+ Chức năng: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận

+ Quy mô: Thể tích hầm tự hoại được tính toán như sau

- Thể tích phân lắng (nước thải đầu vào):  $W_i = 2,368 \text{ (m}^3\text{)}$
- Thể tích phân chứa bùn:  $W_b = (b * N * t)/1000 = (0,1 * 212 * 365)/1000 = 7,738 \text{ (m}^3\text{)}$
- Thể tích tổng cộng của bể tự hoại:  $W = W_i + W_b = 2,368 + 7,738 = 10,106 \text{ (m}^3\text{)} \approx 10 \text{ (m}^3\text{)}$

Trong các công thức trên:

- $W_i$ : Lưu lượng nước thải ( $m^3/ngày\cdot\text{đêm}$ )
  - $b$ : Tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày đêm; giá trị của  $b$  phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể, cụ thể như: Nếu thời gian giữa hai lần hút cặn dưới một năm thì  $b$  lấy bằng  $0,1\text{ l/ng.ngày}\cdot\text{đêm}$ , nếu trên 1 năm thì lấy  $b$  bằng  $0,08\text{ l/ng.ngày}\cdot\text{đêm}$ ;
  - $N$ : Số người sử dụng (212 người, bao gồm: 12 lao động thường xuyên và 200 lao động thời vụ)
  - $t$ : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (chọn  $t = 365$  ngày)
- + Hàm tự hoại được xây dựng tại Dự án: 03 hầm, với tổng thể tích ước tính khoảng  $19\text{ m}^3$ , bao gồm:
- Tại khu vực chòi canh 1: 01 hầm. Thể tích mỗi hầm ước tính khoảng  $5,67\text{ m}^3$  (dài x rộng x sâu =  $2,1\text{m} \times 1,8\text{m} \times 1,5\text{m}$ )
  - Tại khu vực chòi canh 2: 01 hầm. Thể tích mỗi hầm ước tính khoảng  $4,32\text{ m}^3$  (dài x rộng x sâu =  $1,8\text{m} \times 1,6\text{m} \times 1,5\text{m}$ )
  - Tại Khu vực văn phòng: 01 hầm tự hoại hiện hữu, do chủ dự án quản lý và sử dụng từ năm 2019 đến nay. Thể tích hầm ước tính khoảng  $9\text{ m}^3$  (dài x rộng x sâu =  $3\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m}$ )
- + Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 10: Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại

\* Thuyết minh quy trình

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ

cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm  $\frac{1}{2}$  tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải.

Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân huỷ của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

+ Biện pháp xử lý bùn dư: Định kỳ thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

*Về không gian và thời gian áp dụng:* Áp dụng tại khu vực dự án, trong suốt giai đoạn vận hành.

*Đơn vị thực hiện:* Chủ dự án chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ kinh phí thực hiện các biện pháp, công trình xử lý nước thải



Hình 11: Hầm tự hoại được xây dựng tại chòi canh 1

**a.2) Nước mưa chảy tràn**

- Theo quy định nước mưa được thải trực tiếp ra môi trường, chủ dự án không đầu tư công trình xử lý.

- Tuy nhiên, nhằm đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm do mặt bằng chảy qua, cần thực hiện một số biện pháp kiểm soát chất lượng của nước mưa chảy tràn cụ thể như sau:

+ Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không tiếp xúc với rác thải.

+ Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.

**b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải**

- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi.

- Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại khu vực văn phòng, nhằm giảm thiểu phát tán bụi từ sân đường.

**c) Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

**c.1) Chất thải sinh hoạt**

- Bố trí thùng chứa rác tại các vị trí phát sinh chất thải như: Khu vực văn

phòng, chòi canh, ... đảm bảo thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh, cụ thể như sau:

+ Khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín

+ Khu vực chòi canh: Số lượng thùng chứa được bố trí mỗi chòi canh cụ thể như sau: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín;

- Biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt: Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (*trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa*). Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

### ***c.2) Chất thải rắn thông thường***

- Bố trí nhân viên thu gom vỏ nghêu, sò. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Bố trí nhân viên thu gom rác thải trôi dạt vào khu vực bãi bồi thuộc phạm vi dự án. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Toàn bộ chất thải được thu gom, đóng bao và tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực (*trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa*).

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

### ***c.3) Chất thải nguy hại***

- Tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên nhận biết chất thải nguy hại, nhằm giảm tỷ lệ chất thải nguy hại lẫn vào chất thải sinh hoạt thông thường.

- Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như:

+ Khu vực lưu chứa: với diện tích khoảng 1m<sup>2</sup>, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án.

+ Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít

- Biện pháp xử lý chất thải nguy hại: Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện đơn giản, phù hợp với khối lượng chất thải, ... nên có tính khả thi cao, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu, quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

***d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung***

***d.1) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn***

- Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).

- Đảm bảo thời gian hoạt động trong ngày, hạn chế hoạt động vào thời gian nghỉ trưa, giờ cao điểm.

***d.2) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn***

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

***e) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường***

***e.1) Sự cố nghêu, sò chết hàng loạt***

- Phương án phòng ngừa phát sinh sự cố: thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (*Meretric lyrata*), Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản về hướng dẫn, quản lý nuôi trồng thủy sản bền vững, cụ thể như sau:

+ Sử dụng con giống: phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh và đáp ứng QCVN 02 - 37:2021/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giống động vật thân mềm.

+ Kiểm tra các môi nguy có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển của nghêu nuôi như: Nhiệt độ, độ mặn, ảnh hưởng của sóng, gió,...

+ Theo dõi dịch hại: Khi triều xuống thường xuyên kiểm tra và thu gom, bắt ốc xanh.

+ Trong trường hợp nghêu đạt kích cỡ thu hoạch, cần khẩn trương thu hoạch nhanh gọn, tránh thiệt hại xảy ra. Đối với nghêu chưa đạt kích cỡ thu

hoạch cần chủ động cào thưa ra toàn dự án, không để mật độ quá dày.

+ Trong trường hợp phát hiện nghêu chết, lập tức thu gom, xử lý để tránh lây lan sang các cá thể còn sống.

- Phương án ứng phó và khắc phục sự cố:

+ Tiến hành báo cáo tới các cơ quan chức năng như Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, ...

+ Thực hiện xác định nguyên nhân sự cố: Phối hợp với đơn vị đủ chức năng để lấy và phân tích mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường (nước biển, trầm tích, ...) nhằm có đủ cơ sở xác định nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

+ Thực hiện thu hoạch nhanh chóng, kịp thời đối với nghêu, sò đạt kích cỡ thương phẩm, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế và giảm thiểu tối đa phát sinh nghêu sò chết.

+ Thực hiện thu gom, tiêu hủy vỏ nghêu, sò theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, ...

*e.2) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)*

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014

- Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải, nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải và ngăn ngừa sự cố quá tải.

- Thực hiện theo dõi hiện trạng sử dụng của các hầm tự hoại, khi phát hiện các dấu hiệu bất thường như rạn nứt, rò rỉ nước thải qua thành/vách bể, ... thực hiện nhanh chóng các biện pháp khắc phục, đảm bảo không phát sinh sự cố vỡ hầm.

*e.3) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu*

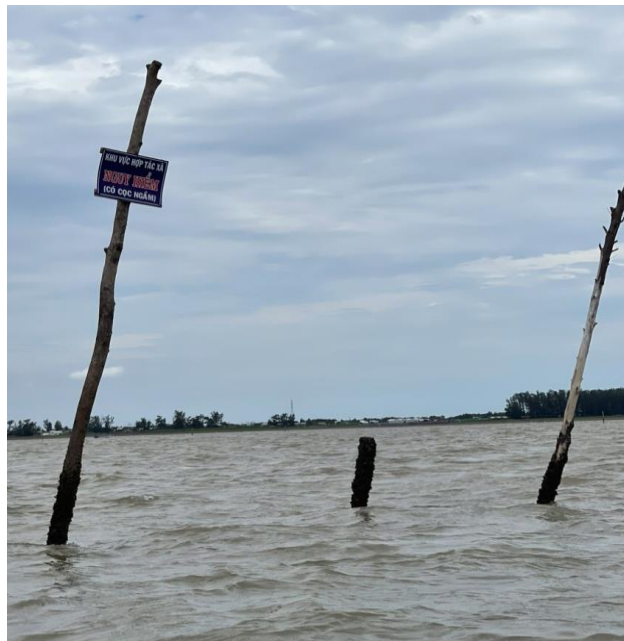
- Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, ... nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tai nạn đuối nước

- Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh sự cố va chạm với các phương tiện giao thông thủy khác.

- Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, ... trên mỗi phương tiện, bố trí

biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển.

- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chài canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển.
- Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện, nhằm ứng phó nhanh, kịp thời khi phát sinh sự cố.
- Đối với hoạt động thu hoạch:
  - + Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, ... đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên.
  - + Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng, giảm thiểu tối đa sự cố chìm tàu do quá tải.
- Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự cố đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ... để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục sự cố.
- Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).



Hình 12: Biển cảnh báo nguy hiểm ngoài khu vực biển

#### e.4) An ninh trật tự

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.
- Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, ...) cho lao động thời vụ, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh mất trật tự và tệ nạn (cờ bạc,

trộm cướp, ...)

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên, người lao động trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

### **3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Tổ chức thực hiện:

+ Trong giai đoạn xây dựng: Đơn vị thi công và đơn vị chủ dự án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Trong giai đoạn vận hành: Chủ dự án chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường, bao gồm: Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 23: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án*

<b>TT</b>	<b>Các vấn đề môi trường</b>	<b>Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Kinh phí dự kiến (đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>			
1	Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa rác loại 12 lít	02	200.000
		- Thực hiện đóng phí thu gom CTRSH	01 háng	200.000
2	Bụi, khí thải, nhiệt dư và tiếng ồn	- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động	-	1.000.000
3	Sự cố, rủi ro	- Dự trù kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khắc phục sự cố	-	20.000.000
<b>II</b>	<b>Giai đoạn vận hành</b>			
<b>A</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>			
1	- Nước thải sinh hoạt	- Công trình xử lý nước thải (03 hầm tự hoại)	Tính cho toàn dự án	150.000.000

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
2	- Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa CTRSH		
3	- Chất thải nguy hại	- Thùng chứa CTNH (02 thùng nhựa HDPE, dung tích 60 lít) - Khu vực lưu chứa CTNH		
4	Sự cố	- Thiết bị ứng phó (phao cứu sinh, áo phao, ...)		
<b>B</b>	<b>Chi phí vận hành</b>			
1	Nước thải sinh hoạt	- Hút bùn thải	01 lần/năm	50.000.000
2	- Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải rắn thông thường	- Thuê đơn vị thu gom và xử lý	01 lần/tháng (tần suất đóng phí thu gom CTR)	300.000
3	Chất thải nguy hại	- Thuê đơn vị thu gom và xử lý	01 lần/năm	3.000.000
4	Sự cố, rủi ro	- Dự trù kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khắc phục sự cố - Dự trù kinh phí sửa chữa, khắc phục hư hỏng các công trình BVMT	-	200.000.000

Nguồn: Đơn vị tư vấn dự toán kinh phí, 2024

### 3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Kết quả đánh giá tác động môi trường đã được thực hiện có mức độ tin cậy, chi tiết cao bởi vì:

- Áp dụng những phương pháp đánh giá tác động được công bố và ban hành rộng rãi;
- Sử dụng chuỗi số liệu trong tính toán từ những tài liệu kỹ thuật đã được ban hành, quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam;
- Sử dụng định mức, số liệu khoa học của một số cơ quan quốc tế có uy tín như WHO, USEPA;

- Tham khảo các phương pháp tính toán, phương pháp đánh giá của những cơ quan, tác giả có uy tín trong nước;
- Tham khảo một số báo cáo đánh giá tác động môi trường của những dự án có loại hình hoạt động giống hoặc tương tự dự án trong và ngoài tỉnh;
- Sử dụng chuỗi dữ liệu môi trường nền từ những báo cáo quan trắc môi trường đã được phê duyệt;
- Sử dụng chuỗi số liệu thống kê về kinh tế xã hội từ Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh;
- Các số liệu quan trắc chất lượng các thành phần môi trường môi trường: Quá trình thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện bởi Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú
  - + Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, mã số VIMCERTS 292.
  - + Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Ngoài ra, công tác thống kê, xử lý số liệu được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật môi trường, địa chất công trình, khoa học môi trường, quản lý môi trường.

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

*Bảng 24: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM*

<b>STT</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Độ tin cậy</b>	<b>Nguyên nhân</b>
1	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy như Báo cáo môi trường Quốc gia, ...
2	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
3	Phương pháp so sánh	Cao	Các kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
4	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Cao	Được tiến hành bằng cách tham vấn lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư lân cận dự án

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
5	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra
6	Phương pháp khảo sát thực địa	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành
7	Phương pháp quan trắc	Cao	

*Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024*

## Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

### 4.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
<b>Giai đoạn xây dựng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận chuyển vật liệu xây dựng</li> <li>- Thi công xây dựng các hạng mục công trình</li> </ul>	- Bụi, khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý,</li> <li>- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng, đặc biệt đối với công nhân thao tác các loại máy móc như hàn, cắt kim loại.</li> <li>- Đối với cát xây dựng: có dụng cụ che kín (vải bạt); Đối với ximăng: được tập kết về khu vực công trường phù hợp với nhu cầu và sử dụng trong ngày.</li> </ul>	Tháng 6/2024
		- CTR xây dựng thông thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các loại vật liệu hư hỏng: thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng.</li> <li>- Đối với bao bì chứa vật liệu xây dựng và các loại vật liệu bằng kim loại: thu gom và cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng dự án.</li> </ul>	Tháng 6/2024
		- Nước thải xây dựng	- Nước thải xây dựng với lưu lượng rất thấp, phần lớn tự ngấm xuống bãi cát, đơn vị thi công không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.	Tháng 6/2024
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- CTR sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít)</li> <li>- Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực</li> </ul>	Tháng 6/2024
		- Nước thải sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng</li> <li>- Hiện trạng đã bố trí 01 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt (thể tích hầm ước tính khoảng 9 m<sup>3</sup>; dài x rộng x sâu = 3m x 2m</li> </ul>	Tháng 6/2024

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			x 1,5m)	
	Quá trình bảo trì, sửa chữa thiết bị, máy móc	- Chất thải nguy hại	- Được đơn vị thi công thu gom, xử lý và không tồn đọng tại khu vực thực hiện Dự án.	Tháng 6/2024
<b><i>Giai đoạn vận hành</i></b>	Hoạt động nuôi và thu hoạch nghêu, sò thương phẩm và nghêu, sò giống	- Chất thải rắn thông thường	- Toàn bộ chất thải được thu gom, đóng bao và định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực ( <i>trên tuyến Quốc lộ 53, tại ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa</i> ).	Xuyên suốt giai đoạn vận hành dự án
		- Sự cố môi trường - Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động	<i>Sự cố nghêu, sò chết hàng loạt:</i> thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản	nt
			<i>Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)</i> - Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014 - Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải, nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải và ngăn ngừa sự cố quá tải. - Thực hiện theo dõi hiện trạng sử dụng của các hầm tự hoại, ... thực hiện nhanh chóng các biện pháp khắc phục, đảm bảo không phát sinh sự cố vỡ hầm.	nt
			<i>Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu</i> - Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, ... - Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án.	nt

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, ... trên mỗi phương tiện, bố trí biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển.</li> <li>- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chòi canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển.</li> <li>- Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện.</li> <li>- Đối với hoạt động thu hoạch:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, ... đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên.</li> <li>+ Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng.</li> </ul> </li> <li>- Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự cố đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ...</li> <li>- Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).</li> </ul>	
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bụi, khí thải và tiếng ồn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi.</li> <li>- Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.</li> <li>- Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại khu vực văn phòng.</li> <li>- Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.</li> <li>- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).</li> </ul>	nt
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm tự hoại bố trí tại chòi canh và văn phòng, với tổng thể tích ước</li> </ul>	nt

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			<p>tính khoảng 19 m<sup>3</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định ký thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.</li> </ul>	
		- CTR sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín</li> <li>- Khu vực chòi canh: Số lượng thùng chứa được bố trí mỗi chòi canh cụ thể như sau: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín;</li> <li>- Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.</li> <li>- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định</li> </ul>	nt
		- CTNH (phát sinh từ khu vực văn Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí khu vực chứa chất thải: với diện tích khoảng 1m<sup>2</sup>, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án.</li> <li>+ Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít</li> <li>- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.</li> <li>- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	nt
		<i>An ninh trật tự</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.</li> <li>- Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, ...) cho lao động thời vụ</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên, người lao động</li> </ul>	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực. - Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...	
	Yếu tố vi khí hậu	Nước mưa chảy tràn	- Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không tiếp xúc với rác thải. - Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.	nt

## **4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường**

### **4.2.1. Giai đoạn xây dựng**

- Tại thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống, đã hoàn thành giai đoạn xây dựng.

- Do đó, chủ dự án không đề xuất thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn này

### **4.2.2. Giai đoạn vận hành**

#### *a) Giám sát chất lượng nước biển ven bờ*

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, Độ muối, DO, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> (tính theo N), Dầu mỡ khoáng, Fe và tổng Coliform

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển.

#### *b) Giám sát chất lượng trầm tích*

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: TT)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: As, Cu, Pb, Cr, Fe, As
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột Trầm tích nước mặn, nước lợ

## **Chương 5: KẾT QUẢ THAM VẤN**

### **5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

#### **5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử**

Hợp tác xã Phương Đông (đơn vị Chủ dự án) phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường), gửi Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống đến Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### **5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến**

Hợp tác xã Phương Đông (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và với Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa tổ chức tham vấn bằng hình thức họp lấy ý kiến theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thực hiện niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa
- Thực hiện tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư có khả năng chịu tác động bởi dự án

#### **5.2. Tham vấn bằng văn bản theo quy định**

Hợp tác xã Phương Đông (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (kèm theo văn bản tham vấn) đến các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư, bao gồm: Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Long Hòa theo đúng quy định tại điểm c khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

#### **5.3. Kết quả tham vấn cộng đồng**

Hợp tác xã Phương Đông (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo ý kiến tham vấn.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Qua xây dựng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống, có thể đưa ra một số kết luận khái quát như sau:

- Triển khai thực hiện dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống mang tính cấp thiết, khả thi cao và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Trà Vinh nói chung và thị xã Duyên Hải nói riêng.

- Chuyên đề Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nhận diện khá đầy đủ các tác động đến chất lượng các thành phần môi trường.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường được đề xuất áp dụng chi tiết đối với từng nguồn tác động, nên có tính khả thi cao; được xây dựng trên cơ sở của quy định tại các tiêu chuẩn/quy chuẩn và quy định hiện hành, nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảm thiểu các tác động của nguồn thải, yêu cầu về vệ sinh môi trường,...

- Các biện pháp giảm thiểu đề xuất thực hiện, áp dụng với tất cả các tác động tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện dự án và nằm trong khả năng cho phép của chủ dự án. Cơ bản chưa phát hiện các tác động vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án.

### **2. Kiến nghị**

Thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thì đơn vị Chủ dự án kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở và Ban ngành có liên quan xem xét tính tích cực của dự án và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, để từ đó tạo điều kiện để dự án sớm triển khai thực hiện;

### **3. Cam kết của chủ dự án đầu tư và đơn vị thi công dự án**

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết về độ chính xác, chịu trách nhiệm về các số liệu tham khảo, sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Dự án đáp ứng các tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các sự cố, rủi ro về an toàn lao động, an toàn giao thông đường thủy, đường bộ.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn.

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### ***Tài liệu tham khảo bằng tiếng việt***

- + Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2002;
- + Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 1: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm; tập 2: Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi, GS.TS Trần Ngọc Chân, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1999;
- + Ô nhiễm không khí, PGS.TS. Đinh Xuân Thắng, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003;
- + Ô nhiễm không khí, GS.TS. Trần Ngọc Chân, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004;
- + Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Tập 1 (Ô nhiễm không khí, tính toán khuếch tán chất ô nhiễm) và Tập 3 (Lý thuyết tính toán và Công nghệ xử lý khí độc hại), GS.TS. Trần Ngọc Chân, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2001;
- + Ủy ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1.
- + Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010.
- + Nguyễn Hải, Âm học và Kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục.
- + Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia, giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### ***Tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài***

- Assessment of Source of Air, water and land pollution, A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating Environment Control Strategies; Geneva; 1993; World Health Organization;
- Environmental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, environment, World Bank, Washington D.C, 8/1991;
- WHO, Rapid inventory technique in environmental control, năm 1993
- Management of the Environment, WHO, 2000.
- Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993

# PHỤ LỤC

Số: 1044/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày 14 tháng 6 năm 2024)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Xét Báo cáo thẩm định số 358/BC-SKHĐT ngày 31/5/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ý kiến của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 347-CV/BCSĐ ngày 14/6/2024 thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 2700-TB/VPTU ngày 13/6/2024 của Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

**1. Nhà đầu tư:** Hợp tác xã Phương Đông, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 580907000007 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Duyên Hải cấp lần đầu ngày 08/7/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/4/2024. Địa chỉ trụ sở: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0382 984 436.

**2. Tên dự án:** Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống.

**3. Mục tiêu dự án:** Cung cấp nguồn nguyên liệu nghêu thương phẩm đạt năng suất, sản lượng cao và sản phẩm an toàn thực phẩm; kiên trì giữ vững, phát triển mô hình nuôi trồng và khai thác nghêu bền vững, bảo vệ môi trường sinh

thái và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng ven biển và biển; giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

#### 4. Quy mô dự án:

- Diện tích sử dụng đất, mặt nước: 557.125,8 m<sup>2</sup>, trong đó: Đất bãi bồi 350.789,5 m<sup>2</sup>; khu vực biển 206.336,3 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế: 720 tấn/vụ.

- Sản phẩm cung cấp: Nghêu thương phẩm.

**5. Vốn đầu tư của dự án:** 5.056.500.000 đồng (Năm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: Vốn góp của nhà đầu tư: 2.056.500.000 đồng, chiếm 40,67%; vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 3.000.000.000 đồng, chiếm 59,33%.

**6. Thời hạn hoạt động của dự án:** 05 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

**7. Địa điểm thực hiện dự án:** Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

#### 8. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào khai thác vận hành:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Hợp tác xã Phương Đông	2.056.500.000		40,67	Tiền mặt	Đã góp đủ vốn

- Vốn huy động: Sau khi dự án được cấp chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư ký hợp đồng tín dụng giải ngân theo tiến độ của dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

Tháng 6/2024: Hoàn thành thủ tục pháp lý và đưa dự án vào hoạt động.

#### 9. Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng:

a) *Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất:* Nhà đầu tư cam kết không hưởng ưu đãi.

b) *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:*

- *Cơ sở pháp lý của ưu đãi:* Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC ngày

07/5/2018 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017).

- *Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi*: Dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

### **10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đối với nhà đầu tư:**

- Thực hiện ký cam kết tiến độ và ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư được quy định trong pháp luật về môi trường đất đai, tài nguyên biển, thủy sản ...; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sai phạm trong việc đầu tư xây dựng tại dự án.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm về tình hình thực hiện dự án và chế độ báo cáo thuế, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho phép; chấp hành các quy định của chính quyền địa phương.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tình hình thực hiện giám sát, đánh giá các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về thông tin, số liệu trong Báo cáo về kết quả thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện có nội dung sai sót, không phù hợp với các quy định của pháp luật phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các Sở, Ban, ngành tỉnh: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, môi trường,...liên quan đến dự án.

3. Nhà đầu tư (Hợp tác xã Phương Đông) có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan, Quyết định chấp thuận chủ

trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; nhà đầu tư (Hợp tác xã Phương Đông) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho nhà đầu tư (Hợp tác xã Phương Đông) 01 bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư 01 bản và 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quỳnh Thiện**

**HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /HTX

Trường Long Hòa, ngày 27 tháng 5 năm 2024

*“Về việc cam kết dự án nuôi nghêu,  
sò không hưởng chính sách miễn,  
giảm tiền thuê đất”*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh

Căn cứ nội dung kết quả cuộc họp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Hợp tác xã Phương Đông ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc trao đổi nội dung liên quan đến dự án đầu tư nuôi nghêu, sò của Hợp tác xã Phương Đông;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổ thành viên ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc trao đổi nội dung xin thuê đất;

Căn cứ công văn số 1207/SKHĐT-TTXX ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phúc đáp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án “Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống”.

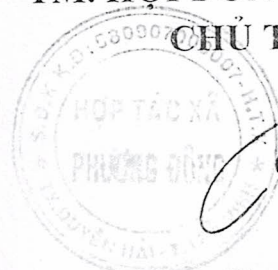
Nay Hợp tác xã Phương Đông cam kết dự án nuôi nghêu, sò trên diện tích đất 350.789,5m<sup>2</sup> không hưởng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất.

Hợp tác xã xin chân thành cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



*Đặng Xuân Thảo*  
**Đặng Xuân Thảo**

HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/QĐ-HTX

Trường Long Hòa, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

“Về việc thống nhất đề xuất dự án nuôi nghêu, sò”

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Điều lệ của Hợp tác xã Phương Đông, nhiệm kỳ 2020 – 2024.

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Hợp tác xã ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc lấy ý kiến thuê đất thực hiện dự án nuôi nghêu, sò;

Căn cứ tình hình thực tế của Hợp tác xã Phương Đông.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thống nhất đề xuất dự án nuôi nghêu, sò với các nội dung chủ yếu sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên tổ chức: Hợp tác xã Phương Đông

Giấy chứng nhận kinh doanh số: 2100350435, đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 19 tháng 4 năm 2024, cơ quan cấp: Phòng Tài Chính và Kế Hoạch, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ trụ sở: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Mã số thuế: 2100350435

Điện thoại: 02946287878

Email: htxphuongdong1@gmail.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: Đặng Xuân Thảo

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc

Ngày sinh: 02/11/1979

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD: 086079001524

Ngày cấp: 15 tháng 4 năm 2021

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản lý Hành Chánh về Trật Tự Xã Hội.

Địa chỉ thường trú: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện tại: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0382984436

Email: thaonhikhang2011@yahoo.com.vn

## II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

### 2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng, quản lý và khai thác nghêu giống, nghêu thương phẩm và thủy sản khác	0321
		Kinh doanh nghêu, sò giống, nghêu, sò thương phẩm	0163

### 3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

Tổng diện tích: 557.125,8 m<sup>2</sup>, trong đó chia ra

- Diện tích trong đường triều kiệt khu A2: 350.789,5 m<sup>2</sup> (35,08 ha), phía Đông giáp luồng tàu vào Vàm láng nước (Cồn Vượt), phía Nam giáp tổ điện gió V1 - 3, phía Tây giáp rừng phòng hộ, phía Bắc giáp Hợp tác xã Phương Đông.

- Diện tích ngoài đường triều kiệt khu E: 206.336,3 m<sup>2</sup> (20,63 ha), phía Đông giáp luồng tàu vào Vàm láng nước (Cồn Vượt), phía Nam giáp tổ điện gió V1 - 3, phía Tây giáp Hợp tác xã Phương Đông, phía Bắc giáp Vàm Láng Nước.

- Phân chia diện tích thực hiện dự án:

+ Diện tích neo đậu phương tiện ghe, vỏ lãi giữ nghêu: 50.000m<sup>2</sup> (5 phương tiện x 10.000m<sup>2</sup>)

+ Diện tích dự trữ khu vực thả nghêu di chuyển ra mốc ranh giới: 106.925,8 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích xây dựng chòi canh nghêu 200 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích thả nghêu giống: 400.000m<sup>2</sup>.

Các chỉ tiêu dự kiến đạt được, gồm:

+ Mùa vụ nuôi: từ tháng 01 đến tháng 12 hàng năm

+ Mật độ nuôi: 100 - 200 con/m<sup>2</sup>, TB 150 con/m<sup>2</sup> (đối với giống > 1cm)

+ Tỷ lệ sống: > 60 %

+ Kích cỡ thu hoạch: > 0,002 kg/con (20g/con)

+ Năng suất: > 18 tấn/ha

+ Năng suất của dự án: 720 tấn/vụ

+ Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: nghêu thương phẩm

\* Áp dụng biện pháp quản lý và khai thác giống nghêu, sò huyết:

Tuân thủ thực hiện theo Luật Thủy sản 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

\* Hạch toán chi phí, lợi nhuận nuôi nghêu thương phẩm, cụ thể:

+ Số lượng nghêu giống, mật độ, kích cỡ

TT	Mật độ/m <sup>2</sup>	Kích cỡ (con/kg)	Số lượng (kg)	Đơn giá (kg)	Thành tiền
1	150 con	300 con	200.000	17.000	3.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>200.000</b>	<b>17.000</b>	<b>3.400.000.000</b>

+ Chi phí vận chuyển nghêu giống, công rải nghêu giống

TT	Khoản mục	Số lượng (tấn)	Đơn giá (tấn)	Thành tiền
1	Chi phí vận chuyển giống	200	1.000.000	200.000.000
2	Chi phí rải nghêu giống	200	400.000	80.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>280.000.000</b>

+ Trả lương nhân viên giữ nghêu

TT	Khoản mục	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền
1	Trả lương nhân viên	03	24	7.000.000	504.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>504.000.000</b>

+ Mua sắm phương tiện giữ nghêu số tiền: 450.000.000đ, cụ thể:

TT	Khoản mục	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua ghe máy nằm bãi giữ nghêu	01	300.000.000	300.000.000
1	Mua vỏ lãi giữ nghêu	01	70.000.000	70.000.000
2	Mua máy chạy vỏ lãi	01	40.000.000	40.000.000
3	Mua sắt xi, phụ kiện vỏ lãi, máy	01	40.000.000	40.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>450.000.000</b>

+ Mua nhiên liệu chạy máy ghe, chạy máy vỏ lãi giữ nghêu

TT	Khoản mục	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhiên liệu chạy máy	02	24	10.000.000	240.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>240.000.000</b>

**+ Chi Phí xây dựng chòi canh nông**

TT	Khoản mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát xây	Khối	10	500.000	5.000.000
2	Đá 1 x 2	Khối	10	700.000	7.000.000
3	Gạch ống	Viên	1.000	1.500	1.500.000
4	Sắt phi 10	Cây	50	120.000	6.000.000
5	Sắt phi 12	Cây	50	160.000	8.000.000
6	Xi măng	Bao	100	100.000	10.000.000
7	Công thợ	Ngày	80	500.000	40.000.000
8	Nóc, dùm tiền chế	Mét vuông	100	500.000	50.000.000
9	Gỗ làm đà, ván lót sàn	Mét vuông	50	700.000	35.000.000
10	Khoang giếng nước	Cây	01	10.000.000	10.000.000
11	Kéo điện + Nước				10.000.000
12					
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>182.500.000</b>

**- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Nông thương phẩm.**

<b>SẢN LƯỢNG NÔNG THƯƠNG PHẨM</b>						
TT	SL lúc thả (con)	SL hao hụt (40%)	Số lượng đến thu hoạch (con)	Sản Lượng thu hoạch (kg)	Đơn giá/kg (sau trừ phí)	Thành tiền
1	60.000.000	24.000.000	36.000.000	720.000	22.000	15.840.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>15.840.000.000</b>

Sản lượng thu ( 40ha \* 18 tấn/ha = 720.000 kg \* 22.000 đ/kg = 15.840.000.000)

Lợi nhuận của dự án

Khoản mục	Tiền bán nghề (A)	Tiền phải chi (B)	Lợi nhuận (C)
<b>Tổng doanh thu nghề thịt</b>	<b>15.840.000.000</b>		
<b>Tổng chi phí</b>		<b>5.056.500.000</b>	
- Mua nghề giống		3.400.000.000	
- Vận chuyên, rải nghề giống		280.000.000	
- Chi trả lương nhân viên		504.000.000	
- Mua phương tiện giữ nghề		450.000.000	
- Mua nhiên liệu chạy máy		240.000.000	
- Làm chôi canh nghề		182.500.000	
<b>Lợi nhuận = A - B</b>			<b>10.783.500.000</b>

#### 4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: 5.056.500.000 đồng, (bằng chữ: năm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Vốn góp Hợp tác xã: 2.056.500.000 đồng.

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng : 3.000.000.000 đồng.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a)..... Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Thành viên góp vốn		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ giải ngân
		VND	Tương đương USD			
1	Hợp tác xã Phương Đông	2.056.500.000		40,67%	Tiền mặt	Đã góp vốn (tiền mặt gửi ngân hàng)

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiền độ dự kiến.

+ Vốn vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh: 3.000.000.000 đ (ba tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 59,33%.

+ Tiền độ dự kiến: Sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư của dự án, Hợp tác xã trình dự án và ký hợp đồng tín dụng giải ngân theo tiền độ của dự án.

**5. Thời hạn hoạt động của dự án: 15 năm.**

**6. Tiến độ thực hiện dự án:** (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

- Vốn góp Hợp tác xã để thực hiện dự án: 2.056.500.000 (40,67%) đã góp vốn gửi ngân hàng.

- Cam kết cho vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh: 3.000.000.000 đ (ba tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 59,33%.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư: tháng 5 năm 2024 hoàn thành thủ tục pháp lý.

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: tháng 6 năm 2024.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Sau khi dự án được phê duyệt, Ban giám đốc, thành viên Hợp tác xã Phương Đông, các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện dự án đúng nội dung được duyệt tại Điều 1.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



*Chào*

**Đặng Xuân Thảo**

Số: 16/BB-HTX

Trường Long Hòa, ngày 17 tháng 4 năm 2024

## BIÊN BẢN

“Về việc lấy ý kiến thuê đất thực hiện dự án nuôi nghêu, sò”

Thời gian: Vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Địa điểm: Văn phòng Hợp tác xã Phương Đông

Nội dung: Hợp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Nhân viên Hợp tác xã lấy ý kiến thuê đất thực hiện dự án nuôi nghêu, sò giống, nghêu, sò thương phẩm.

### I. THÀNH PHẦN

#### 1. Hội đồng Quản trị

- Ông Đặng Xuân Thảo – Chủ tịch HĐQT - Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Mười – Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc.
- Ông Lâm Chí Công – Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc.

#### 2. Ban Kiểm soát

- Ông Võ Văn Thành – Trưởng Ban Kiểm soát.
- Ông Trần Trọng Trí – Thành viên Ban Kiểm soát.

#### 3. Thư ký cuộc họp

Ông Đỗ Tấn Đạt – Văn thư - thủ quỹ.

#### 4. Nhân viên

Bà Nguyễn Trúc Linh – Kế Toán.

### II. NỘI DUNG

1. Ông Đặng Xuân Thảo – Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp thông qua phương án thuê đất thực hiện dự án nuôi nghêu, sò giống, nghêu, sò thương phẩm.

2. Ý kiến thành phần tham dự

Thống nhất thuê đất thực hiện dự án nuôi nghêu, sò giống, nghêu, sò thương phẩm.

Tập thể biểu quyết thống nhất 100%.


Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày. Có thông qua trước tập thể và được thống nhất 100%/.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



ĐỖ TẤN ĐẠT

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP



ĐẶNG XUÂN THẢO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**  
Số: 2100350435

*Đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 7 năm 2016*

*Đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

**1. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: **HTX PHƯƠNG ĐÔNG**

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0382984436

Fax:

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Nuôi trồng thủy sản biển <i>Nuôi trồng, quản lý, khai thác nghêu giống, nghêu thương phẩm và thủy sản khác</i>	0321 (Chính)
2	Bán buôn thực phẩm <i>Kinh doanh nghêu sò giống, nghêu sò thương phẩm</i>	4632

**4. Vốn điều lệ:** 2.936.000.000 (Hai tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng)

**5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:**

Họ và tên: **ĐẶNG XUÂN THẢO** Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 02/11/1979 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 086079001524

Ngày cấp: 15/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện tại: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Tôn Hoàng Vinh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 2K2 quyền số: 01./20....SCT/B  
Trường Long Hòa, ngày 28 tháng 8 năm 2024  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

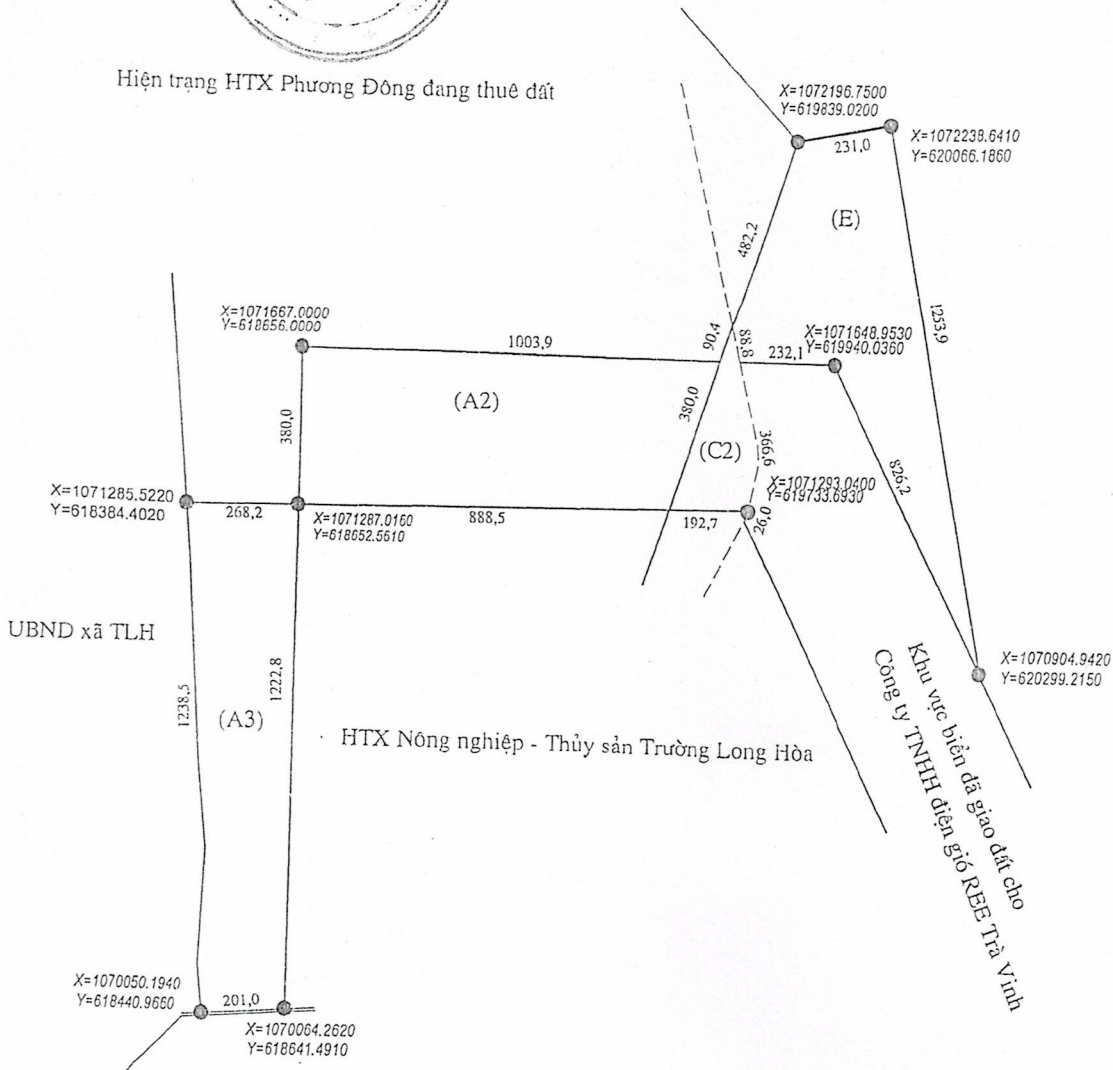


Uc  
Nguyễn Hoài Linh



# SƠ ĐỒ KHU ĐẤT

Hiện trạng HTX Phương Đông đang thuê đất



Cầu dẫn của Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh

**\* Ghi chú:**

- (A2) Diện tích 350789,5 m<sup>2</sup>. HTX Phương Đông xin thuê (nằm trong đường triều kiệt).
- (A3) Diện tích 279165,1 m<sup>2</sup>. HTX Phương Đông xin trả lại đất (nằm trong đường triều kiệt).
- (E) Diện tích 291626,1 m<sup>2</sup>. HTX Phương Đông xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt).
- (C2) Diện tích 51695,8 m<sup>2</sup>. HTX Phương Đông xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất).

————— Ranh khảo sát hiện trạng  
 - - - - - Đường triều kiệt

Số: 1207/SKHĐT-TTXX  
V/v phúc đáp hồ sơ đề nghị chấp  
thuận chủ trương đầu tư dự án “Thuê  
đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương  
phẩm, nghêu, sò giống”

Trà Vinh, ngày 24 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Hợp tác xã Phương Đông.

Ngày 22/4/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư “Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu, sò thương phẩm, nghêu, sò giống” của Hợp tác xã Phương Đông (Nhà đầu tư).

Qua lấy ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

### 1. Diện tích khu vực thực hiện dự án

- Theo hồ sơ, Nhà đầu tư đề xuất diện tích đất thực hiện dự án là 642.415,6 m<sup>2</sup>, gồm: Phần diện tích trong đường triều kiệt là 350.789,5 m<sup>2</sup>; phần diện tích ngoài đường triều kiệt là 291.626,1 m<sup>2</sup>.

- Theo sơ đồ khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp, diện tích khu đất thực hiện dự án là 694.111,4 m<sup>2</sup>, gồm: Phần diện tích trong đường triều kiệt là 404.485,3 m<sup>2</sup> (A2, C2); phần diện tích ngoài đường triều kiệt là 291.626,1 m<sup>2</sup> (E).

Như vậy, phần diện tích trong đường triều kiệt chênh lệch tăng 51.695,8 m<sup>2</sup> (C2) so với đề xuất của Nhà đầu tư.

### 2. Về sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch

- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 quy định vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, trong đó quy hoạch vùng phát triển nuôi trồng thủy sản: Tôm thẻ, tôm sú, cua biển, nghêu... tại các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

- Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duyên Hải đã được UBND tỉnh phê duyệt, phần diện tích trong đường triều kiệt là 404.485,3 m<sup>2</sup> (A2, C2) gồm:



+ Diện tích 352.864,5 m<sup>2</sup> (A2 và một phần của khu C2 (khoảng 2.075 m<sup>2</sup>)): Đất nuôi trồng thủy sản.

+ Diện tích 49.620,8 m<sup>2</sup> (một phần của khu C2): Đất công trình năng lượng.

- Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đã được UBND tỉnh phê duyệt, phần diện tích trong đường triều kiệt là 404.485,3 m<sup>2</sup> (A2, C2) gồm:

+ Diện tích 350.789,5 m<sup>2</sup> (A2): Đất nuôi trồng thủy sản.

+ Diện tích 51.695,8 m<sup>2</sup> (C2): Đất công trình năng lượng.

Do đó, dự án chỉ phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đối với phần diện tích 350.789,5 m<sup>2</sup> (A2).

- Theo sơ đồ Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Thủ tướng chính phủ) và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Duyên Hải, phần diện tích ngoài đường triều kiệt là 291.626,1 m<sup>2</sup> (E), trong đó:

+ Diện tích 206.336,3 m<sup>2</sup> (E): Đất mặt nước ven biển.

+ Diện tích 85.289,8 m<sup>2</sup> (E): Thuộc phạm vi quy hoạch phát triển điện gió V1-3 và Nhà máy điện gió V1-3 giai đoạn 2, công suất 48MW giai đoạn thực hiện 2023-2025.

**Như vậy, diện tích đủ điều kiện cho thuê là:**

- Phần diện tích trong đường triều kiệt là 350.789,5 m<sup>2</sup> (35,08 ha; A2).

- Phần diện tích ngoài đường triều kiệt là 206.336,3 m<sup>2</sup> (20,63 ha; E).

### **3. Về năng lực thực hiện dự án**

- Do Hợp tác xã được thành lập năm 2016 nên đề nghị Nhà đầu tư bổ sung Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (năm 2022 và 2023).

- Đề nghị cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản xác nhận cung cấp tài chính của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Trà Vinh (Văn bản số 980XNCCTC 2024000000055 ngày 19/4/2024).

- Tại điểm 4.1 Mục 4 Mẫu A.I.1 đề nghị chỉnh sửa "+ Vốn huy động từ thành viên Hợp tác xã: 2.560.500.000 đồng" thành "+ Vốn góp Hợp tác xã: 2.560.500.000 đồng".

#### 4. Về hiệu quả kinh tế của dự án

Nhà đầu tư đánh giá dự án có hiệu quả kinh tế khi thực hiện. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả kinh tế phải căn cứ trên cơ sở các chỉ số kinh tế như: NPV, PP, IRR,... Do đó, đề nghị Nhà đầu tư bổ sung cơ sở chứng minh hiệu quả dự án.

#### 5. Về tiến độ thực hiện dự án

- Tại điểm b Mục 6 Mẫu A.I.1, tháng 4/2022 hoàn thành thủ tục pháp lý, tháng 6/2024 dự án đi vào hoạt động: Đề nghị Nhà đầu tư rà soát, điều chỉnh tiến độ dự án cho phù hợp.

#### 6. Về chính sách ưu đãi

Theo nội dung kết quả cuộc họp ngày 06/3/2024 về việc trao đổi nội dung liên quan đến đầu tư dự án nuôi nghêu, đề nghị Nhà đầu tư có văn bản cam kết dự án không hưởng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất.

*Qua các nội dung nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Hợp tác xã Phương Đông:*

- Nếu Hợp tác xã thống nhất về diện tích đủ điều kiện cho thuê (350.789,5 m<sup>2</sup> cho thuê đất và 206.336,3 m<sup>2</sup> giao khu vực biển) thì lập lại Mẫu A.I.1, Mẫu A.I.3 và hoàn chỉnh, bổ sung các nội dung như đã nêu trên và nộp lại hồ sơ để được xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thời gian nộp lại hồ sơ chậm nhất ngày 30/5/2024. Nơi nộp hồ sơ: Nhà đầu tư nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh (đường Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh) hoặc nộp qua hệ thống công dịch vụ công trực tuyến <https://dichvucong.travinh.gov.vn>.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phúc đáp đến Hợp tác xã Phương Đông được biết, thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND thị xã Duyên Hải (biết);
- BGĐ Sở (b/c);
- Lưu: VT, TTXT.Cường

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Đệ

**BIÊN BẢN**

Về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục xin chấp thuận  
chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu

- **Thời gian bắt đầu:** Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 03 năm 2024.

- **Địa điểm:** Hội trường Sở Kế hoạch và Đầu tư (số 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

Theo giấy mời số 54/GM-SKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cuộc họp.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Ông Nguyễn Hoàng Đệ, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Chủ trì cuộc họp.

- Ông Cao Đăng Linh, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Thư ký Ông Trần An Phương, Chuyên viên Trung tâm XTĐT&HTDN.

2. Hợp tác xã Phương Đông:

- Ông Đặng Xuân Thảo, Chủ tịch hội đồng quản trị Hợp tác xã Phương Đông.

**II. NỘI DUNG**

**Ông Nguyễn Hoàng Đệ - Chủ trì cuộc họp nêu vấn đề:**

Ngày 19/3/2023<sup>1</sup>, tại Văn phòng UBND tỉnh Phó Chủ tịch Nguyễn Quỳnh Thiện đã tổ chức cuộc họp với các ngành liên quan đến diện tích nuôi nghêu tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải và có ý kiến kết luận. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông tin đến 02 Hợp tác xã như sau:

<sup>1</sup> Thư mời số 84/TM-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các khu đủ điều kiện để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, với tổng diện tích 417,66 ha, trong đó:

- Diện tích đất trong đường triều kiệt 185,15 ha, gồm: Khu A 100,91 ha; khu C 9,97 ha; khu H 74,27 ha. Diện tích đất đủ điều kiện cho thuê trong năm 2024 là khu A 100,91 ha (phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất); các khu còn lại là C và H phải chờ UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (84,24 ha).

- Diện tích đất ngoài đường triều kiệt 232,51 ha, gồm: Khu B 14,23 ha; khu D 55,70 ha; khu E 29,16 ha; khu F 55,50 ha, khu I 33,86 ha, khu L 34,59 ha, khu K 9,47 ha. Tất cả các khu được phép giao khu vực biển để thực hiện dự án.

- Qua cuộc họp, ý kiến kết luận giao Hợp tác xã Phương Đông diện tích dự kiến giao, cụ thể:

+ Tổng cộng 69,16 ha (trong đường triều kiệt diện tích 40 ha thuộc khu A, nằm ngoài đường triều kiệt diện tích khu E diện tích khoảng 29,16 ha)

+ Trong đường triều kiệt diện tích khu C diện tích khoảng 4,98 ha (sau khi Thị xã Duyên Hải điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)

- Đồng thời, giao Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa diện tích khoảng 29 ha (phần cán búa) do Hợp tác xã Phương Đông trả lại.

**\* Ý kiến các đơn vị:**

**1. Ông Cao Đăng Linh:**

- Đề nghị 02 Hợp tác xã Phương Đông và Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất để đo đạc, thống nhất diện tích, có biên bản cụ thể.

- Khi lập hồ sơ đề xuất dự án, Hợp tác xã phải đảm bảo năng lực tài chính của để triển khai thực hiện dự án.

- Sau khi chấp thuận chủ trương phải thực hiện ký quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện dự án theo quy định.

- Trước đây, Hợp tác xã Phương Đông được UBND tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 58121000058 chứng nhận lần đầu ngày 12/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 03/11/2021. Tuy nhiên diện tích thực tế đã thay đổi,

TRÀ VINH  
K

do đó đề nghị Hợp tác xã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau khi thực hiện việc đo đạc.

- Đối với diện tích mới này, Hợp tác xã sẽ thực hiện hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư.

## **2. Ông Đặng Xuân Thảo:**

- Hiện tại, vốn điều lệ của Hợp tác xã khoảng hơn 2 tỷ đồng.

- Trước hết, Hợp tác xã thống nhất diện tích được giao đã nêu.

- Hợp tác xã đề xuất xin thuê diện tích khoảng 70 ha nằm ngoài đường triều kiệt.

## **III. Kết luận:**

Qua ý kiến của Hợp tác xã Phương Đông, chủ trì cuộc họp kết luận như sau:

- Đối diện tích trong đường triều kiệt khu A, Hợp tác xã Phương Đông rà soát, thống nhất diện tích; phối hợp với hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa, Trung tâm phát triển quỹ đất để đo đạc và có biên bản thống nhất giữa các bên.

- Đối diện tích trong đường triều kiệt khu C, diện tích ngoài đường triều kiệt khu E, Hợp tác xã Phương Đông phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Duyên Hải để đo đạc; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với khu C.

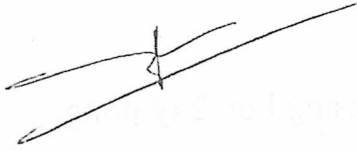
- Sau khi có sơ đồ diện tích để thực hiện dự án, đề nghị Hợp tác xã Phương Đông thực hiện hồ sơ đề xuất dự án theo quy định của Luật Đầu tư.

- Đối với Giấy chứng nhận đầu tư số 58121000058 chứng nhận lần đầu ngày 12/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 03/11/20211, đề nghị Hợp tác xã thực hiện hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư theo diện tích được giao.

H. C. J  
Ờ  
DẠC  
A  
TU  
A

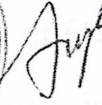
Cuộc họp kết thúc vào 09 giờ ... phút cùng ngày. Nội dung biên bản được thông qua các thành viên tham dự cuộc họp và cùng thống nhất với các nội dung được ghi tại biên bản này./.

**THƯ KÝ**




**Trần An Phương**

**CHỦ TRÌ**



**Nguyễn Hoàng Đệ**

Hợp tác xã Phương Đông



Đặng Xuân Thảo

NAM



## BIÊN BẢN

### Về việc khảo sát thực địa khu đất bãi bồi ven biển để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Thực hiện nội dung thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông trong việc thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu.

Hôm nay, lúc 8 giờ 00 phút, ngày 10/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các thành phần có liên quan theo Giấy mời số 182/GM-STNMT ngày 09/4/2024, tiến hành khảo sát thực địa khu đất nêu trên.

#### I. Thành phần tham gia gồm có:

##### 1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Thê: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai;
- Ông Lê Hải Trường: Trưởng phòng QL và PTQĐ;
- Ông Trần Xuân Đạt: Trưởng phòng KTĐC - VPĐKĐĐ;
- Ông Hứa Minh Hiền: Nhân viên phòng KTĐC - VPĐKĐĐ.

##### 2. Đại diện UBND thị xã Duyên Hải

- Ông Trần Thanh Cần: Chuyên viên Phòng TN & MT.

##### 3. Đại diện UBND xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải

- Ông Hà Vũ Bằng: Chủ tịch.

##### 4. Đại diện HTX Phương Đông

- Ông Nguyễn Văn Mười: Phó Giám đốc.

##### 5. Đại diện Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa

- Ông Lâm Minh Thiện: Giám đốc.

#### II. Nội dung khảo sát:

Khảo sát nội dung thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông trong việc thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu (đính kèm Biên bản). Cụ thể:

**1. Nội dung thứ nhất:** Khảo các khu đất chia tách để xin chủ trương thuê đất giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông như sau:

- Tách Khu (A) diện tích 100,91 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê 40 ha;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê 60,91 ha.

- Tách Khu (C) diện tích 9,96 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê 4,98 ha;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê 4,98 ha. Riêng các khu đất còn lại có ký hiệu (H), (B), (D), (E), (F), (I), (L), (K) diện tích thống nhất theo Biên bản khảo sát ngày 08/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Nội dung thứ hai:** Khảo sát phần diện tích khoảng 29 ha của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất (phần cán búa). Đồng thời, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin chủ trương thuê phần diện tích này.

### III. Kết quả khảo sát:

1. **Nội dung thứ nhất:** Khảo các khu đất chia tách để xin chủ trương thuê đất giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông như sau:

- *Tách Khu (A) diện tích 1.009.125,1 m<sup>2</sup> (diện tích nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:*

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê diện tích 350.789,5 m<sup>2</sup> có ký hiệu (A2), giảm 49.210,5 m<sup>2</sup> so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê diện tích 658.335,6 m<sup>2</sup> có ký hiệu (A1), tăng 49.210,5 m<sup>2</sup> so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- *Tách Khu C diện tích 99.664,1 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:*

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê diện tích 51.695,8 m<sup>2</sup> có ký hiệu (C2), tăng 1.895,8 m<sup>2</sup> so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê diện tích 47.968,3 m<sup>2</sup> có ký hiệu (C1), giảm 1.895,8 m<sup>2</sup> so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- **Nội dung thứ hai:** Khảo sát phần diện tích khoảng 290.000,0 m<sup>2</sup> của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất (phần cán búa). Đồng thời, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin chủ trương thuê phần diện tích này. Thực tế diện tích khảo sát hiện trạng 279.165,1 m<sup>2</sup> có ký hiệu (A3), giảm 10.834,9 m<sup>2</sup> so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nguyên nhân: Việc tăng, giảm diện tích giữa kết quả khảo sát chia tách tại phần diện tích (A), (C) và phần (A3) so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là do giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông thống nhất xác định lại vị trí ranh đất cho liền mí giữa 3 khu (A), (C) và khu (A3) để 2 Hợp tác xã dễ quản lý.

*(Chi tiết ranh ranh giới, tọa độ và diện tích khu đất được thể hiện theo Sơ đồ khu đất và Bảng thống kê diện tích kèm theo).*

**Qua kết quả khảo sát các thành phần tham dự có ý kiến trao đổi như sau:**

(1) Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông: Thống nhất kết quả khảo sát nêu trên, việc tăng, giảm diện tích giữa kết

quả khảo sát chia tách tại phần diện tích (A), (C) và phần (A3) so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là do 2 bên tự nguyện thống nhất lại ranh cho liền mí giữa 3 khu (A), (C) và khu (A3) để dễ quản lý.

(2) UBND xã Trường Long Hòa: Thống nhất kết quả khảo sát nêu trên, đề nghị thực những nội dung như sau:

- Các cơ quan chuyên môn quan tâm hỗ trợ cho 2 HTX trong công tác lập thủ tục xin thuê đất;

- Giữa 2 HTX có sự thống nhất chung và quán triệt sâu rộng đến các thành viên 2 HTX phải đoàn kết để cùng nhau phát triển;

- Trong quá trình sử dụng 2 HTX lưu ý phải tính phương án cho phù hợp khi người dân lưu thông.

***Qua kết nội dung trao đổi các thành phần tham dự thống nhất như sau:***

- Thống nhất kết quả khảo sát hiện trạng khảo sát theo sơ đồ khu đất nêu trên.

- *Hợp tác xã Phương Đông thực hiện các nội dung như sau:*

+ Lập thủ tục xin chủ trương thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A2) nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

+ Lập thủ tục xin giao khu vực biến đổi với phần diện tích có ký hiệu (E); Riêng phần diện tích có ký hiệu (C2) nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, sau khi UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thì mới lập thủ tục xin thuê phần diện tích này;

+ Lập thủ tục xin trả lại phần diện tích có ký hiệu (A3) do không còn nhu cầu sử dụng;

- *Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa thực hiện các nội dung như sau:*

+ Lập thủ tục xin chủ trương thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A1) nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

+ Lập thủ tục xin giao khu vực biến đổi với phần diện tích có ký hiệu (B), (D), (F), (I), (L), (K); Riêng phần diện tích có ký hiệu (C1), (H) nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, sau khi UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thì mới lập thủ tục xin thuê phần diện tích này;

+ Lập thủ tục xin thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A3) của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất.

- Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cấp Sơ đồ khu đất từng vị trí cụ thể để Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông xin chủ trương thuê và giao đất khu vực biến (có hợp đồng thu phí theo quy định).

- UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đối với phần diện tích có ký hiệu (C1), (C2), (H) theo nội dung biên bản họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Biên bản kết thúc vào lúc 10... giờ 20... phút cùng ngày có đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây./.

**ĐD. Sở Tài nguyên Và Môi trường**

**Trung tâm Phát triển quỹ đất**

**Văn phòng ĐKDD**

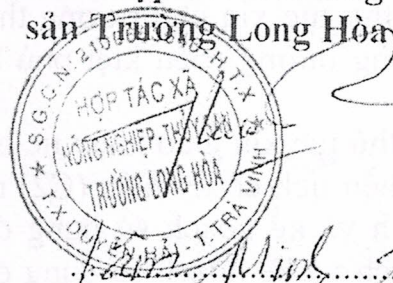
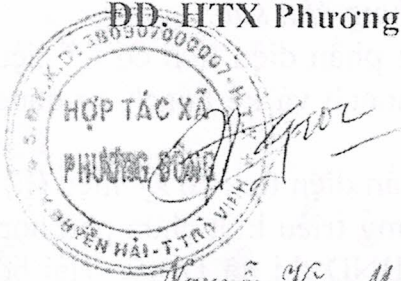
*[Handwritten signatures]*

*Lê Hải Ninh*

*Nguyễn Thị Diệu Thị*

**ĐD. HTX Phương Đông**

**ĐD. Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa**



*Nguyễn Văn Mười*

*Miêu Thiệp*

**ĐD. UBND xã Trường Long Hòa**

**ĐD. UBND Thị xã Duyên Hải**

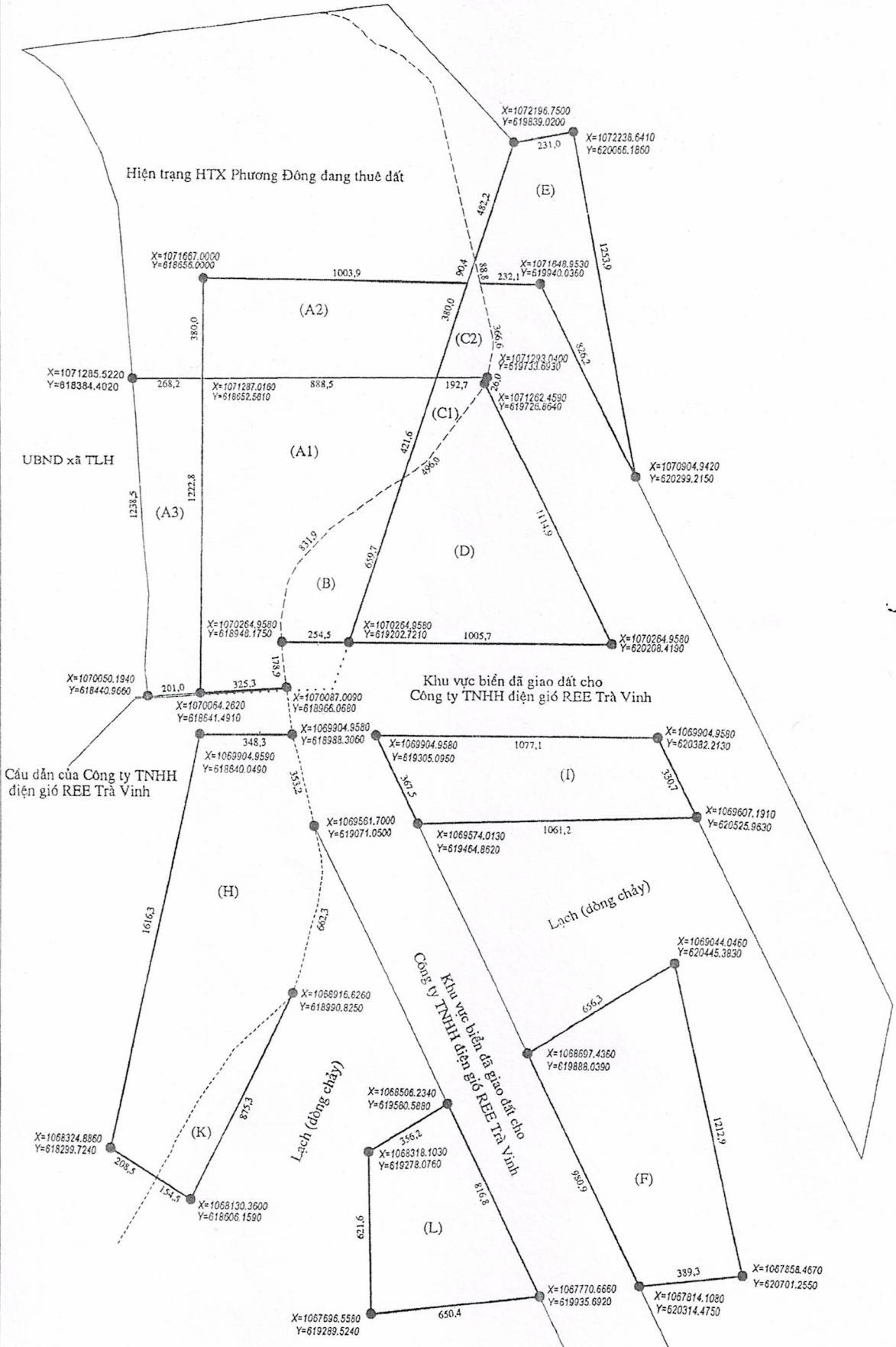


*[Handwritten signature]*  
**Nhan Thanh Lân**

*Hồ Văn Bằng*

*[Handwritten signature]*  
**Trần Xuân Đạt**

**SƠ ĐỒ KHU ĐẤT**  
(KÈM THEO BIÊN BẢN KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG NGÀY 10/4/2024)



— Ranh khảo sát hiện trạng  
- - - Đường triều kiệt

**BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH**  
(Kèm theo Biên bản khảo sát ngày 10/4/2024)

Đơn vị tính m<sup>2</sup>

1	(A1)	658335.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (năm trong đường triều kiệt)
2	(A2)	350789.5	HTX Phương Đông xin thuê (năm trong đường triều kiệt)
3	(A3)	279165.1	HTX Phương Đông xin thuê trả lại đất. Dòng thời Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê phân diện tích này (năm trong đường triều kiệt)
4	(C1)	47968.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (năm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
5	(C2)	51695.8	HTX Phương Đông xin thuê (năm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
6	(H)	742677.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (năm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
7	(B)	142345.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
8	(D)	556940.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
9	(E)	291626.1	Hợp tác xã Phương Đông xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
10	(F)	555016.4	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
11	(I)	338598.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
12	(L)	345897.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)
13	(K)	94726.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (năm ngoài đường triều kiệt)

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thu hồi 279.165,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Hợp tác xã Phương Đông, do không còn nhu cầu sử dụng và có văn bản tự nguyện trả lại đất

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 293/TTr-STNMT ngày 12 tháng 6 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi diện tích 279.165,1m<sup>2</sup> đất của Hợp tác xã Phương Đông, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 8, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Lý do thu hồi đất: Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và có văn bản tự nguyện trả lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các tờ Trích lục bản đồ địa chính số 242/TL-VPĐKĐĐ, tỷ lệ 1/25000 do Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 04 tháng 5 năm 2024.

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa có trách nhiệm giao Quyết định này cho Hợp tác xã Phương Đông theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi đất ngoài thực địa; thu hồi hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho Hợp tác xã Phương Đông theo quy định; chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chánh Thanh tra tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD; KT;
- Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quỳnh Thiện**

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: .../TL-VPĐKĐĐ

Tỷ lệ : 1/25000

Tờ bản đồ địa chính số: 8  
thị xã Duyên Hải

tỉnh Trà Vinh

1.Số thứ tự thửa đất: 24

Xã: Trường Long Hòa

2.Diện tích: 279165,1 m<sup>2</sup>

3.Mục đích sử dụng đất: NTS

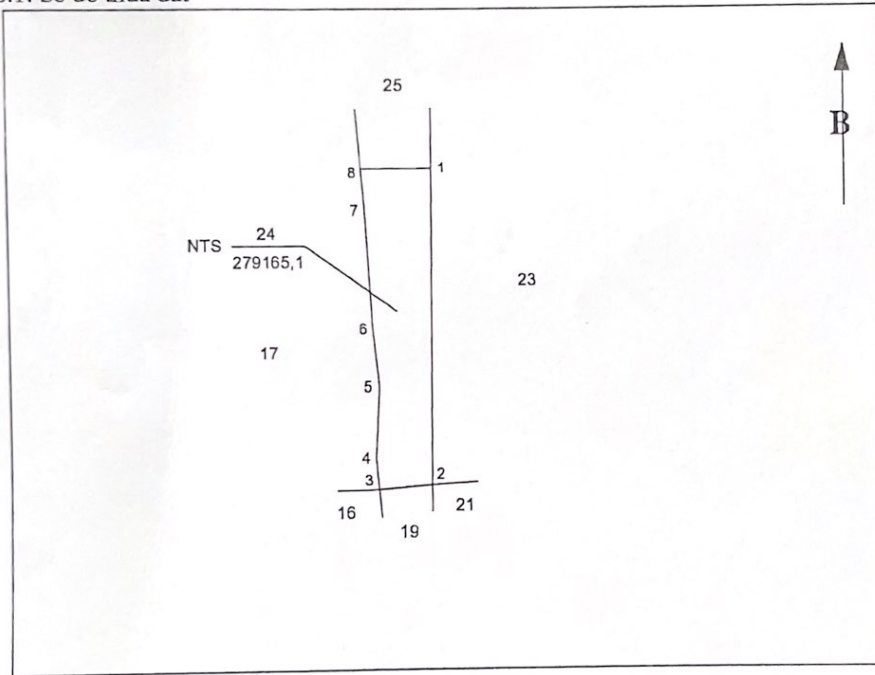
4.Tên người sử dụng đất: HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ thường trú: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Sơ đồ thửa đất



6.2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1- 2	1222,81
2-3	201,02
3- 4	117,06
4- 5	282,37
5- 6	219,29
6- 7	485,63
7- 8	134,16
8- 1	268,16

- Khu vực đất UBND tỉnh Trà Vinh thu hồi của Hợp tác xã Phương Đông
- Thửa 20 tách từ thửa số 6
- Thửa 20 tách thành 2 thửa:
- + Thửa 24 diện tích 279165,1 m<sup>2</sup>
- + Thửa 25 diện tích 1557484,6 m<sup>2</sup>
- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 2009, biên tập lại năm 2016

Người trích lục  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đoàn Thị Thanh Hiền

Trà Vinh, ngày 04 tháng 5 năm 2024

Giám đốc  
Văn phòng đăng ký đất đai  
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Torai



# CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 03

Ngày BH: 21/08/2023

Số trang: 1/4

Số 24.4069

Số:



## BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công Ty TNHH Môi Trường Tử Thiên

Căn cứ chức năng hoạt động của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú

Hôm nay ngày 17 tháng 07 năm 2024

### I. CHÚNG TÔI GỒM:

1. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú

- Ông (bà): Phạm Tấn Thanh Chức vụ: NVQT

- Ông (bà): Nguyễn Thanh Thuận Chức vụ: NVQT

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

2. Đại diện đơn vị giám sát:

- Ông (bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ sở được quan trắc:

- Ông (bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau

### II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

1. Địa điểm lấy mẫu: HỒ TÁC XÃ PHƯỜNG ĐÔNG - THUÊ ĐÀI NUÔI NGHỀ, SỞ THƯƠNG PHÂN, NGHỀ, SỞ GIÒNG Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoa, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Mục đích lấy mẫu: đo đạc môi trường

3. Lấy mẫu trong điều kiện: trời nắng

4. Thực hiện:

Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: Theo trong Vimcerts được chứng nhận

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Ghi chú
K01	Bờ bên cách di cư 2km	Trường ồn, tổng bụi lơ lửng	1072121 0618083	
NA01	Mũi trong đường Trươi Kiệt nơi thực hiện di cư	TSP, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , CO, pH, DO, TSS, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Fe	1072027 0618472	
NA02	Mũi ngoài đường Trươi Kiệt nơi thực hiện di cư	pH, DO, TSS, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Fe	1072067 0618978	
TT01	Trần trên nhà ngoài đường Trươi Kiệt nơi thực hiện di cư	As, Pb, Cu, Cr, Fe, Hg	1072093 0619019	
TS01	Phiền sinh động, thực vật làm ngoài đường Trươi Kiệt nơi thực hiện di cư	Thực vật nơi, đất vạt nơi, động vật	1072082 0619032	
		đất		





# CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 03

Ngày BH: 21/08/2023

Số trang: 2/4

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Ghi chú

## 5. Mẫu kiểm soát chất lượng QC

Ký hiệu mẫu	Loại mẫu QC	Thông số quan trắc	Ghi chú
	Blank	Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO <sub>2</sub>	
N.B.01	Blank	TSS, COD, Coliform	
NT.L.01	Lấp	TSS, COD, Coliform	

## 6. Các mẫu niêm phong gồm:

Quá trình tiến hành lấy và bảo quản mẫu đúng theo phương pháp lấy mẫu được chứng nhận. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng thử nghiệm với biên bản bảo quản mẫu quan trắc đi kèm.

**Lưu mẫu** (Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải, mẫu có chỉ tiêu vi sinh và chỉ lưu các mẫu còn lại):

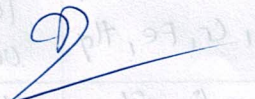
Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không?  Có  Không

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú lưu 01 bản.

Trần Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2024

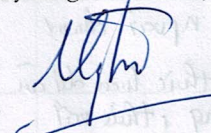
Đại diện cơ sở được quan trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Trúc Linh

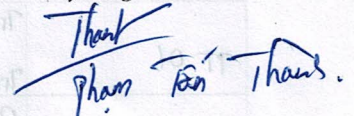
Đại diện đơn vị giám sát

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Hoàng Như

Đại diện đơn vị quan trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phạm Tấn Thành



# CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 03

Ngày BH: 21/08/2023

Số trang: 3/4

## PHỤ LỤC

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu				
Nước mặt	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016				
Nước thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016				
Nước dưới đất	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016				
Nước biển	<input checked="" type="checkbox"/> TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016				
Vì sinh	<input type="checkbox"/> TCVN 8880:2011				
Thực vật nổi	<input checked="" type="checkbox"/> SMEWW 10200B:2017				
Động vật nổi	<input checked="" type="checkbox"/> SMEWW 10200B:2017				
Động vật đáy	<input checked="" type="checkbox"/> SMEWW 10200B:2017				
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007				
Trầm tích	<input checked="" type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004				
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004				
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012				
Không khí	<b>Đo tại hiện trường</b>				
	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	<input checked="" type="checkbox"/> Tiếng ồn TCVN 7878-2:2018
	<input type="checkbox"/> Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Rung TCVN 6963:2001
	<input type="checkbox"/> Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT			
	<b>Lấy mẫu</b>				
	<input checked="" type="checkbox"/> Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	<input type="checkbox"/> Bụi Chi	TCVN 5067:1995	
	<input type="checkbox"/> Bụi PM 10	40 CFR part 50 Method appendix J	<input type="checkbox"/> Bụi PM 2.5	40 CFR Part 50 Method Appendix L	
	<input checked="" type="checkbox"/> NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	<input checked="" type="checkbox"/> SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	
	<input type="checkbox"/> H <sub>2</sub> S	MASA 701	<input type="checkbox"/> NH <sub>3</sub>	MASA 401	
	<input checked="" type="checkbox"/> CO	HDCV/LM-23	<input type="checkbox"/> Cl <sub>2</sub>	MASA 202	
	<input type="checkbox"/> Asen (As)	NIOSH Method 7300	<input type="checkbox"/> Asin (AsH <sub>3</sub> )	NIOSH method 6001	
	<input type="checkbox"/> Cadimi (Cd)	NIOSH method 7048	<input type="checkbox"/> Niken (Ni)	NIOSH Method 7300	
	<input type="checkbox"/> Mangan (Mn)	NIOSH Method 7300	<input type="checkbox"/> Hydrocacbon (C <sub>x</sub> H <sub>y</sub> )	NIOSH Method 1500	
	<input type="checkbox"/> Tetraclôetylen	NIOSH Method 1003	<input type="checkbox"/> Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan)	ASTM 02913 - 96(2007)	
	<input type="checkbox"/> Naphtalen	OSHA method 35	<input type="checkbox"/> Acetaldehyde	NIOSH Method 2538	
<input type="checkbox"/> Fomaldehyt	NIOSH Method 2541	<input type="checkbox"/> Vinyl clorua	NIOSH Method 1007		
<input type="checkbox"/> Acetonitrile	NIOSH Method 1606	<input type="checkbox"/> VOCs	NIOSH Method 1501		
<input type="checkbox"/> Cloroform	NIOSH method 1003	<input type="checkbox"/> HF	NIOSH method 7906		
<input type="checkbox"/> HBr	NIOSH method 7907	<input type="checkbox"/> HCl	NIOSH method 7907		
<input type="checkbox"/> HNO <sub>3</sub>	NIOSH method 7907	<input type="checkbox"/> H <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	NIOSH method 7908		
<input type="checkbox"/> H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	NIOSH method 7908	<input type="checkbox"/> Phenol	NIOSH method 2546		
<input type="checkbox"/> Metan (CH <sub>4</sub> )	MASA 101				
Khí thải	<b>Đo tại hiện trường</b>				
	<input type="checkbox"/> Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1 + US EPA Method 1A	<input type="checkbox"/> Hàm ẩm	US EPA Method 4	<input type="checkbox"/> CO HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Vận tốc	US EPA Method 2	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ	HDCV/LM-72	<input type="checkbox"/> SO <sub>2</sub> HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Lưu lượng	US EPA Method 2	<input type="checkbox"/> Áp suất	HDCV/LM-82	<input type="checkbox"/> O <sub>2</sub> HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	<input type="checkbox"/> NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	HDCV/LM-82	<input type="checkbox"/> CO <sub>2</sub> HDCV/LM-82
	<b>Lấy mẫu</b>				
	<input type="checkbox"/> Tổng bụi	US EPA Method 5	<input type="checkbox"/> HF	US EPA Method 26A	
	<input type="checkbox"/> SO <sub>2</sub>	US EPA Method 8	<input type="checkbox"/> VOCs	PD CEN/TS 13649:2014	
	<input type="checkbox"/> NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	TCVN 7172:2002	<input type="checkbox"/> Hydrocacbon (C <sub>x</sub> H <sub>y</sub> )	US EPA method 0010	
	<input type="checkbox"/> CO	TCVN 7242:2003	<input type="checkbox"/> NH <sub>3</sub>	JIS K 0099:2004	
	<input type="checkbox"/> HCl	US EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	US EPA Method 8	
	<input type="checkbox"/> HBr	US EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> Asen (As)	US EPA Method 29	
	<input type="checkbox"/> Cl <sub>2</sub>	US EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> Cadimi (Cd)	US EPA Method 29	
	<input type="checkbox"/> Đồng (Cu)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Crom (Cr)	US EPA Method 29	
	<input type="checkbox"/> Chi (Pb)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Coban (Co)	US EPA Method 29	
<input type="checkbox"/> Mangan (Mn)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Photpho (P)	US EPA Method 29		
<input type="checkbox"/> Niken (Ni)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Selen (Se)	US EPA Method 29		
<input type="checkbox"/> Kẽm (Zn)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Bac (Ag)	US EPA Method 29		
<input type="checkbox"/> Beri (Be)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Tali (Ti)	US EPA Method 29		
<input type="checkbox"/> Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Bari (Ba)	US EPA Method 29		
<input type="checkbox"/> Antimon	US EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Methyl etyl keton (MEK)	PD CEN/TS 13649:2014		
<input type="checkbox"/> Hợp chất hydrocacbon đa vòng thơm	US EPA method 0023				



# CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS  
292

Mã số/ Ref. No: 04211/2024/PKQ (24.4069)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
2. Địa điểm lấy mẫu/  
Sampling location: **HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG-DỰ ÁN THUÊ ĐẤT BÃI BỒI  
NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU, SÒ GIỒNG - Ấp  
Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí xung quanh**

#### 4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.4069.K.01	Khu vực bờ biển cách dự án 2km	X=1072121, Y=0618083

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/08/2024

#### 7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				24.4069.K.01	Trung bình 1 giờ <sup>(1)</sup>
1	Tiếng ồn <sup>(a)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	50,2	70 <sup>(2)</sup>
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(a)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	120	300 <sup>(3)</sup>
3	NO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	45	200 <sup>(3)</sup>
4	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	41	350 <sup>(3)</sup>
5	CO <sup>(a)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	SOP-H16	< 9.000	30.000 <sup>(3)</sup>

#### Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 04212/2024/PKQ (24.4069)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN  
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG-DỰ ÁN THUÊ ĐẤT BÃI BÒI NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU, SÒ GIỒNG - Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh  
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước biển

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.4069.NB.01	Mẫu trong đường triều kiệt nơi thực hiện dự án	X=1072027, Y=0618472
24.4069.NB.02	Mẫu ngoài đường triều kiệt nơi thực hiện dự án	X=1072067, Y=0618975

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/08/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		Chất lượng nước biển vùng biển ven bờ
				24.4069. NB.01	24.4069. NB.02	
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,36	7,32	6,5 ÷ 8,5
2	DO <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325:2016	6,12	6,32	≥ 5
3	TSS <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	17,4	18	50
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500- NH <sub>3</sub> .B&F:2017	2,47	2,26	0,1
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	0,07	0,2
6	Fe <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	5,82	31,02	0,5
7	Coliform <sup>(a,b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	1.000
8	Tổng dầu. mỡ khoáng <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	<1	5





# CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS  
292

## Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**

*Director*



**ĐOÀN THỊ THỦY**





Mã số/ Ref. No: 04213/2024/PKQ (24.4069)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN  
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: HỢP TÁC XÃ PHƯƠNG ĐÔNG-DỰ ÁN THUÊ ĐẤT BÃI BỒI NUÔI NGHÊU, SÒ THƯƠNG PHẨM, NGHÊU, SÒ GIỒNG - ẤP Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh  
3. Loại mẫu/ Type of sample: Trầm tích

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.4069.TT.01	Trầm tích nằm ngoài đường triền kiệt nơi thực hiện dự án	X=1072093, Y=0619019

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/08/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 43:2017/BTNMT
				24.4069.TT.01	Trầm tích nước mặn, nước lợ <sup>(1)</sup>
1	Hg <sup>(c)</sup>	mg/kg	US EPA Method 7471B	KPH (MDL=0,05)	0,7
2	Cu <sup>(a,b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	<1,9	108
3	Cr <sup>(a,b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=1)	160
4	Pb <sup>(a,b)</sup>	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=1)	112
5	Fe <sup>(c)</sup>	mg/kg	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	21,532	-
6	Asen <sup>(c)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,3)	41,6

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample  
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



# CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



## Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- "-": Không quy định
- (1): Giá trị giới hạn của các thông số trong trầm tích

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

## TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

## GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THỦY



## QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



## GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 292

# BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

## CHỨNG NHẬN

### ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: **VIMCERTS 292**

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài,  
phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt  
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thủy Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11 năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày **26** tháng **01** năm 2025

# LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

## I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### 1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biên:	Lấy mẫu: 04	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 08 thông số

### 2. Khí:

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 34	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 32	Đo tại hiện trường: 12 thông số

### 3. Đất:

Lấy mẫu: 01

### 4. Bùn:

Lấy mẫu: 01

### 5. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01

### 6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01

## II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### 1. Nước:

- Nước mặt:	37 thông số
- Nước thải:	38 thông số
- Nước biên:	22 thông số
- Nước dưới đất:	35 thông số

### 2. Khí:

- Không khí xung quanh:	19 thông số
- Khí thải:	10 thông số

### 3. Đất:

13 thông số

### 4. Bùn:

15 thông số

### 5. Trầm tích:

08 thông số

### 6. Chất thải rắn:

10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận  
kèm theo Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2022 của Bộ trưởng  
Bộ Tài nguyên và Môi trường)./

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

**1. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú**

Trụ sở: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.66604779

- Địa chỉ Email: mtdaiphu@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**2. Số đăng ký: 292/TN-QTMT.**

**3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.**

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QI, CL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

Số: 218 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện  
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận "**Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú**", địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **292/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 292**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

HỢP TÁC XÃ  
PHƯỜNG ĐÔNG

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO  
Để nuôi trồng nghêu  
tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

ĐỘ CAO, ĐỘ SÂU ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG

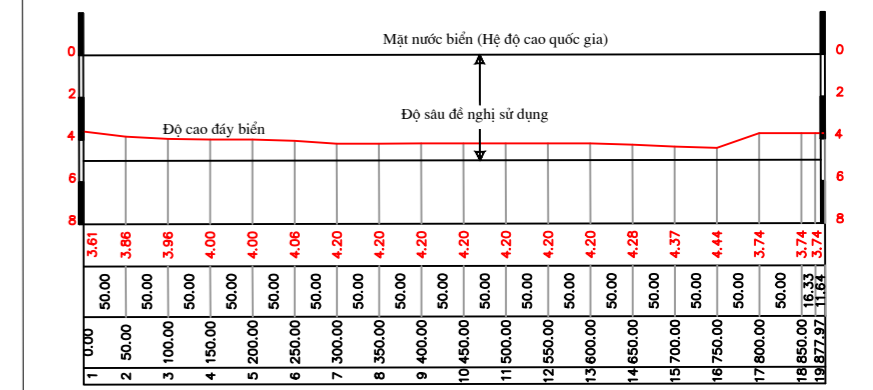
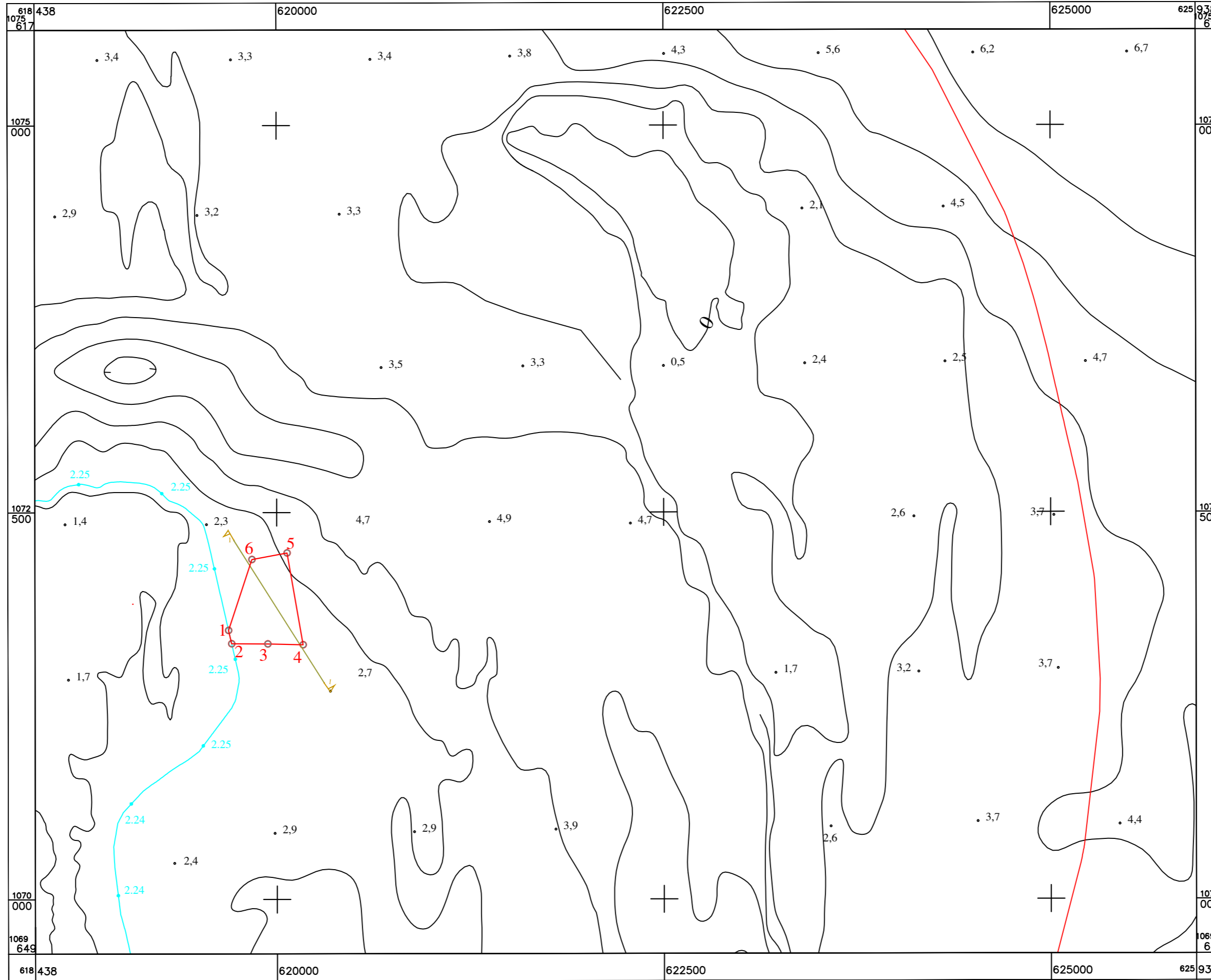
Điểm góc	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000 Kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Kinh độ	Vĩ độ	X (m)	Y (m)
1	09 41 26,847	106 35 26,464	1071738,82	619688,18
2	09 41 24,026	106 35 27,106	1071652,21	619708,00
3	09 41 23,951	106 35 34,754	1071650,67	619941,17
4	09 41 23,767	106 35 42,252	1071645,72	620169,78
5	09 41 43,074	106 35 38,916	1072238,64	620066,19
6	09 41 41,734	106 35 31,460	1072196,75	619839,02
7	09 41 26,847	106 35 26,464	1071738,82	619688,18

Diện tích khu vực biển đề nghị giao là: 20,63 ha  
Độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng: 5,00 m

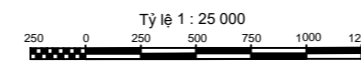
**GHI CHÚ**  
Sơ đồ khu vực biển thể hiện các thông tin sau:  
Vị trí khu vực biển đề nghị giao cách bờ biển : 0-2,2 km.  
Tọa độ diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy hai chữ số.

**CHÚ GIẢI**

- Ranh giới khu vực biển đề nghị giao
- Điểm góc đề nghị giao khu vực biển
- Tuyến mặt cắt đặc trưng khu vực biển
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm
- Đường ranh giới ngoài vùng biển 3 hải lý
- Đường bình độ
- Độ sâu



Mặt cắt 1 - 1



Ngày tháng năm 2024

HỢP TÁC XÃ  
PHƯỜNG ĐÔNG

Ngày tháng năm 2024

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
LẬP SƠ ĐỒ

Sơ đồ tỷ lệ 1:25.000 được trích lục từ Bản đồ địa hình Ba Động có phiên hiệu C-48-58-C, tỷ lệ 1:50.000, Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 105° 00' múi chiếu 6°, Hệ độ cao quốc gia được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022 đã tính chuyển về Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục tỉnh Trà Vinh 105°30', múi chiếu 3°. Đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm được ban hành theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018. Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý được công bố theo Quyết định số 853/QĐ-BTNMT. Độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao quốc gia